

Ngày soạn: 02/9/2023

Ngày dạy: 06, 13/9/2023

TUẦN 1, 2 TIẾT 1, 2: Bài 1. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX (2 tiết)

I/ MỤC TIÊU BÀI HỌC

1/ Kiến thức: Giúp học sinh nắm được:

- Những tổn thất của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945). Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945 -1950).
- Thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX.
- Những nét chính về việc thành lập nhà nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu và công cuộc xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX)
- Hiểu được những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.

2/ Kỹ năng:

- Biết khai thác tư liệu lịch sử, tranh ảnh để hiểu thêm những vấn đề kinh tế xã hội của Liên Xô, kĩ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử, xác định vị trí của từng nước Đông Âu.
- Biết so sánh sức mạnh của Liên Xô với các nước tư bản những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai.

3. Tư tưởng, thái độ, tình cảm;

- Tự hào về những thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô, thấy được tính ưu việt của CNXH và vai trò lãnh đạo to lớn của Đảng cộng sản và nhà nước Xô Viết.
- Khẳng định những đóng góp to lớn của Liên Xô và các nước Đông Âu trong việc xây dựng hệ thống XHCN thế giới, biết ơn sự giúp đỡ của nhân dân Liên Xô và nhân dân các nước Đông Âu đối với sự nghiệp cách mạng nước ta.
- Giáo dục tinh thần đoàn kết quốc tế cho HS.

4. Định hướng các năng lực hình thành:

- *Năng lực chung:* năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- *Năng lực chuyên biệt:*
 - + Năng lực tái hiện những tổn thất của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai, công cuộc khôi phục kinh tế và những thành tựu mà Liên Xô đạt được sau chiến tranh thế giới thứ hai. Hoàn cảnh ra đời các nước Đông Âu.
 - + Năng lực thực hành bộ môn, khai thác kênh hình, sưu tầm tư liệu, tranh ảnh,...của Liên Xô và Đông Âu...
 - + Phân tích, so sánh, liên hệ tình hình phát triển của Liên Xô, Đông Âu so với các nước tư bản khác sau chiến tranh thế giới thứ hai.
 - + Vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống, liên hệ tính ưu việt của Chủ nghĩa xã hội và sự giúp đỡ của nhân dân Liên Xô cho sự nghiệp cách mạng của Việt Nam.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số tranh ảnh mô tả thành tựu công cuộc xây dựng cơ sở - vật chất CNXH ở Liên Xô từ 1950 đến những năm 70; Bản đồ Liên Xô, các nước Đông Âu, bản đồ thế giới.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh... về Liên Xô và Đông Âu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

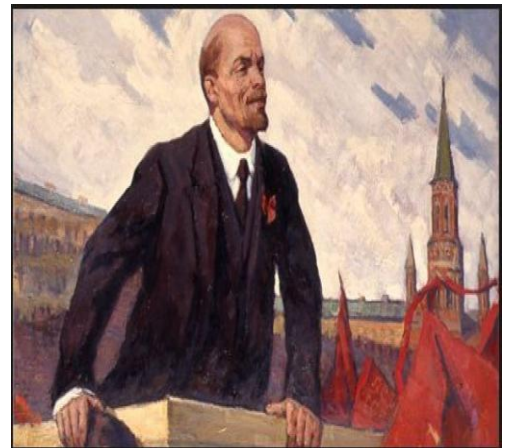
a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, kích thích sự tò mò, hứng thú của HS để tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện: GV cho HS xem một số tranh ảnh có liên quan về đất nước Liên Xô, sau đó GV phát vấn:

+ Hình ảnh trên là Quốc kì của nước nào?

+ Hình ảnh trên đang nhắc đến nhân vật lịch sử nào?

+ Em biết gì về vai trò và sự đóng góp của nhân vật cho sự phát triển của đất nước Liên Xô?



- GV giới thiệu tranh ảnh liên quan HS sau khi quan sát hình ảnh giáo viên chiếu trên Powerpoint, gợi nhớ và trả lời câu hỏi GV đã đưa:

- HS trả lời -> GV chốt ý, tổng kết kiến thức và dẫn dắt vào bài mới: *“Bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai với tư cách là nước thắng trận nhưng Liên Xô bị thiệt hại nặng nề người và của, để khôi phục và phát triển kinh tế đưa đất nước tiến lên xây dựng CNXH khẳng định vị thế của mình đối với các nước tư bản, đồng thời để có điều kiện giúp đỡ phong trào cách mạng thế giới Liên Xô phải tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH. Để tìm hiểu hoàn cảnh, nội dung và kết quả công*

cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH diễn ra như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay ”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: I.Liên Xô

1/ Công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh (1945-1950)

2/ Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)

a. Mục tiêu: Hoàn cảnh của Liên Xô sau CTTG 2, công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 – 1950).

- Liên Xô tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật thông qua thực hiện các kế hoạch dài hạn, 5 năm tiếp theo. Phương hướng chính của các kế hoạch dài hạn.
- Thành tựu khoa học – kĩ thuật của Liên Xô từ 1950 – 1970
- Chính sách đối ngoại của Liên Xô từ 1950-1970

b. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC	NỘI DUNG
Gv giới thiệu vị trí địa lý của Liên Xô trên bản đồ thế giới. - Liên Xô là nước đầu tiên trên thế giới xây dựng Chủ nghĩa cộng sản. Sự xuất hiện của nhà nước Liên Xô xã hội chủ nghĩa đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến trình lịch sử của thế giới. Liên Xô là quốc gia rộng lớn nhất thế giới, Liên Xô bao phủ 1/6 bề mặt Trái Đất. Hoạt động 1: I. Liên Xô 1/ Công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh (1945-1950). - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm: 3 phút - Nhóm lẻ: (1,3,5) ? Tình hình của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai - em có nhận xét gì về sự thiệt hại đó ? ? Nhiệm vụ của Liên Xô sau chiến tranh là gì ?– Liên Xô đã thực hiện những nhiệm vụ đó bằng các biện pháp nào và thành tựu của những biện pháp đó đem lại cho Liên Xô? - Nhóm chẵn: (2,4,6) ? Những thành tựu về kinh tế và KHKT của Liên Xô – Ý nghĩa của những thành tựu đó đối với sự phát triển của Liên Xô? ? Em có nhận xét gì về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên Xô trong thời kì khôi phục kinh tế, nguyên nhân sự phát triển đó ? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều	<u>I.Liên Xô</u> <u>1/ Công cuộc khôi phục kinh tế sau Chiến tranh (1945-1950)</u> - Đất nước Liên Xô bị chiến tranh tàn phá hết sức nặng nề : hơn 27 triệu người chết, 1710 thành phố, hơn 70 000 làng mạc bị phá huỷ,... - Nhân dân Liên Xô thực hiện và hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1946 – 1950) trước thời hạn. - Công nghiệp tăng 73%, một số ngành nông nghiệp vượt mức trước chiến tranh. - Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

chính nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh
GV chuẩn xác các kiến thức đã khai thác và chốt kiến thức.

- GV giới thiệu chuyển ý :

Xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH đó là nền sản xuất đại cơ khí với công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học - kĩ thuật tiên tiến. Đồng thời GV nói rõ đây là việc tiếp tục xây dựng CSVC - KT của CNXH mà các em đã học ở lớp 8.

Hoạt động 2:

b) Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX) (8-10 phút)

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Phát vấn: *LX thực hiện những kế hoạch gì để xây dựng cơ sở VC – KT của CNXH? Trình bày phương hướng chính của các kế hoạch đó?*

- *Thành tựu về kinh tế và khoa học – kỹ thuật mà Liên Xô đạt được trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật? ?*

- Chính sách đối ngoại của Liên Xô?

Thảo luận cặp đôi: 2 phút

- *Hãy cho biết ý nghĩa những thành tựu mà Liên Xô đạt được?*

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV lấy dẫn chứng minh họa:

+ 1960 theo sáng kiến của LX, Liên hợp quốc thông qua tuyên ngôn về việc thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân và trao trả độc lập cho các nước thuộc địa.

+ 1961, LX đề nghị LHQ thông qua tuyên ngôn về

2. Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)

- Liên Xô tiếp tục thực hiện các kế hoạch dài hạn

- Phương hướng chính: sgk

- Kết quả :

+ Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu to lớn : Sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 9,6% => Cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới, chỉ sau Mỹ

+ Năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo, năm 1961 phóng tàu "Phương Đông" đưa con người (I. Gagarin) lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất => mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của con người

- Về đối ngoại : Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình thế giới, quan hệ hữu nghị với các nước và ủng hộ cuộc đấu tranh giải

việc cấm sử dụng vũ khí hạt nhân. + 1963, theo đề nghị của LX, LHQ đã thông qua tuyên ngôn thủ tiêu tất cả các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc. - GV liên hệ nhân dân Liên Xô và nhân dân Việt Nam có tinh thần đoàn kết, nhân dân Liên Xô luôn sát cánh và giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong suốt 8 năm kháng chiến chống Pháp và 21 năm kháng chiến chống Mỹ. Trong thời bình ngày nay Liên Xô và Việt Nam vẫn luôn giữ mối quan hệ hòa hiếu, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau. * GV nhấn mạnh: Thành tựu của nhân dân Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của CNXH là không thể phủ nhận. Nhờ đó mà Liên Xô trở thành trụ cột của các nước XHCN, là thành trì của hòa bình, chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới.	phóng của các dân tộc.
--	------------------------

Hoạt động 3 : II. ĐÔNG ÂU

1/ Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

a. Mục tiêu: Biết được hoàn cảnh ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

b. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	NỘI DUNG
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: - Các nước Dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời trong hoàn cảnh nào ? - Nêu tình hình của nước Đức sau chiến tranh? - Sự ra đời của các nước Dân chủ nhân dân Đông Âu có ý nghĩa gì? Thảo luận cặp đôi: 2 phút - Sự ra đời của nước Đức có điểm gì khác biệt? Theo em sự ra đời đó có tác động như thế nào đến cục diện chính trị trên thế giới? - Để hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu đã tiến hành thực hiện những nhiệm vụ chính nào? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.	II. ĐÔNG ÂU 1/ Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu. - Trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân ở hầu hết các nước Đông Âu tiến hành cuộc đấu tranh chống phát xít và đã giành được thắng lợi : giải phóng đất nước. - Riêng nước Đức bị chia cắt, với sự thành lập nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức (9 – 1949) ở phía Tây lãnh thổ và nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức (10 – 1949) ở phía Đông. - Từ năm 1945 đến năm 1949, các nước Đông Âu hoàn thành những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân : xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, tiến hành cải

	cách ruộng đất, thực hiện các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân,... b) Tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX) (đọc thêm)
--	--

Hoạt động 4: III. SỰ HÌNH THÀNH HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

a. Mục tiêu:

- Cơ sở hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa.
- Sự hợp tác, tương trợ giữa Liên Xô và Đông Âu để thể hiện thông qua các tổ chức: Hội đồng tương trợ kinh tế SEV và tổ chức Hiệp ước Vacsava.
- Tác dụng của các tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế SEV và tổ chức Hiệp ước Vacsava trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

b. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm: 3 phút Nhóm lẻ: <i>? Hệ thống XHCN ra đời trong hoàn cảnh nào? Cơ sở hình thành hệ thống các nước XHCN?</i> <i>? Sự hợp tác tương trợ giữa Liên Xô và Đông Âu được thể hiện như thế nào?</i> Nhóm chẵn: <i>? Tổ chức Hiệp ước Vacsava và Hội đồng tương trợ kinh tế SEV ra đời nhằm mục đích gì?</i> <i>? Thành tích của Hội đồng tương trợ kinh tế trong những năm 1951-1973?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV sơ kết: Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu và tiếp đó là công cuộc xây dựng CNXH của các nước làm cho các CNXH ngày càng mở rộng, đóng góp to lớn vào phong trào cách mạng thế giới, sự ra đời của các tổ chức góp phần to lớn trong việc củng cố và phát triển hệ thống XHCN.	III. SỰ HÌNH THÀNH HỆ THỐNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA * Cơ sở hình thành : - Đều có ĐCS lãnh đạo. - Lấy CN Mác-Lênin làm nền tảng. - Cùng chung mục tiêu xây dựng CNXH - Sau CT2 hệ thống XHCN ra đời. * Các tổ chức : - Ngày 8/1/1949 Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) ra đời. - Ngày 14/5/1955 tổ chức Hiệp ước Vác-xa-va thành lập. * Tác dụng: góp phần bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH, hòa bình an ninh Châu Âu và thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức thi cho các tổ trả lời câu hỏi nhanh và cộng điểm để khuyến khích thi đua giữa các tổ.

GV nêu ra các câu hỏi như sau:

Câu 1. Thành tựu của các nước Đông Âu trong quá trình hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ?

Câu 2. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Vì sao Liên Xô được xem là thành trì của CNXH?

Câu 4: Việt Nam có tham gia vào Hội đồng tương trợ kinh tế SEV không? Nếu có thì Việt Nam tham gia vào năm nào?

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

D. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

a. Mục tiêu:

- Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- HS biết nhận xét, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm với sự phát triển nước ta ở thời điểm đó và hiện nay.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS hoàn thành, GV kiểm tra ở tiết sau.

? Qua sách báo, phim ảnh, em hãy kể một số chuyến bay của các nhà du hành vũ trụ trong những năm 60 của thế kỷ XX ? Ai là người Việt Nam đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng?

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

+ Học bài cũ, nắm kiến thức của bài vừa học.

+ Tiếp tục sưu tầm các tư liệu, hình ảnh về sự phát triển khoa học – kĩ thuật của Liên Xô.

+ Chuẩn bị nội dung, tư liệu, tranh ảnh của bài 2.

..... **HẾT**

Ngày soạn: 10/9/2023

Ngày dạy: 20/9/ 2023

Tuần 3

Tiết 3

Bài 2

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU

TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỈ XX

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nguyên nhân, quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết. Hệ quả cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu.
- Biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
- Nhận xét về tình hình ở Liên Xô từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX. Xác định tên các nước SNG trên lược đồ.

2. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Nhận xét về tình hình ở Liên Xô từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX. Xác định tên các nước SNG trên lược đồ.

3. Phẩm chất

- Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc ta, ý thức được vị trí của lao động và trách nhiệm lao động xây dựng quê hương đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Video về cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1973.
- Tư liệu, tranh ảnh về sự tan rã của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu .
- Tranh ảnh về một số nhà lãnh đạo Liên Xô và các nước Đông Âu.
- Tiểu sử của Gorbachov.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhớ lại kiến thức bài học cũ tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng so sánh 2 tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và tổ chức hiệp ước Vác-sa-va về hoàn cảnh, thành viên, mục đích.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã đạt những thành tựu nhất định về mọi mặt. Tuy nhiên, nó cũng bộc lộ những hạn chế, sai lầm và thiếu sót, cùng với sự

chống phá của các thế lực đế quốc bên ngoài CNXH đã từng tồn tại và phát triển hơn 70 năm đã khủng hoảng và tan rã. Để tìm hiểu nguyên nhân của sự tan rã đó như thế nào? Quá trình khủng hoảng tan rã ra sao chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay để lí giải những vấn đề trên.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động I: Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết

a. Mục đích: Biết được nguyên nhân, quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết. Nhận xét về tình hình ở Liên Xô từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX và xác định tên các nước SNG trên lược đồ.

b. Tổ chức thực hiện :

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS xem 1 đoạn video về sự kiện cuộc khủng hoảng dầu mỏ để hiểu thêm về nguyên nhân khủng hoảng ở Liên Xô. Thảo luận nhóm: 3 phút + Nhóm 1: <i>Bối cảnh lịch sử thế giới trong những năm 70 của thế kỉ XX?</i> + Nhóm 2: <i>Phân tích tình hình Liên Xô trước cải tổ? (Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng)</i> + Nhóm 3: <i>Tìm hiểu nội dung cải tổ của Liên Xô?</i> + Nhóm 4: <i>Đánh giá kết quả của quá trình cải tổ?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng: So sánh giữa lời nói và việc làm của M.Goóc-ba-chốp, giữa lí thuyết và thực tiễn của công cuộc cải tổ để thấy rõ thực chất của công cuộc cải tổ của M.Goóc-ba-chốp càng làm cho kinh tế lún sâu vào khủng hoảng. GV giới thiệu hình 3, 4 trong SGK. Giáo viên nhận xét, bổ sung hoàn thiện nội dung kiến thức. Đồng thời nhấn mạnh cuộc đảo chính 21 – 8 – 1991 thất bại đưa đến việc Đảng Cộng Sản Liên Xô phải ngừng hoạt động và tan rã, đất nước lâm vào tình trạng không có người lãnh đạo.	I. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết 1. Sự khủng hoảng a.Nguyên nhân: + Khách quan: - Năm 1973 khủng hoảng dầu mỏ thế giới dẫn đến cuộc khủng hoảng chung của thế giới. + Chủ quan: - Kinh tế LX lâm vào khủng hoảng, công nông nghiệp trì trệ, lương thực và thực phẩm ngày càng khan hiếm, đời sống nhân dân khó khăn . - Chính trị xã hội mất ổn định. b. Quá trình cải tổ: - Tháng 3 1985, Goóc-ba-chốp đề ra đường lối cải tổ. - Mục tiêu: đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và xây dựng một CNXH theo đúng bản chất và ý nghĩa nhân văn đích thực của nó. - Kết quả: Cuộc cải tổ thất bại. Đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn. 2. Sự tan rã của Liên bang Xô viết - Ngày 21 - 12 - 1991, 11 nước cộng hoà kí hiệp định về giải tán Liên bang, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (viết tắt là

Quan sát hình 4 – SGK, xác định tên các nước SNG trên lược đồ.	SNG). – - Tối 25 - 12 - 1991, Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.
--	---

Hoạt động II Hệ quả của cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu.

a. Mục đích: Hệ quả cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu. Biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

b. Tổ chức thực hiện :

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV <i>phát vấn:</i> <i>? Hậu quả của cuộc khủng hoảng của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu là gì?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng : cho HS xem đoạn video ngắn về khủng hoảng đầu mỏ năm 1973 để bổ trợ kiến thức cho HS. Giáo viên hướng dẫn học sinh biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.	II. Hệ quả của cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu. - Các nước Đông Âu đều tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa xã hội, thực hiện đa nguyên về chính trị. - Các thế lực chống CNXH thắng cử. Các đảng cộng sản đều thất bại - Chấm dứt sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa. - 28/6/1991, SEV ngừng hoạt động. - 1/7/1991, Tổ chức Vác-sa-va giải tán => Đây là những tổn thất hết sức nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới và các lực lượng dân chủ, tiến bộ ở các nước.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết và Hệ quả của cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi “Đi tìm Doremon” giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Nguyên nhân cơ bản nào làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?

A. Chậm sửa chữa những sai lầm.

B. Xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp.

Câu 2. Chế độ XHCN ở Liên Xô tồn tại bao nhiêu năm?

A. 74 năm B. 75 năm C. 73 năm D. 79 năm

Câu 3. Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) giải thể vào năm nào?

A. 1991 B. 1992 C. 1994 D. 1995

Câu 4. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô năm 1985 diễn ra trong lĩnh vực nào?

A. Văn hoá – giáo dục

B. Kinh tế và chính trị

C. Kinh tế - văn hóa

D. Văn hóa – chính trị

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: - Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ cho HS, hoàn thành yêu cầu sau: *Liên hệ những mối quan hệ ảnh hưởng và đóng góp của hệ thống XHCN đối với phong trào cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng?*

- GV kiểm tra ở tiết sau.

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

+ Học bài cũ, soạn bài 3: Quá trình phát triển phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa và trả lời câu hỏi cuối SGK

-----HẾT-----

Ngày soạn: 19/9/2023

Ngày dạy: 27/9/2023

TUẦN 4

Tiết 4

Bài 3

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 60 của thế kỉ XX.
- Biết được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.
- Biết được nét chính về phong trào giành độc lập của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Xác định trên lược đồ vị trí của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh giành được độc lập.
- Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.
- Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kĩ năng sử dụng bản đồ ...

- Tăng cường tình đoàn kết hữu nghị với các nước Châu Á, Phi, Mĩ la tinh
- Nâng cao lòng tự hào dân tộc vì nhân dân đã giành được những thắng lợi to lớn trong đấu tranh giải phóng dân tộc...

3. Phẩm chất

- Tăng cường tình đoàn kết hữu nghị với các nước Châu Á, Phi, Mĩ la tinh
- Nâng cao lòng tự hào dân tộc vì nhân dân đã giành được những thắng lợi to lớn trong đấu tranh giải phóng dân tộc...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh ảnh về các nước Á, Phi, Mĩ La tinh. Bản đồ thế giới và các nước Á, Phi, Mĩ La tinh.
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh các nước Á, Phi, Mĩ La tinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1 (chuyển giao nhiệm vụ): GV cho hs quan sát bản đồ thế giới. Yêu cầu HS lên xác định vị trí các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

Bước 2 (thực hiện nhiệm vụ): HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3 (báo cáo kết quả nhiệm vụ): Phần trả lời các câu hỏi của HS.

Bước 4 (đánh giá): Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cao trào giải phóng dân tộc diễn ra rất sôi nổi ở Châu Á, Phi, Mĩ-La tinh làm cho hệ thống thuộc địa của CNDQ tan rã từng mảng lớn và đi tới sụp đổ hoàn toàn. Quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX diễn ra như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay để lí giải những vấn đề trên.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Hoạt động chung

1. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế kỷ XX

2. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX

3. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX

- **Mục tiêu:** Biết được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX. Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS đọc SGK mục I, II, III và hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập:	1. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế

PHIẾU HỌC TẬP

Các giai đoạn	Khu vực	Nước giành độc lập	Thời gian độc lập	Kết quả (ý nghĩa)
I. Giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 60 (TK XX)				
II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 (TK XX)				
III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 (TK XX)				

ky XX

+ Nhóm 1,2: Tìm những nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 60 của thế kỷ XX?

+ Nhóm 3,4: Nêu một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh từ những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX?

+ Nhóm 5,6: nét chính về phong trào giành độc lập của các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc những bằng hệ thống câu hỏi gợi mở.

? Chiến tranh thế giới thứ hai tác động như thế nào tới các nước Á, Phi, Mỹ La Tinh?

? Từ sau CTTG thứ hai đến giữa những năm 60 của TK XX, PTGPDT ở châu Á có gì nổi bật?

? Phong trào tiêu biểu là những nước nào ở ĐNÁ?

? Phong trào đấu tranh các nước Nam Á và Bắc Phi như thế nào?

? Từ cuối những năm 70 chủ nghĩa thực dân tồn tại dưới hình thức nào?

? Sau nhiều năm đấu tranh bền bỉ người da đen đã giành được thắng lợi gì?

? Em có nhận xét gì về hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 90 của thế kỷ XX?

? Sau khi giành được độc lập nhân dân các nước này đã làm gì?

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV chọn một nhóm đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá. - GV: Tới giữa những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc về cơ bản đã bị sụp đổ (năm 1967 chỉ còn 5,2 triệu km² với 35 triệu dân, tập trung chủ yếu ở Nam châu Phi). - Sự tan rã hệ thống thuộc địa BĐN là một thắng lợi quan trọng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. - GV giải thích: chế độ phân biệt chủng tộc Apac thai: Là chính sách phân biệt chủng tộc cực đoan và tàn bạo của Đảng quốc dân, chính Đảng của thiểu số da trắng cầm quyền ở Nam Phi chủ trương tước đoạt mọi quyền lợi cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội của người da đen. Ban bố hơn 70 đạo luật phân biệt đối xử. Là tội ác chống nhân loại	
--	--

Nội dung

Các giai đoạn	Khu vực	Nước giành độc lập	Thời gian độc lập	Kết quả
Giai đoạn từ 1945 đến giữa những năm 60 - XX	- Đông Nam Á - Nam Á - Bắc Phi - Châu Phi - Mĩ La Tinh	- In-đô-nê-xi-a - Việt Nam - Lào - Ấn Độ - Ai Cập - An-giê-ri - 17 nước - Cu Ba	- 18/8/1945 - 2/9/1945 - 12/10/2945 - 1947 - 1952 - 1954-1960 - 1960 - 1/1/1959	Đến giữa những năm 60 của TK XX, hệ thống thuộc địa của CNDQ căn bản bị sụp đổ
II. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 TK XX	Miền Nam châu Phi	-Ghi-nê-Bit-xao - Môdămbích - Ăng gô la	- 9/1974 - 6/1975 - 11/1975	Thể hiện thắng lợi quan trọng của phong trào GPDT ở châu Phi
III. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 TK XX	Miền nam châu Phi	- Dim-ba-buê - Na-mi-bi-a - CH Nam Phi	- 1980 - 1990 -1993	Hệ thống thuộc địa của CNDQ bị sụp đổ hoàn toàn

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi Ai là triệu phú, yêu cầu HS chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu hỏi của trò chơi.

Câu 1. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) tồn tại ở ba nước nào sau đây?

A. Rô-đê-ni-a, Ghi-nê Bit-xao và Cộng hòa Nam Phi.

B. Rô-đê-ni-a, Mô-dăm-bich và Cộng hòa Nam Phi.

C. Rô-đê-đi-a, Ăng-gô-la và Cộng hòa Nam Phi.

D. Rô-đê-đi-a, Tây Nam Phi và Cộng hòa Nam Phi.

Câu 2. Sự kiện phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh đã tạo thời cơ cho các dân tộc ở khu vực nào đứng lên đấu tranh giành độc lập?

A. Đông Nam Á.

B. Nam Phi.

C. Đông Bắc Á.

D. Mĩ La tinh.

Câu 3. Cho đến năm 1967, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân chỉ còn tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

A. Đông Nam Á.

B. Nam Mĩ.

B. Nam châu Phi.

D. Mĩ La tinh.

Câu 4. Ngày 2 - 9 - 1945, quốc gia nào ở Đông Nam Á đã đứng lên đấu tranh giành độc lập?

A. In-đô-nê-xi-a.

B. Việt Nam.

C. Ma-lai-xi-a.

D. Lào.

Câu 5. Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc phong trào giải phóng dân tộc đã nổ ra mạnh mẽ nhất ở các nước nào?

A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

B. Việt Nam, Mi-an-ma, Lào.

C. In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.

D. Phi-lip-pin, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thành bảng niên biểu, GV kiểm tra ở tiết sau.

Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh? HS làm ở nhà.

Nước	Thời gian giành độc lập

- HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

+ Học bài cũ, soạn bài 4: Các nước châu Á. Nắm khái quát tình hình các nước Châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sự ra đời của nước CHND Trung Hoa: Các giai đoạn phát triển từ 1949 – 2000.

+ Suu tầm tranh ảnh, tư liệu về Trung Quốc.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 26/9/ 2023

Ngày dạy: 04/10/ 2023

TUẦN 5

Tiết 5

Bài 4 **CÁC NƯỚC CHÂU Á**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình chung của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Biết được một số nét chính về sự ra đời của các nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và công cuộc cải cách - mở cửa (1978 đến nay).
- Nhận xét về thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Biết xác định vị trí của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sau ngày thành lập trên lược đồ. Nhận xét về thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa.
 - + Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kỹ năng sử dụng bản đồ...

3. Phẩm chất

- Giáo dục tinh thần quốc tế, đoàn kết với các nước, cùng xây dựng xã hội công bằng văn minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tư liệu, tranh ảnh về các nước châu Á, đặc biệt là Trung Quốc từ 1949 – nay.
- Bản đồ châu Á sau CTTGII, Bản đồ Trung Quốc từ 1949 – nay.

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Suru tầm tư liệu, tranh ảnh các nước châu Á, Trung Quốc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV cho HS quan sát lược đồ Châu Á. Yêu cầu HS cho biết những hiểu biết của mình về Châu lục này.

Bước 2: HS quan sát và trình bày

Bước 3: HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Giáo viên nhận xét và kết nối vào bài học: Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Châu Á với diện tích rộng lớn và dân số đông nhất thế giới. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, châu Á có nhiều biến đổi sâu sắc, trải qua quá trình đấu tranh lâu dài gian khổ các dân tộc châu Á đã giành được độc lập. Từ đó đến nay các nước đang ra sức

củng cố độc lập, phát triển kinh tế xã hội. Ngày nay, một trong những đất nước có sự tốc độ phát triển rất nhanh là Trung Quốc. Trung Quốc đã đạt được những thành tựu lớn trong công việc phát triển kinh tế, xã hội, vị thế của nước ngày càng lớn trên trường quốc tế. Chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung này trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: I. Tình hình chung

- **Mục tiêu:** Biết được tình hình chung của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục I. - Xác định trên lược đồ vị trí của châu Á. - Thảo luận cặp đôi: Hãy nêu những nét nổi bật của châu Á từ sau năm 1945? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. Giáo viên gợi mở: Giới thiệu vị trí châu Á trên bản đồ và yêu cầu HS xác định. - Đất rộng, đông dân, tài nguyên phong phú. ? Trước 1945 tình hình châu Á như thế nào? ? Sau 1945 châu Á có sự thay đổi gì? ? Từ nửa sau thế kỷ XX tình hình châu Á như thế nào? GV mở rộng: Ấn Độ là một trường hợp tiêu biểu với cuộc “CM xanh” trong nông nghiệp, sự phát triển của công nghiệp phần mềm, các ngành CN thép, xe hơi... GV: chốt kiến thức và chuyển ý sang mục 2.	I. Tình hình chung - Sau CTTG II, một cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra ở châu Á. Tới cuối những năm 50, phần lớn các nước châu Á đã giành được độc lập. - Nửa sau thế kỷ XX, tình hình châu Á lại không ổn định bởi đã diễn ra các cuộc chiến tranh xâm lược của các nước đế quốc, nhất là ở khu vực Đông Nam Á và Trung Đông. - Sau Chiến tranh lạnh, lại xảy ra xung đột, li khai, khủng bố ở một số nước như: Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a... - Hiện nay một số nước châu Á đã đạt sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế như Trung Quốc, Hàn quốc, Xin-ga-po... Ấn Độ...

Hoạt động 2. II. Trung Quốc

- **Mục tiêu:** Biết được một số nét chính về sự ra đời của các nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và công cuộc cải cách - mở cửa (1978 đến nay).

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 1: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: - Nêu hoàn cảnh, diễn biến và kết quả cuộc nội chiến ở Trung Quốc 1946 – 1949? - Sự ra đời của nước CHDCND Trung Hoa có ý nghĩa như thế nào đối với Trung Quốc và quốc tế? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV hướng dẫn học sinh xác định vị trí của TQ trên bản đồ châu Á. Hoạt động 2: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận cặp đôi: 3 phút - Trình bày nội dung và thành tựu công cuộc cải cách, mở cửa (từ năm 1978 đến nay)? Phát vấn: Trình bày chính sách đối ngoại của Trung Quốc? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. - GV mở rộng: Sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. GV giới thiệu cho HS xem các hình ảnh, video về sự phát triển của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc từ 1991 đến nay.	II. Trung Quốc 1. Sự ra đời nước CHNDTH - 1 – 1 – 1949 nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập. - Ý nghĩa: sgk/16 2. Công cuộc cải cách, mở cửa (từ năm 1978 đến nay) - Tháng 12 - 1978, Trung Quốc đề ra đường lối mới với chủ trương lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách và mở cửa nhằm xây dựng Trung Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh. - Thành tựu: Sau hơn 20 năm cải cách mở cửa, nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trung bình hằng năm 9,6%. Đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt. - Về đối ngoại, Trung Quốc đã cải thiện quan hệ với nhiều nước, thu hồi chủ quyền đối với

	Hồng Công (1997) và Ma Cao (1999). Địa vị của Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế.
--	---

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS làm việc *cá nhân*, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Á là thuộc địa của những nước nào?

A. Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. B. I-ta-li-a, Nhật, Mỹ, Anh, Pháp.
C. Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Hà Lan. D. Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, Tây Ban Nha.

Câu 2. Nét nổi bật của tình hình châu Á từ cuối những năm 50 của thế kỉ XX là

A. tất cả các quốc gia trong khu vực đều giành được độc lập.
B. các nước tiếp tục chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.

C. phần lớn các quốc gia trong khu vực đã giành được độc lập.

D. các nước tham gia khối phòng thủ chung Đông Nam Á (SEATO).

Câu 3. Bước sang thế kỷ XX, châu Á được mệnh danh là "Châu Á thức tỉnh" vì

A. phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

B. nhân dân thoát khỏi sự thống trị của vua chúa phong kiến.

C. tất cả các nước châu Á giành được độc lập.

D. có nhiều nước giữ vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

Câu 4. Yếu tố nào sau đây quyết định nhất đến sự phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự suy yếu của các nước thực dân phương Tây.

B. Ý thức độc lập và sự lớn mạnh của lực lượng dân tộc.

C. Thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.

D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.

Câu 5. Để tự túc được lương thực và xuất khẩu gạo, Ấn Độ đã

A. thực hiện biện pháp đẩy mạnh sản xuất ra nhiều máy móc hiện đại.

B. áp dụng các kĩ thuật canh tác mới trong nông nghiệp.

C. tiến hành cuộc “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

D. thực hiện lai tạo nhiều giống lúa mới có năng suất cao

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức sau khi HS đã hình thành kiến thức mới.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao cho HS làm ở nhà và kiểm tra ở tiết học sau.

? Từ thắng lợi của công cuộc cải cách ở Trung Quốc và thất bại của công cuộc cải tổ ở Liên Xô Đảng ta đã rút ra những bài học kinh nghiệm gì cho đất nước ta?

? Tại sao có ý kiến cho rằng “thế kỉ XXI là thế kỉ của châu Á”?

*** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS**

+ Học bài cũ, soạn bài 5: Các nước Đông Nam Á. Nắm khái quát tình hình các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sự ra đời và hoạt động của tổ chức Asean.

+ Sưu tầm những tranh ảnh, tư liệu về Đông Nam Á và mối quan hệ giữa các nước Đông Nam Á với Việt Nam.

*****HẾT*****

Ngày soạn: 03/10/2023

Ngày dạy: 11/10/2023

TUẦN 6

Tiết 6

Bài 5

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945.
- Hiểu được hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN và biết được mục tiêu hoạt động của tổ chức này.
- Lập niên biểu quá trình ra đời và phát triển.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Biết xác định vị trí của nước ASEAN trên lược đồ. Nhận xét về quá trình phát triển của tổ chức ASEAN.
- + Rèn luyện kĩ năng tư duy lô gic, xâu chuỗi sự kiện, các vấn đề lịch sử.
- + Kĩ năng thu thập và xử lý thông tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.

3. Phẩm chất

- Giáo dục niềm tự hào về các thành tựu đạt được của nhân dân Đông Nam Á, củng cố khối đoàn kết trong khu vực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tư liệu, tranh ảnh về các nước Đông Nam Á; bản đồ châu Á.
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh các nước Đông Nam Á.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: - Giáo viên cho học sinh quan sát các hình ảnh và yêu cầu trả lời câu hỏi dưới đây:



- + Em hãy cho biết nội dung của các bức tranh.
- + Những hình ảnh đó gợi cho em liên tưởng đến tổ chức nào ?
- + Em có hiểu biết gì về sự phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á ?

Bước 2 : HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3 : Phần trả lời các câu hỏi của HS.

Bước 4: GV đánh giá, nhận xét.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Chiến tranh thế giới thứ 2 đã tạo cơ hội để nhiều nước trong khu vực ĐNA giành độc lập và phát triển kinh tế, bộ mặt các nước trong khu vực có nhiều thay đổi. Nhiều nước đã trở thành con rồng châu Á. Để hiểu rõ hơn về tình hình phát triển của Đông Nam Á sau 1945 đến nay chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945

- **Mục tiêu:** Biết được tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của các nước Đông Nam Á. - Thảo luận cặp đôi: Hãy trình bày tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945?	1. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945 - Trước 1945, các nước Đông Nam Á, trừ Thái Lan, đều là thuộc địa của thực dân phương Tây. - Sau 1945 Đông Nam Á nổi dậy giành chính quyền như In-đô-nê-xi-a – Việt Nam - Lào => Giữa những năm 1950
Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.	
Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.	
Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức	

- Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. Giáo viên gợi mở bằng hệ thống câu hỏi: <i>? Tình hình Đông Nam Á trước 1945?</i> <i>? Sau 1945 tình hình Đông Nam Á ra sao?</i> <i>? Sau khi một số nước giành độc lập, tình hình khu vực này ra sao?</i> <i>? Từ giữa những năm 1950 của thế kỷ XX đường lối đối ngoại của Đông Nam Á có gì thay đổi?</i> <i>? Tại sao trong số các nước Đông Nam Á chỉ có Thái Lan thoát khỏi tình trạng thuộc địa ?</i>	đã giành được độc lập. - Từ những năm 1950 Mỹ can thiệp vào khu vực thành lập khối quân sự Đông Nam Á (SEATO) và cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam (1954-1975). - Giữa những năm 50 của thế kỷ XX, các nước Đông Nam Á có sự phân hóa trong đường lối đối ngoại.
--	--

Hoạt động 2. 2. Sự ra đời của tổ chức ASEAN

- **Mục tiêu:** Hiểu được hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN và biết được mục tiêu hoạt động, nguyên tắc của tổ chức này, sự phát triển của ASEAN. Xác định vị trí các nước Đông Nam Á trên lược đồ.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 2 SGK, hoàn thành yêu cầu sau: + <i>Nhóm lẻ: Hoàn cảnh ra đời, mục tiêu của tổ chức ASEAN?</i> + <i>Nhóm chẵn: Nguyên tắc hoạt động của tổ chức ASEAN và sự phát triển kinh tế của các nước ASEAN?.</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV phát vấn: <i>? Quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN như thế nào?</i> GV mở rộng: Trụ sở của ASEAN (ban thư ký) đặt tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a) Trong thời kì đầu mới thành lập ASEAN có 2 văn kiện quan trọng là:	2. Sự ra đời của tổ chức ASEAN a. Hoàn cảnh ra đời: - Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ sự cần thiết phải cùng nhau hợp tác để phát triển đất nước và hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực. - Ngày 8 / 8 / 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan và Xin-ga-po. + Mục tiêu: sgk

1. "Tuyên bố Băng Cốc" (8/1967) xác định mục tiêu của ASEAN là tiến hành sự hợp tác kinh tế và văn hoá giữa các nước thành viên trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực. 2. "Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á" Hiệp ước Ba-li (2/1976) đã xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên. - Từ đầu những năm 80 thế kỉ XX, do "vấn đề Cam-pu-chia" quan hệ giữa các nước ASEAN và ba nước Đông Dương lại trở nên căng thẳng, đối đầu nhau. Cũng trong thời gian này, nền kinh tế các nước ASEAN đã có những chuyển biến mạnh mẽ và đạt được sự tăng trưởng cao như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan,...	*Nguyên tắc: sgk - Từ những năm 80 kinh tế nhiều nước ASEAN phát triển mạnh: Xin – Ga – po; Thái lan, Malaixia
---	--

Hoạt động 3. 3. Từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10"

- **Mục tiêu:** Lập niên biểu quá trình ra đời và phát triển từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10".

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 2 SGK và hoàn thành yêu cầu: <i>Lập niên biểu quá trình ra đời và phát triển từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10"?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. Giáo viên: Hướng dẫn học sinh xem Hình 11 → Thể hiện sự hợp tác hữu nghị, giúp đỡ nhau cùng phát triển.	3. Từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10" - 1984 Bru-nây tham gia tổ chức ASEAN. * Từ “ASEAN 6” phát triển thành “ASEAN 10”: - 7/1995 Việt Nam gia nhập ASEAN. - 7/1997 Lào, Mi – an – ma. - 4/1999 Căm – pu – chia - Với 10 nước thành viên, ASEAN trở thành tổ chức khu vực ngày càng có uy tín với những hợp tác kinh tế (AFTA, 1992) và hợp tác an ninh (diễn đàn khu vực ARF, 1994). Nhiều nước ngoài khu vực đã tham gia hai tổ chức trên như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Mỹ...

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến.

- **Tổ chức thực hiện:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập năm 1945 là

A. Việt Nam. B. Lào. C. Sin-ga-po. **D. In-đô-nê-xi-a.**

Câu 2. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào ở ĐNÁ không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

A. Việt Nam. B. In-đô-nê-xi-a. C. Sin-ga-po. **D. Thái Lan.**

Câu 3. Các quốc gia đầu tiên thành lập tổ chức ASEAN là

A. Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, Philippin.

B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, Philippin, Việt Nam.

C. Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, Philippin.

D. Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, Philippin.

Câu 4. Quốc gia trở thành thành viên thứ bảy của tổ chức ASEAN là

A. Bru-nây. **B. Việt Nam.** C. Lào. D. Cam-pu-chia.

Câu 5. Điều không phải là nguyên nhân làm cho các nước Đông Nam Á phân hóa trong đường lối đối ngoại từ giữa những năm 50 của thế kỉ XX?

A. Sự can thiệp của Mỹ vào khu vực.

B. Mỹ cùng Anh, Pháp thành lập khối quân sự SEATO ở Đông Nam Á.

C. Mỹ tiến hành xâm lược ba nước Đông Dương.

D. Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ Việt Nam chống Mỹ.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** - Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao cho HS làm ở nhà và kiểm tra ở tiết học sau.

1/ Tại sao nói từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, một chương mới đã mở ra trong lịch sử khu vực ĐNÁ ?

2/ Quan hệ Việt Nam và các nước ASEAN hiện nay?

*** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS**

+ Học bài cũ, hoàn thành vở bài tập.

+ Soạn bài 7: Các nước Châu Phi. Nắm khái quát tình hình các nước Châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sưu tầm những tranh ảnh, tư liệu về Châu Phi.

*******HẾT*******

Ngày soạn: 7/10/2023

Ngày dạy: 18/10/2023

TUẦN 7

Tiết 7

Bài 6

CÁC NƯỚC CHÂU PHI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nét chính tình hình chung ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai. *Chỉ tập trung vào quá trình đấu tranh giành độc lập sau 1945.*
- Trình bày được kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai).
- Quan sát hình 13. Nen-xơn Man-đê-la và tìm hiểu thêm về cuộc đời và hoạt động của ông.
- Xác định trên lược đồ vị trí một số nước tiêu biểu trong quá trình đấu tranh giành độc lập.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Biết xác định trên lược đồ vị trí một số nước tiêu biểu trong quá trình đấu tranh giành độc lập.
- + Rèn luyện kỹ năng tư duy lô gic, xâu chuỗi sự kiện, các vấn đề lịch sử. biết khai thác tư liệu tranh ảnh.
- + Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.

3. Phẩm chất: Giáo dục học sinh tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ, ủng hộ nhân dân Châu Phi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Bản đồ châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Một số tranh ảnh, hình ảnh về châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh các nước Châu Phi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chiếu clip về các nước châu Phi. Yêu cầu HS phát biểu hiểu biết của mình về châu lục được nhắc trong video.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3 : Phân trả lời các câu hỏi của HS

Bước 4 : Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Châu Phi là châu lục rộng lớn, dân số đông, sau Chiến tranh thế giới thứ hai phong trào đấu tranh chống CNTD giành độc lập của các nước châu Phi đã diễn ra sôi nổi rộng khắp. Đến nay hầu hết các nước châu Phi đều đã giành được độc lập nhưng trên con đường phát triển các nước châu Phi còn gặp nhiều khó khăn, vấn đề chủ yếu của các nước hiện nay là chống đói nghèo lạc hậu. Để hiểu rõ hơn về tình hình phát triển của châu Phi sau 1945 đến nay chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Tình hình chung

- **Mục tiêu:** Biết được nét chính tình hình chung ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chỉ tập trung vào quá trình đấu tranh giành độc lập sau 1945.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
GV: Giới thiệu về Châu Phi: - Châu Phi đứng thứ 3 thế giới về diện tích, đứng thứ 4 thế giới về dân số. Có tài nguyên phong phú. Trước chiến tranh hầu hết các nước châu Phi đều là thuộc địa của đế quốc thực dân. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm: + <i>Nhóm chẵn:</i> Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi như thế nào? + <i>Nhóm lẻ:</i> Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình châu Phi có những nét gì nổi bật? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. * GV phát vấn: ? <i>Tại sao phong trào nổ ra sớm nhất lại ở Bắc Phi</i> ? <i>Em hãy nêu những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân châu Phi?</i> ? <i>Em có nhận xét gì về hệ thống thuộc địa của đế quốc ở châu Phi?</i> ? <i>Nguyên nhân tình hình châu Phi ngày càng khó khăn và không ổn định?</i> Dự kiến sản phẩm: - Phong trào nổ ra sớm nhất lại ở Bắc Phi vì nơi đây có trình độ	1. Tình hình chung - Sau CTTG thứ 2, phong trào giải phóng dân tộc đã diễn ra sôi nổi ở châu Phi. + Thắng lợi của Ai cập 1953; An-giê-ri: 1962; năm 1960. + Năm 1960 "Năm châu Phi", với 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập. - Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước và đã thu được nhiều thành tích. Tuy nhiên, nhiều nước châu Phi vẫn trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu, thậm chí lại diễn ra các cuộc xung đột, nội chiến. - Châu Phi đã thành

phát triển cao hơn các vùng khác. - Vào cuối thế kỉ XX hệ thống thuộc địa lần lượt tan rã, ra đời các quốc gia độc lập. - Nguyên nhân tình hình châu Phi ngày càng khó khăn và không ổn định là do đói nghèo, lạc hậu, xung đột, nội chiến, nợ nần, bệnh tật.... GV mở rộng: Nhiều nhà phân tích dự báo, thế kỷ XXI sẽ là “thế kỷ của châu Phi” với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng, mặc dù tình trạng nghèo đói, bất bình đẳng và thất thoát tài nguyên vẫn còn phổ biến. Trong hai thập niên vừa qua, châu Phi đang chứng kiến một sự chuyển đổi mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Những biến chuyển sâu sắc đã và đang diễn ra tại châu Phi thời gian qua đã làm thay đổi nhận thức của thế giới về châu lục này.	lập nhiều tổ chức khu vực để các nước giúp đỡ, hợp tác cùng nhau, lớn nhất là Tổ chức thống nhất châu Phi – nay là Liên minh châu Phi (viết tắt là AU).
---	--

Hoạt động 2. 2. Cộng hoà Nam Phi

- **Mục tiêu:** Trình bày được kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai).

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. - HS đọc mục 2 SGK. - GV phát vấn: + <i>Sự tàn bạo của chính sách phân biệt chủng tộc được thể hiện ở chỗ nào?</i> + <i>Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi diễn ra như thế nào?</i> - <i>Thảo luận cặp đôi: Men-xon-man-đê-la có vai trò như thế nào trong phong trào chống chế độ Ápácthai?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV: Giới thiệu vị trí và một số nét của Nam Phi trên lược đồ. - Trước CTTG thứ hai, Liên bang Nam Phi nằm trong khối Liên hiệp Anh. Năm 1961, Liên bang Nam Phi rút khỏi khối	2. Cộng hoà Nam Phi - Chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai) đã thống trị cực kì tàn bạo đối với người da đen và da màu ở Nam Phi hơn 3 thế kỉ. - Dưới sự lãnh đạo của tổ chức "Đại hội dân tộc Phi" (ANC), người da đen đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa: - Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xoá bỏ. - Năm 1994, cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên được tiến hành và Nen-xon Man-đê-la - trở thành vị Tổng

Liên hiệp Anh và tuyên bố là nước Cộng hoà Nam Phi. Kéo dài hơn 3 thế kỉ (kể từ năm 1662, khi người Hà Lan tới đây), chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai) đã thống trị cực kì tàn bạo đối với người da đen và da màu ở Nam Phi. Giáo viên mở rộng: - Người da đen đã ngoan cường và bền bỉ đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc. Dưới sự lãnh đạo của tổ chức "Đại hội dân tộc Phi" (ANC), người da đen đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xoá bỏ. - Men-xon-man-đê-la Ông là nhà hoạt động chính trị, là lãnh tụ của ANC, là anh hùng chống chế độ phân biệt chủng tộc.	thống người da đen đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.
---	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức là tình hình chung của các nước châu Phi.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân*, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc nào thống trị đông đảo dân cư châu Phi nhất?

A. Anh. B. Pháp. C. Tây Ban Nha. D. Bồ Đào Nha.

Câu 2. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi nổ ra sớm nhất ở khu vực nào?

A. Bắc Phi. B. Nam Phi. C. Đông Phi. D. Tây Phi.

Câu 3. Năm 1960 gọi là “Năm châu phi”, vì

A. tất cả các nước châu Phi đều giành được độc lập.

B. có 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.

C. chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.

D. hệ thống thuộc địa của đế quốc lần lượt tan rã.

Câu 4. Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc của các nước nào ở châu Phi?

A. Ai Cập. B. Tuy-ni-di. C. Ăng-gô-la. D. An-giê-ri.

Câu 5. Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó ở châu Phi?

A. 1960: "Năm Châu Phi".

B. 1962: An-giê-ri được công nhận độc lập.

C. 1994: Nen-xon Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên.

D. 11/1975: Nước Cộng hòa Nhân dân Angôla ra đời.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** - Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Tổ chức thực hiện:** HS hoàn thành ở nhà, GV kiểm tra ở tiết học sau.

- Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hòa Nam Phi đã đạt được những thắng lợi nào có ý nghĩa lịch sử to lớn?

* **GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS**

+ Học bài cũ, hoàn thành vở bài tập.

+ Soạn bài 8: Các nước Mỹ La Tinh. Nắm khái quát tình hình các nước Mỹ La Tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sưu tầm những tranh ảnh, tư liệu về Mỹ La Tinh.

*****HẾT*****

Ngày soạn: 14/ 10/ 2023

Ngày dạy: 25/10/ 2023

TUẦN 8

Tiết 8

Bài 7

CÁC NƯỚC MỸ LA TINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nét chính tình hình chung của các nước Mỹ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Trình bày được nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba và kết quả công cuộc xây dựng CNXH ở nước này.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Biết xác định trên lược đồ khu vực Mỹ La-tinh sau năm 1945 và xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này. Tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xơ-rô.

+ Rèn luyện kỹ năng tư duy lô gic, xây chuỗi sự kiện, các vấn đề lịch sử. biết khai thác tư liệu tranh ảnh.

+ Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, thuyết trình, phân tích đánh giá, liên hệ thực tế.

3. Phẩm chất

- Thấy được tinh thần đấu tranh kiên cường của nhân dân Cu Ba và những thành tựu về mọi mặt của nhân dân Cu ba.

- Thắt chặt hơn nữa tinh thần đoàn kết hữu nghị, tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa VN và Cu Ba.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Bản đồ châu Mỹ; Lược đồ phong trào GPDT các nước Á – Phi – Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Bản đồ Cu Ba sau Chiến tranh thế giới thứ hai; ảnh lãnh tụ Phi đen Cax to rô
- Một số hình ảnh về đất nước, con người Cu Ba.

2. Đối với học sinh

- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh các nước MLT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chiếu clip về các nước Mỹ- La-Tinh. Yêu cầu HS phát biểu hiểu biết của mình về châu lục được nhắc trong video.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS trả lời.

Bước 4: Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Mỹ La tinh là khu vực rộng lớn, trên 20 triệu km² (1/7 diện tích thế giới) gồm 23 nước cộng hoà (từ Mêxicô đến cực nam của châu Mỹ), tài nguyên phong phú. Từ sau 1945 không ngừng đấu tranh để củng cố độc lập chủ quyền, phát triển kinh tế nhằm thoát khỏi sự lệ thuộc vào đế quốc Mỹ. Trong cuộc đấu tranh đó nổi bật lên là tấm gương Cu-ba, điển hình của phong trào cách mạng ở Mỹ-La tinh. Để hiểu rõ hơn về tình hình phát triển của MLT sau 1945 đến nay chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Những nét chung

- **Mục tiêu:** Biết được nét chính tình hình chung của các nước Mỹ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xác định trên lược đồ khu vực Mỹ La-tinh sau năm 1945 và xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của các nước MLT. - GV phát vấn: <i>? Hãy trình bày tình hình chung của các nước MLT sau năm 1945?</i> <i>? Sau CTTG 2 tình hình cách mạng MLT phát triển như thế nào? Hãy nêu một số phong trào đấu tranh tiêu biểu?</i> - Thảo luận nhóm: 3 phút <i>Nhóm lẻ: Em có nhận xét gì về những cuộc đấu tranh của khu vực MLT sau CTTG 2?</i> <i>Nhóm chẵn: Tại sao nói phong trào đấu tranh CMLT lại trở</i>	1. Những nét chung - Giành được độc lập từ thập kỉ đầu của thế kỉ XIX, sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc và trở thành “sân sau” của đế quốc Mỹ. - Từ sau chiến tranh thế giới II, một cao trào cách mạng đã diễn ra với các cuộc đấu tranh vũ trang ở nhiều nước.

thành “Đại lục núi lửa”? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. Giáo viên mở rộng: <i>Từ sau CT2, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc nổ ra nhiều nơi với mục tiêu là thành lập chính phủ DT – DC và tiến hành các cải cách tiến bộ, nâng cao đời sống của nhân dân. Tiêu biểu là cuộc cách mạng Cu Ba đầu năm 1959</i> <i>Các phong trào diễn ra dưới nhiều hình thức, sôi nổi mạnh mẽ trở thành một làn sóng rộng khắp, với nhiều nước => Lục địa núi lửa: Bôlivia, Vênuêxuêla, Côlômbia, Pêru, Nicaragua, Enxanvađo trong đó tiêu biểu là Chilê và Nicaragua.</i> <i>Phong trào đấu tranh làm thành cơn bão táp làm thay đổi cục diện chính trị nhiều nước, làm cho nhân dân tỉnh ngộ ý thức tinh thần dân tộc, làm cho phong trào đấu tranh ngày càng mạnh mẽ lan rộng ra nhiều nước và nó trở thành một làn sóng nhấn chìm mọi âm mưu đen tối của Mỹ.</i> <i>Đến những năm 90 lại rơi vào tình trạng không ổn định như: kinh tế suy giảm, chính trị bất ổn định thậm chí có lúc căng thẳng.</i>	Tiêu biểu nhất là Cu-ba. Kết quả: chính quyền độc tài bị lật đổ, chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập và thi hành cải cách tiến bộ. - Đạt nhiều thành tựu: củng cố độc lập dân tộc, dân chủ hoá đời sống chính trị, Tiến hành các cải cách dân chủ...
---	--

Hoạt động 2. 2. Cuba - Hòn đảo anh hùng

- **Mục tiêu:** Trình bày được nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba và kết quả công cuộc xây dựng CNXH ở nước này.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc mục 2 SGK. - GV phát vấn: ?Trình bày nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba? ?Ý nghĩa của thắng lợi Cách mạng Cu Ba? - Thảo luận cặp đôi:	2. Cuba - Hòn đảo anh hùng a) Cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ Ba-ti-xta. - Tháng 3/1952, Mĩ giúp tướng Ba-ti-xta thiết lập chế độ độc tài quân sự. → Thi hành chính sách đối nội tiêu cực - Ngày 26/7/1953, 135 thanh niên yêu nước dưới sự lãnh đạo của Phi-đen đã tấn

? Vì sao nói cuộc tấn công pháo đài Môn-ca-đa đã mở ra một giai đoạn mới trong phong trào đấu tranh của nhân dân Cuba? Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. <i>GV mở rộng về mối quan hệ giữa Việt Nam và Cu-ba trong suốt thời kì chiến tranh cũng như giai đoạn hòa bình.</i>	công vào pháo đài Môn-ca-đa. → Thất bại nhưng đã mở ra một giai đoạn mới. - Ngày 1/1/1959, chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ → Cách mạng thắng lợi Ý nghĩa: - Lật đổ chế độ độc tài quân sự Ba-xi-ta - Chấm dứt 5 thế kỉ đô hộ của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập thực sự. - Giáng một đòn mạnh mẽ vào âm mưu bá chủ của đế quốc Mỹ. ⇒ Là lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ La tinh. b) Công cuộc xây dựng đất nước. - Chính phủ cách mạng đã tiến hành cải cách dân chủ triệt để: + Cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa các xí nghiệp của tư bản nước ngoài, + Xây dựng chính quyền cách mạng, + Thanh toán mù chữ, phát triển giáo dục, y tế.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức là tình hình chung của các nước MLT và Cu ba.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mỹ la-tinh là

A. chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân mới.

B. chế độ phân biệt chủng tộc.

C. chủ nghĩa thực dân cũ.

D. giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 2. Điểm nổi bật của tình hình Mỹ Latinh ở đầu thế kỉ XX là

A. rất nhiều nước đã giành được độc lập.

B. vẫn nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

C. trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

D. cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân bước vào giai đoạn ác liệt nhất.

Câu 3. Nước được mệnh danh là “Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ latinh” là

A. Cuba.

B. Ac – hen – ti – na.

C. Braxin.

D. Mê-hi-cô.

Câu 4. Sự khác biệt căn bản giữa phong trào đấu tranh cách mạng ở Châu Phi với Mĩ la tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. châu Phi đấu tranh chống CNTD cũ, khu vực Mĩ la tinh đấu tranh chống CNTD mới.

B. châu Phi đấu tranh chống CNTD mới, khu vực Mĩ la tinh đấu tranh chống CNTD cũ.

C. hình thức đấu tranh ở Châu Phi chủ yếu là khởi nghĩa vũ trang, Mĩ la tinh là đấu tranh chính trị.

D. lãnh đạo CM ở Châu Phi là giai cấp vô sản, ở Mĩ la tinh là giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 5. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ La-tinh được mệnh danh là "Đại lục bùng cháy"?

A. Ở đây thường xuyên xảy ra cháy rừng.

B. Ở đây nhân dân đã đứng lên đấu tranh chống đế quốc Mĩ.

C. Ở đây có cuộc cách mạng nổi tiếng Cu Ba bùng nổ.

D. Ở đây các nước đế quốc tấn công vào nước Mĩ.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm mở rộng kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Tổ chức thực hiện:** HS hoàn thành ở nhà, GV kiểm tra ở tiết học sau (Bài số 8.)

Hãy trình bày hiểu biết của em về mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa lãnh tụ Phi-đen Cát-tơ-rô, nhân dân Cu-ba với Đảng, Chính phủ và nhân dân ta?

*** GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Ôn tập lại các nội dung từ bài 1 đến bài 7, tiết sau kiểm tra giữa kì 1.

Ngày soạn: 18/10/2023

Ngày kiểm tra: 03/11/2023

TIẾT 9 – TUẦN 9: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

I. Mục tiêu

- Đánh giá về kiến thức, kỹ năng ở 3 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng các kiến thức:
 - + Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của TK XX.
 - + Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa.
 - + Các nước châu Á.
 - + Các nước Đông Nam Á.
 - + Các nước châu Phi.
- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.

II. Hình thức kiểm tra:

*** Phần Lịch sử:**

- Trắc nghiệm + Tự luận: 10 câu TN (5 điểm) + 3 câu tự luận (5 điểm).

III. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

- Có file PDF (kèm theo riêng) bao gồm ma trận+ bảng đặc tả + đề + hướng dẫn chấm.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 17/ 10/ 2023

Ngày dạy: 08/ 11/ 2023

TUẦN 10

TIẾT 10

BÀI 8: NƯỚC MỸ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân của sự phát triển đó.
- Trình bày được chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh.
- Giải thích vì sao nước Mỹ lại trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Hiểu được quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt - Mỹ ngày nay.
 - + Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kỹ năng sử dụng bản đồ.

3. Phẩm chất

- HS nhận thức rõ thực chất của chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ. Hiểu được quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt - Mỹ ngày nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Tranh ảnh về nước Mỹ.
- Bản đồ châu Mỹ.

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Suru tầm tư liệu, tranh ảnh về nước Mỹ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua một số hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV cho hs xem tranh ảnh về đất nước Mỹ. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:



+ Hình ảnh này cho các em liên tưởng đến quốc gia nào? Em biết gì về quốc gia này?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai với thể của một nước thắng trận và thu được lợi nhuận khổng lồ trong cuộc chiến tranh. Mỹ có điều kiện phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật, trở thành nước giàu, mạnh trên thế giới cùng sự vượt trội về kinh tế. Chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung này trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Tình hình kinh tế nước Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

- **Mục tiêu:** Trình bày được sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân của sự phát triển đó. Giải thích vì sao nước Mỹ lại trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục I. - Xác định trên lược đồ vị trí của nước Mỹ. - Hoạt động cá nhân:	1. Tình hình kinh tế nước Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai - Sau CTTG II, Mỹ đã

+ <i>Trình bày sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?</i> + <i>Vì sao những thập niên tiếp sau, nền kinh tế Mỹ không còn giữ vị trí tuyệt đối nữa nhưng vẫn đứng đầu thế giới?</i> - Thảo luận nhóm: 3 phút + <i>Nguyên nhân của sự phát triển kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV giới thiệu: vị trí nước Mỹ và chỉ trên lược đồ diện tích, dân số GV: Treo biểu đồ về sản lượng công nghiệp, nông nghiệp, trữ lượng vàng của Mỹ so với thế giới. - Hiện nay, năm 2011 số nợ của Mỹ đối với Trung Quốc là khoảng 1100 tỉ USD. Đầu tháng 10-2011 ở Mỹ diễn ra phong trào biểu tình với khẩu hiệu “Chiếm lấy phố Wall” của các tầng lớp nhân dân ở Tp New-York, sau đó lan rộng ra khắp nước Mỹ. Đồng thời, cuộc chiến tranh mà Mỹ gieo rắc tại Việt Nam liên tiếp thất bại đã làm cho Mỹ ngày càng bị suy giảm.	vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa. + Biểu hiện: chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới (56,4%), 3/4 trữ lượng vàng của thế giới. Có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới tư bản và độc quyền vũ khí nguyên tử. + Nguyên nhân phát triển: Mỹ ở xa chiến trường, không bị chiến tranh tàn phá, làm giàu nhờ buôn bán vũ khí.... - Trong những thập niên tiếp sau, kinh tế Mỹ đã suy yếu tương đối và không còn giữ ưu thế tuyệt đối như trước kia. + Nguyên nhân suy giảm: SGK
--	---

Hoạt động 2. 2. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh

- **Mục tiêu:** Trình bày được chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh.
- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK. Phát vấn: <i>Trình bày chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh?</i> - Thảo luận cặp đôi: <i>Theo em từ sau CTTG II Mỹ đã gây chiến với những quốc gia nào?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: Nhiều năm trở lại đây Mỹ tiến hành nhiều	2. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh a. Đối nội - Ban hành hàng loạt các đạo luật phản động nhằm chống lại Đảng Cộng sản Mỹ, phong trào công nhân và phong trào dân chủ. b. Đối ngoại - Đề ra "chiến lược toàn cầu". - Viện trợ cho các

chính sách nhằm xác lập trật tự thế giới mới do Mỹ dẫn đầu nhưng giữa tham vọng và thực tế vẫn còn một khoảng cách khá xa. - Sau CTTG II Mỹ gây chiến với Nhật 1945, Trung Quốc 1945-1960, Triều Tiên 1950-1953, Cuba 1959-1960, Việt Nam 1961-1975, Nam Tư 1999-2000, Apgaxixtan 2001 cho đến nay, Irắc 2003 đến nay ... + Chính sách “thực lực” và “chiến lược toàn cầu” của Mỹ bị thất bại nặng nề nhất ở Việt Nam.	chính quyền thân Mỹ, gây ra nhiều cuộc chiến tranh xâm lược.
--	---

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về nước Mỹ.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai do

A. bóc lột sức lao động của người dân trong nước.

B. không bị chiến tranh tàn phá.

C. đầu tư bóc lột các nước thuộc địa.

D. không chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế.

Câu 2. Điểm nổi bật kinh tế Mỹ từ những năm 70 của TK XX là

A. ngày càng giảm sút.

B. ngày càng phát triển.

C. đứng đầu thế giới về mọi mặt.

D. tài chính ổn định.

Câu 3. 20 năm đầu Chiến tranh thế giới thứ hai, kinh tế Mỹ như thế nào?

A. Mỹ trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.

B. Kinh tế Mỹ bước đầu phát triển.

C. Bị kinh tế Nhật cạnh tranh quyết liệt.

D. Kinh tế Mỹ bị suy thoái.

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ tiến hành chính sách đối nội là

A. ban hành các đạo luật phản động. B. ban hành các quyền tự do, dân chủ.

C. xóa bỏ chính sách “phân biệt chủng tộc”. D. đem lại quyền lợi cho nhân dân lao động

Câu 5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai chính sách đối ngoại của Mỹ thành công trong việc

A. lập nhiều khối quân sự: NATO, SEATO, CENTO, VACSAVA.

B. làm sụp đổ hệ thống XHCN.

C. giành thắng lợi trong tất cả các cuộc chiến tranh xâm lược.

D. thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm mở rộng kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn về mối quan hệ ngoại giao Việt – Mỹ sau năm 1975 đến nay.

- **Tổ chức thực hiện:** HS hoàn thành bài tập, GV kiểm tra tiết sau.

Quan hệ ngoại giao Việt – Mỹ sau năm 1975 đến nay có sự thay đổi như thế nào?

*** Hướng dẫn HS tự học**

- Học bài cũ.
- Soạn bài 9: Nhật Bản.
- + Nắm khái quát tình hình Nhật Bản trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- + Sưu tầm những tranh ảnh, tư liệu về Nhật Bản và mối quan hệ giữa Nhật Bản với Việt Nam.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 20 /10/2023

Ngày dạy: 13 /11/ 2023

TUẦN 11

TIẾT 11

BÀI 9: NHẬT BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được tình hình và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh và nguyên nhân của sự phát triển đó. Giải thích nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Vận dụng kiến thức về những nguyên nhân giúp nền kinh tế Nhật Bản để rút ra được bài học cho bản thân cũng như của Việt Nam.
- + Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kỹ năng sử dụng bản đồ.

3. Phẩm chất

- HS nhận thức rõ ý chí vươn lên tự cường, lao động hết mình và tôn trọng kỷ luật của người Nhật Bản. Hiểu được quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt – Nhật ngày nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Tranh ảnh về Nhật Bản.

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Nhật Bản.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức, thông qua một số hình ảnh về đất nước Nhật Bản, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện :

Bước 1: GV tổ chức trò chơi: *Lật mảnh ghép*.

- GV nêu thể lệ trò chơi: có 4 mảnh ghép tương ứng với 4 câu hỏi, trả lời các câu hỏi để tìm ra hình ảnh đằng sau mảnh ghép.
- + Gợi ý: Đây là hình ảnh gì? Nó giúp em liên tưởng đến quốc gia nào?



Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Bước ra khỏi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, là một nước bại trận, kinh tế gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Nhật Bản đã vươn lên nhanh chóng trở thành một siêu cường về kinh tế, đứng thứ 2 TG (sau Mỹ). Nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển thần kì của đất nước Nhật Bản. Chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung này trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh

- **Mục tiêu:** Trình bày được tình hình và những cải cách dân chủ, ý nghĩa của các cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của Nhật Bản. Phát vấn: - <i>Nêu tình hình của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai?</i> - <i>Dưới chế độ quân quản của Mỹ, Nhật Bản đã làm gì để khắc phục hậu quả chiến tranh?</i> - <i>Ý nghĩa của những cải cách dân chủ đối với Nhật Bản?</i> Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ	1. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh - Là nước bại trận, bị tàn phá nặng nề, gặp nhiều khó khăn lớn. - Ban hành nhiều cải cách dân chủ: ban hành Hiến pháp mới (1946), thực hiện cải cách ruộng đất, xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị các tội phạm chiến tranh, ban hành các quyền tự do dân chủ (luật Công đoàn, nam nữ bình đẳng...),...

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức - Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức. GV mở rộng: - Nhật Bản là quốc gia nằm ở khu vực Đông Á, hải đảo hình vòng cung, nằm ở phía Đông của châu Á, phía Tây của Thái Bình Dương, do bốn quần đảo độc lập hợp thành. Vị trí địa lý Nhật Bản khá đặc biệt là xung quanh giáp biển chứ không giáp một quốc gia hoặc lãnh thổ đất liền nào. - Để thủ tiêu chủ nghĩa quân phiệt và “dân chủ hoá” nước Nhật, Nhật Bản đã tiến hành một loạt các cải cách dân chủ nhằm đem lại một luồng không khí mới đối với nhân dân, đó là nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát triển mạnh.	-> Là nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát triển mạnh mẽ sau này.
--	--

Hoạt động 2. 2. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh

- **Mục tiêu:** Trình bày được sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh và nguyên nhân của sự phát triển đó. Giải thích nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung										
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK. - GV phát vấn: Những cơ hội nào giúp Nhật Bản có thể phát triển kinh tế một cách “thần kì” ? - Thảo luận nhóm: 3 phút và hoàn thành bảng thống kê sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th><th>Thành tựu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tổng thu nhập quốc dân</td><td></td></tr> <tr> <td>Thu nhập bình quân đầu người</td><td></td></tr> <tr> <td>Công nghiệp</td><td></td></tr> <tr> <td>Nông nghiệp</td><td></td></tr> </tbody> </table> - Phát vấn: 2 phút + Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của Nhật Bản? + Bản thân các em cần làm gì để góp phần phát triển đất nước? + Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?	Nội dung	Thành tựu	Tổng thu nhập quốc dân		Thu nhập bình quân đầu người		Công nghiệp		Nông nghiệp		2. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh - Những năm 60 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản phát triển thần kì, vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản. - Biểu hiện: SGK - Từ những năm 70 - XX, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính trên thế giới. - Nguyên nhân: SGK - Đầu những năm 90 của thế kỉ XX kinh tế Nhật Bản lâm vào tình trạng suy thoái.
Nội dung	Thành tựu										
Tổng thu nhập quốc dân											
Thu nhập bình quân đầu người											
Công nghiệp											
Nông nghiệp											

Thảo luận cặp đôi: 2 phút

+ *Mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản trong những năm qua được thể hiện như thế nào?*

+ *Những công trình nào ở Việt Nam có dấu ấn của Nhật Bản?*

Bước 2: HS Thực hiện nhiệm vụ

- GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, điều chỉnh nội dung học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chọn một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và chấm điểm sản phẩm giữa các nhóm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

- Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

GV mở rộng: phân tích rõ nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự phát triển “thần kì” là sự Nhật Bản áp dụng thành công cuộc cách mạng KHKT vào sản xuất. Bên cạnh nhân tố con người cũng được xem là nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát triển.

GV cho HS quan sát hình 18,19, 20 sgk và nhận xét về sự phát triển khoa học - công nghệ của NB. So sánh với Việt Nam để HS thấy VN cần phải vượt lên nhiều, xác định nhiệm vụ to lớn của thế hệ trẻ trong việc học tập và rèn luyện.

GV mở rộng: Trong thập kỉ 90, kinh tế Nhật bị suy thoái kéo dài, có năm tăng trưởng âm (1997 – âm 0,7%, 1998 – âm 1,0%). Nền kinh tế Nhật Bản đòi hỏi phải có những cải cách theo hướng áp dụng những tiến bộ của khoa học – công nghệ.

- Việt Nam và Nhật Bản đã xây dựng được mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp nhất từ trước đến nay, tin tưởng về chính trị, tăng cường hợp tác và hỗ trợ kinh tế, hợp tác tại các diễn đàn quốc tế và khu vực. Đó là nhận định chung được lãnh đạo hai nước đưa ra khi đánh giá về mối quan hệ đã có bề dày gần 45 năm. phát triển. Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 21/9/1973, quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản không ngừng được củng cố và phát triển với nội dung hợp tác ngày càng sâu rộng

- Tháng 4/2002, nhân chuyến thăm của Thủ tướng Nhật Bản Junichiro Koizumi đến Việt Nam, hai nước đã thiết lập khuôn khổ quan hệ đối tác tin cậy, ổn định lâu dài.

- Đến tháng 4/2009, Việt Nam và Nhật Bản nhất trí

xây dựng quan hệ đối tác chiến lược và đến tháng 3/2014, nâng cấp lên mức “đối tác chiến lược toàn diện”, đưa Nhật Bản trở thành quốc gia đầu tiên trong nhóm G7 thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam.	
---	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Nhật Bản.

- **Phương thức tiến hành:** GV tổ chức trò chơi: Hộp quà may mắn.

- GV nêu thể lệ trò chơi, chiếu câu hỏi.

Câu 1: Sự kiện nào được coi à “Ngọn gió thần” đối với nền kinh tế Nhật Bản?

-> **Chiến tranh Triều Tiên**

Câu 2. Cơ hội mới để nền kinh tế Nhật Bản đạt được sự tăng trưởng “thần kì” là gì?

-> **Chiến tranh Việt Nam**

Câu 3. Những năm 60 của thế kỉ XX, vị thế của nền kinh tế Nhật Bản như thế nào trong giới tư bản chủ nghĩa?

-> **Đứng hàng thứ 2**

Câu 4. Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới từ khi nào?

-> **Những năm 70 - XX**

Câu 5. Ở Nhật Bản yếu tố nào được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định cho sự phát triển của nền kinh tế?

-> **Nhân tố con người.**

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- **Tổ chức thực hiện:** HS hoàn thành bài tập, GV kiểm tra ở tiết sau.

Từ sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản, Việt Nam có thể rút ra được những kinh nghiệm gì trong công cuộc xây dựng đất nước?

*** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS**

+ Học bài cũ.

+ Soạn bài 10: Các nước Tây Âu. Nắm khái quát tình hình các nước Tây Âu trước và sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sưu tầm những tranh ảnh, tư liệu về các nước Tây Âu và mối quan hệ giữa các nước Tây Âu với Việt Nam.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 13/11/ 2023

Ngày dạy: 20/11/ 2023

TUẦN 12

TIẾT 12

BÀI 10 **CÁC NƯỚC TÂY ÂU**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được nét nổi bật về kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được quá trình liên kết khu vực của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Lập niên biểu về sự thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở châu Âu.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Vận dụng kiến thức để rút ra được bài học sự phát triển của Việt Nam hiện nay.
- + Rèn luyện phương pháp tư duy, khái quát, tổng hợp, kỹ năng sử dụng bản đồ.

3. Phẩm chất

- Việt Nam và EU đã thiết lập quan hệ ngoại giao và chính thức hợp tác về mọi mặt, cần tôn trọng quan hệ hợp tác với các nước châu Âu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Bản đồ châu Âu.
- Phiếu học tập.

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Suru tầm tư liệu, tranh ảnh về các nước Tây Âu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua một số hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV trực quan một số tranh ảnh về các nước Tây Âu. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:



+ Lá cờ màu xanh có 12 ngôi sao là của tổ chức nào?

+ Em biết gì về tổ chức đó?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV đánh giá, nhận xét.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Đây là những quốc gia nằm ở Tây Âu, có nền kinh tế rất phát triển và đã thành lập tổ chức Liên minh châu Âu. Bài học hôm nay, thầy trò chung ta tìm hiểu về tình hình các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai và sự Liên kết khu vực như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Tình hình chung

- **Mục tiêu:** Biết được nét nổi bật về kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. - Xác định trên lược đồ vị trí của Tây Âu. - Thảo luận cặp đôi: + Những năm 70 XX Tây Âu trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới, bằng kiến thức lịch sử hãy chứng minh nhận định trên? - Phát vấn: + Tình hình Tây Âu sau CTTG 2? + Trình bày nét nổi bật về chính trị của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai? + Trình bày nét nổi bật chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu và tình hình nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai? + Sau chiến tranh, tình hình nước Đức có điểm gì nổi bật? Bước 2. HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Đại diện một hs trình bày, các hs khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV mở rộng: giới thiệu vài nét về Tây Âu.	1. Tình hình chung - Về kinh tế: nhận viện trợ kinh tế của Mỹ theo "Kế hoạch Mác-san". Kinh tế được phục hồi, nhưng các nước Tây Âu ngày càng lệ thuộc vào Mỹ. - Về chính trị: SGK - Về đối ngoại: SGK - Tình hình nước Đức: bị chia cắt thành hai nhà nước: Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức, với các chế độ chính trị đối lập nhau. Tháng 10 1990, nước Đức thống nhất, trở thành một quốc gia có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất Tây Âu.

Hoạt động 2. 2. Sự liên kết khu vực

- **Mục tiêu:** Trình bày được quá trình liên kết khu vực của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh		Nội dung																								
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 2. - Thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập sau:		2. Sự liên kết khu vực																								
<table><tr><th>Thời gian</th><th>Thành lập</th></tr><tr><td>4/1951</td><td></td></tr><tr><td>3/1957</td><td></td></tr><tr><td>7/1967</td><td></td></tr><tr><td>12/1991</td><td></td></tr><tr><td>1/1999</td><td></td></tr></table>		Thời gian	Thành lập	4/1951		3/1957		7/1967		12/1991		1/1999		<table><tr><th>Thời gian</th><th>Thành lập</th></tr><tr><td>4-1951</td><td>"Cộng đồng than, thép châu Âu"</td></tr><tr><td>3-1957</td><td>"Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC)</td></tr><tr><td>7-1967</td><td>"Cộng đồng châu Âu"(EC)</td></tr><tr><td>12-1991</td><td>Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU)</td></tr><tr><td>1-1999</td><td>Phát hành đồng tiền chung của Liên minh châu Âu là đồng ơ-rô (EURO)</td></tr></table>	Thời gian	Thành lập	4-1951	"Cộng đồng than, thép châu Âu"	3-1957	"Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC)	7-1967	"Cộng đồng châu Âu"(EC)	12-1991	Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU)	1-1999	Phát hành đồng tiền chung của Liên minh châu Âu là đồng ơ-rô (EURO)
Thời gian	Thành lập																									
4/1951																										
3/1957																										
7/1967																										
12/1991																										
1/1999																										
Thời gian	Thành lập																									
4-1951	"Cộng đồng than, thép châu Âu"																									
3-1957	"Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC)																									
7-1967	"Cộng đồng châu Âu"(EC)																									
12-1991	Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU)																									
1-1999	Phát hành đồng tiền chung của Liên minh châu Âu là đồng ơ-rô (EURO)																									
Bước 2. HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.																										
Bước 3. Đại diện một nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.																										
Bước 4. - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. <i>GV mở rộng:</i> - Sau chiến tranh, ở Tây Âu xu hướng liên kết khu vực ngày càng nổi bật và phát triển. Những mốc phát triển chính của xu hướng này là : + Tháng 4 - 1951, "Cộng đồng than, thép châu Âu" được thành lập, gồm 6 nước : Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua. + Tháng 3 - 1957, "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC) được thành lập, gồm 6 nước trên. Cộng đồng kinh tế châu Âu chủ trương xóa bỏ dần hàng rào thuế quan, thực hiện tự do lưu thông hàng hoá, tư bản và nhân công giữa 6 nước. + Tháng 7 - 1967, "Cộng đồng châu Âu"(EC) ra đời trên cơ sở sáp nhập 3 cộng đồng trên. + Sau 10 năm chuẩn bị, tháng 12 - 1991 các nước EC họp Hội nghị cấp cao tại Ma-a-xtơ-rích (Hà Lan). Hội nghị đã thông qua hai quyết định quan trọng: xây dựng một liên																										

minh kinh tế và một liên minh chính trị, tiến tới một nhà nước chung châu Âu. Theo đòi hỏi của sự phát triển, Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) và từ ngày 1 - 1 - 1999, một đồng tiền chung của Liên minh đã được phát hành với tên gọi là đồng ơ-rô (EURO). Tới nay, Liên minh châu Âu là một liên minh kinh tế chính trị lớn nhất thế giới, có tổ chức chặt chẽ nhất với 25 nước thành viên (2004).

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về các nước Tây Âu.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu nhận viện trợ của Mỹ nhằm mục đích gì?

A. Khôi phục kinh tế.

B. Tái đầu tư cho các thuộc địa.

C. Xây dựng trung tâm tài chính.

D. Ổn định đời sống nhân dân.

Câu 2. Các nước Tây Âu tiến hành chiến tranh xâm lược trở lại các thuộc địa là để

A. tranh giành thuộc địa với Mỹ.

B. ngăn cản ảnh hưởng của Liên Xô và phe XHCN.

C. khôi phục ách thống trị như trước đây.

D. giúp đỡ các nước thuộc địa giành độc lập.

Câu 3. Cho các tổ chức sau:

1. "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" rồi "Cộng đồng kinh tế châu Âu".

2. "Liên minh châu Âu".

3. "Cộng đồng than thép châu Âu".

4. "Cộng đồng kinh tế châu Âu".

Hãy chọn các sắp xếp theo thứ tự thời gian

A. 1,2,3,4.

B. 2,4,1,3.

C. 3,1,4,2.

D. 3, 2,4,1.

Câu 4. Đâu không phải là nguyên nhân dẫn đến liên kết khu vực Tây Âu?

A. Các nước Tây Âu có chung một nền văn minh, trình độ kinh tế không chênh lệch nhiều.

B. Các nước cần thống nhất và mở rộng thị trường để cạnh tranh với Nhật Bản và Mỹ.

C. Muốn thoát dần sự lệ thuộc vào Mỹ.

D. Muốn thành lập trung tâm kinh tế chính trị chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

Câu 5. "Kế hoạch Mác-san" (1948) còn được gọi là

A. Kế hoạch khôi phục châu Âu.

B. Kế hoạch phục hưng kinh tế các nước Tây Âu.

C. Kế hoạch phục hưng châu Âu.

D. Kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để giải thích vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau.

- **Phương thức tiến hành:** HS hoàn thành bài tập ở nhà, GV kiểm tra ở tiết sau.

Vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau?

*** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS**

- Học bài cũ, hoàn thành vở bài tập.
- Soạn bài 11 với nội dung sau:
 1. Hội nghị I-an-ta (Thời gian hội nghị, địa điểm, thành phần tham dự và hội nghị đã quyết định những vấn đề gì?)
 2. Hội nghị I-an-ta tổ chức trong hoàn cảnh nào?
 3. Tác động của những quyết định của hội nghị I-an-ta đối với tình hình thế giới sau 1945.
 4. Nhiệm vụ chính của Liên hợp quốc.
 5. Chiến tranh lạnh là gì? Biểu hiện và hậu quả của chiến tranh lạnh.
 6. Tại sao Liên Xô – Mĩ kết thúc chiến tranh lạnh? Cục diện thế giới sau chiến tranh lạnh là gì?
- Viết một đoạn văn khoảng 7-10 dòng về quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước trong Liên minh châu Âu.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 20/11/ 2023

Ngày dạy: 27/11/ 20223

TUẦN 13

TIẾT 13

BÀI 11

TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được sự hình thành trật tự thế giới mới Trật tự hai cực I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Biết được sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc.
- Trình bày được những biểu hiện của cuộc Chiến tranh lạnh và những hậu quả của nó.
- Biết được đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Phân tích, nhận xét, quan sát và liên hệ thực tế. Phương pháp học tập bộ môn.
 - + Nhận xét về vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết một số vấn đề mang tính quốc tế hiện nay. Giải thích được khái niệm thế nào là Chiến tranh lạnh.
 - + Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, các vấn đề lịch sử và kỹ năng sử dụng bản đồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Bản đồ thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Tranh ảnh về: Hội nghị Ianta, các cuộc họp Đại hội đồng LHQ

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh về

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV cho học sinh cho HS quan sát các hình ảnh và trả lời câu hỏi:

- Hình ảnh trên đang nhắc tới sự kiện nào của thế giới?
- Em biết gì về sự kiện này?



Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4 (đánh giá): GV nhận xét, đánh giá.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới: Sau CTTG thứ 2, một trật tự TG mới đã được xác lập: Trật tự hai cực I-an-ta, do 2 siêu cường Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực. Sự phân chia thành hai phe TBCN và XHCN đã trở thành đặc trưng lớn chi phối tình hình chính trị TG sau CTTG thứ 2. Điều này được thể hiện như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học ngày hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Sự hình thành trật tự thế giới mới

- **Mục tiêu:** Giúp HS biết được sự hình thành trật tự thế giới mới: Trật tự hai cực I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS đọc SGK mục 1.	1. Sự hình thành trật tự thế giới mới

Thảo luận nhóm: + Nhóm lẻ: Trình bày hoàn cảnh, nội dung của Hội nghị Ianta? + Nhóm chẵn: Trình bày những quyết định và hệ quả của Hội nghị Ianta? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh trả lời các câu hỏi của GV. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. <i>GV mở rộng:</i> Hội nghị Ianta được diễn ra vào năm 1945 cũng đã góp phần quan trọng giúp hình thành hai hệ thống xã hội đối lập: Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa. Hội nghị Ianta vào năm 1945 với sự nhất trí giữa 5 cường quốc: Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc sẽ hạn chế sự thao túng hoàn toàn của chủ nghĩa tư bản đối với các tổ chức quốc tế. các bên đã thỏa thuận việc đóng quân, giải giáp quân đội phát xít và phạm vi ảnh hưởng của chúng dẫn đến sự mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô và Mỹ ở Châu Âu và Châu Á . + Những quyết định của Hội nghị Ianta được diễn ra vào năm 1945 thực chất chỉ là sự thỏa thuận của Liên Xô , Mỹ và Anh, nhưng nó lại có ảnh hưởng đến việc giải quyết các vấn đề của thế giới sau chiến tranh . + Một trật tự thế giới được hình thành sau khi hội nghị Ianta được diễn ra vào năm 1945 trên khuôn khổ của những thỏa thuận tại hội nghị này và nó được gọi là “Trật tự hai cực Ianta”.	a. Hoàn cảnh + Hội nghị diễn ra tại I-an-ta (Liên Xô) từ ngày 4 đến 11 tháng 2 năm 1945 với sự tham dự của nguyên thủ ba cường quốc là Liên Xô, Anh, Mỹ. b. Nội dung + Thông qua những quyết định quan trọng về việc phân chia khu vực ảnh hưởng giữa hai cường quốc Xô - Mỹ c. Những quyết định của Hội nghị: (SGK) d. Hệ quả + Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được hình thành do Liên Xô và Mỹ đứng đầu mỗi cực
---	---

Hoạt động 2: 2. Sự thành lập Liên hợp quốc

- **Mục tiêu:** Giúp HS biết được sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: + Trình bày sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc?	2. Sự thành lập Liên hợp quốc - Hoàn cảnh: Thành lập vào tháng 10 –

- Thảo luận cặp đôi: + Vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết một số vấn đề mang tính quốc tế hiện nay? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các cặp đôi. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * GV mở rộng: Liên hợp quốc cũng là diễn đàn để các nước thành viên thể hiện quan điểm tại Đại hội đồng, Hội đồng Kinh tế-Xã hội và các cơ quan, ủy ban trực thuộc khác. Thông qua việc thúc đẩy đối thoại, chủ trì thương lượng, Liên hợp quốc trở thành cơ chế để các quốc gia thành viên thúc đẩy các điểm đồng và cùng nhau giải quyết các vấn đề chung. Liên hợp quốc hiện có 193 quốc gia là thành viên của tổ chức.	1945. - Mục đích: nhằm duy trì hoà bình an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia dân tộc, thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hoá, xã hội... - Vai trò: Duy trì hoà bình, an ninh thế giới, đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, xã hội,... - Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc từ tháng 9 - 1977 và là thành viên thứ 149.
--	---

Hoạt động 3: 3. Chiến tranh lạnh

- **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được những biểu hiện của cuộc Chiến tranh lạnh và những hậu quả của nó. Giải thích được khái niệm thế nào là Chiến tranh lạnh.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: + Chiến tranh lạnh là gì? + Biểu hiện của chiến tranh lạnh. + Hậu quả để lại của chiến tranh lạnh. - Thảo luận cặp đôi: + Đánh giá tác động của chiến tranh lạnh đối với thế giới? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh trả lời các câu hỏi của GV.	3. Chiến tranh lạnh - Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch của Mỹ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. - Biểu hiện: Mỹ và các nước đế quốc ráo riết chạy đua vũ trang, thành lập các

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của của các bạn. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV mở rộng: Đây là cuộc chiến phi nghĩa tốn kém vô ích chế tạo các loại vũ khí hủy diệt, trong khi nhiều nơi trên thế giới thiếu ăn, thiếu thuốc men và dịch bệnh... GV nêu ví dụ thêm về chạy đua vũ trang, tàu ngầm, tàu sân bay, bom nguyên tử, tên lửa vượt đại dương xuyên lục địa...	khối và căn cứ quân sự, tiến hành các cuộc chiến tranh cục bộ. - Hậu quả: thế giới luôn căng thẳng, chi phí tốn kém cho chạy đua vũ trang và chiến tranh xâm lược,...
---	---

Hoạt động 4: 4. Thế giới sau Chiến tranh lạnh

- **Mục tiêu:** Giúp HS biết được đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - <i>Phát vấn:</i> + Trình bày đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh trả lời các câu hỏi của GV. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của của các bạn. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	4. Thế giới sau Chiến tranh lạnh - Đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh: SGK * Xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình ổn định và hợp tác phát triển.

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về trật tự thế giới sau chiến tranh lạnh.
- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Thành phần tham dự hội nghị Ian-ta (từ 7-11/2/1945) gồm nguyên thủ các cường quốc

A. Anh, Pháp, Mĩ.

B. Đức Italia, Nhật Bản.

C. Anh, Mĩ, Liên Xô.

D. Liên Xô, Mĩ, Đức.

Câu 2. Quyết định nào của hội nghị I-an-ta đã tác động đến tình hình thế giới sau 1945 như thế nào?

- A. Hình thành trật tự mới đa cực nhiều trung tâm.
- B. Trật tự hai cực được xác lập do Mỹ và Liên Xô đứng đầu mỗi cực.**
- C. Mỹ muốn xác lập trật tự đơn cực do Mỹ chi phối và khống chế..
- D. Một khuôn khổ trật tự đa cực mới hình thành do Mỹ và Liên Xô chi phối.

Câu 3. Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất của Liên hợp quốc?

- A. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.**
- B. Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc
- C. Tôn trọng chủ quyền của các dân tộc.
- D. Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo.

Câu 4. Hậu quả nguy hiểm nhất của Chiến tranh lạnh để lại cho loài người ngày nay là gì?

- A. Xây dựng hàng ngàn căn cứ quân sự, các khối quân sự.
- B. Chế tạo các loại vũ khí hủy diệt.**
- C. Thế giới luôn căng thẳng dễ xảy ra chiến tranh.
- D. Tồn quá nhiều tiền của và sức người để phục vụ cuộc chiến tranh này.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh biết vận dụng các nội dung kiến thức vào thực tiễn, giải thích các sự kiện của thế giới ngày nay.

- **Phương thức tiến hành:** HS hoàn thành bài tập. GV kiểm tra ở tiết sau.

Tại sao nói là hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển kinh tế là xu thế của thế giới ngày nay?

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, hoàn thành vở bài tập.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 12: Những thành tựu của cuộc CM KH-KT. Trả lời câu hỏi:
 1. Cách mạng KH-KT từ những năm 40 của thế kỉ XX đến nay có những thành tựu gì?
 2. Nêu ý nghĩa và tác động của cách mạng KH-KT đối với cuộc sống của con người ngày nay.
 3. Đánh giá được ý nghĩa lịch sử, những tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cuộc cách mạng KH-KT.

-----**HẾT**-----

Ngày soạn: 23 /11/ 2023

Ngày dạy: 04 /12/ 2023

TUẦN 14

TIẾT 14

BÀI 12

NHỮNG THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG KHOA HỌC- KỸ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Lập niên biểu những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- Biết được những thành tựu về khoa học kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh.
- Đánh giá được ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Đánh giá được ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật. Nhận xét về sự phát triển khoa học của Mĩ sau chiến tranh.
 - + Suy tầm tranh ảnh, tài liệu về những thành tựu, tiến bộ của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
 - + Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.
 - + Rèn luyện cho học sinh phương pháp tư duy, tổng hợp, phân tích, so sánh liên hệ được những kiến thức đã học ở thực tế.

3. Phẩm chất

- Khẳng định được ý chí vươn lên không ngừng, sự phát triển không có giới hạn của trí tuệ con người. Nhờ đó, con người đã làm nên bao nhiêu thành tựu kì diệu.
- Tiếp tục nâng cao ý thức học tập, ý chí rèn luyện...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Phiếu học tập.
- Tranh ảnh về những thành tựu về cuộc cách mạng KH-KT...

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Suy tầm tranh ảnh, tài liệu về những thành tựu, tiến bộ của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua một số hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV trực quan một số tranh ảnh về thành tựu của cuộc CM KH-KT trước đây và bây giờ. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

LĨNH VỰC KHOA HỌC CƠ BẢN



+ Em biết gì về những hình ảnh đó? Chú cừu này được sinh ra bằng phương pháp nào?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Con người luôn đạt được các thành tựu mới để phục vụ cuộc sống đó là do sự phát triển không ngừng của khoa học-kỹ thuật và công nghệ. Các em cũng đã thấy và đã sử dụng những sản phẩm này và điều đó thể hiện như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật

- **Mục tiêu:** Lập niên biểu những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1 và mục 2 bài nước Mỹ. * Phát vấn: + Cho đến nay thế giới đã trải qua những cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật nào? + Nước nào khởi đầu cuộc CMKHKT hiện đại, CMKHKT hiện đại diễn ra từ khi nào? + Nguồn gốc ra đời những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng Khoa học – kỹ thuật hiện đại? * Thảo luận nhóm:	1. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kỹ thuật a. Nguồn gốc - Đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người. - Tình trạng bùng

+ Nhóm chẵn: Trình bày thành tựu của cuộc cách mạng KHKT hiện đại trên lĩnh vực khoa học cơ bản, công cụ sản xuất mới, vật liệu mới? + Nhóm lẻ: Trình bày thành tựu của cuộc cách mạng KHKT hiện đại trên lĩnh vực năng lượng mới, cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp, giao thông vận tải, chinh phục vũ trụ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh trả lời các câu hỏi của GV. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV mở rộng: - Rôbốt “<i>người máy</i>” đảm nhận những công việc con người không đảm nhận được: làm việc dưới đáy biển, trong các nhà máy điện nguyên tử... - Giới thiệu Hình 25: Nhật Bản đã sử dụng năng lượng mặt trời rất phổ biến - Hiện nay, các nhà thiết kế đang nghiên cứu và chế tạo loại máy bay dùng động cơ tên lửa, bay ở độ cao 80 km với tốc độ 2 vạn km/giờ (gọi là máy bay tên lửa) - Năm 1945, một lao động nông nghiệp nuôi được 14,6 người. Năm 1977 tăng lên 56 người. - Tàu hỏa chạy tới 300 km/giờ (tới đích đúng giờ tuyệt đối) nếu sai trên 30 giây phải phạt tiền, loại này xuất hiện ở Nhật Bản, Anh, Pháp ... - Trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ: Vệ tinh nhân tạo 1957, con người bay vào vũ trụ 1961. Đặt chân lên Mặt trăng 1969. Với tốc độ phát triển của các ngành khoa học đã đưa con người du lịch vũ trụ.	nổ dân số thế giới. - Các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng vơi cạn nghiêm trọng. - Nước Mỹ là nơi khởi đầu cuộc CMKHKT hiện đại, diễn ra từ giữa những năm 40 của thế kỉ XX. b. Thành tựu: SGK
--	--

Hoạt động 2. 2. Ý nghĩa và tác động của cách mạng khoa học - kĩ thuật

- **Mục tiêu:** Đánh giá được ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật. Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: + Đánh giá về ý nghĩa của cách mạng khoa học - kĩ thuật? * Thảo luận cặp đôi: + Đánh giá về tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật? + Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến HS theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Học sinh trả lời các câu hỏi của GV. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * Giáo dục môi trường: Những vấn đề liên quan đến môi trường: nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, CM xanh trong nông nghiệp, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, chính phục vũ trụ. Ý thức bảo vệ MT khi mà công nghiệp phát triển, hậu quả của việc xử lý không tốt việc ô nhiễm MT do SX công nghiệp gây ra. Đấu tranh chống việc sử dụng các thành tựu KH –KT vào mục đích chiến tranh, phá hủy MT, ảnh hưởng đời sống nhân dân. GV sơ kết bài học: Cho đến nay, trong lịch sử loài người đã diễn ra hai cuộc cách mạng kĩ thuật với quy mô toàn cầu. Cội nguồn dẫn tới hai cuộc CM kĩ thuật này đều bắt đầu từ những đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người. - Cuộc CM KH-KT lần thứ hai đạt được nhiều thành tựu to lớn quá sự mong đợi của loài người ở tất cả các lĩnh vực...Những thành tựu trên có ý nghĩa vô cùng to lớn, như một mốc chói lọi trong lịch sử tiến hoá văn minh của loài người.	2. Ý nghĩa và tác động của cách mạng khoa học - kĩ thuật - Ý nghĩa: Thực hiện những bước nhảy vọt về sản xuất và năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người. - Tác động tích cực: Thay đổi lớn về cơ cấu dân cư lao động trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. - Hậu quả: chế tạo các loại vũ khí huỷ diệt, ô nhiễm môi trường, những tai nạn lao động và giao thông, các loại dịch bệnh mới,...

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về cuộc cách mạng KH – KT lần thứ 2.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ hai?

- A. Mĩ. B. Anh. C. Pháp. D. Nhật.

Câu 2. Thành tựu quan trọng nào của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

- A. Chinh phục vũ trụ. B. “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp.
C. Thông tin liên lạc. D. Tìm ra nguồn năng lượng mới.

Câu 3. Điểm khác biệt cơ bản giữa cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ hai với cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ nhất là gì?

- A. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt đầu từ nghiên cứu khoa học.
B. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.
C. Mọi phát minh về kỹ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.
D. Mọi phát minh về kỹ thuật đều dựa vào lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 4. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Thời gian từ phát minh khoa học ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của

- A. cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ nhất.
B. cách mạng công nghiệp.
C. cách mạng văn minh Tin học.

D. cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ hai.

Câu 5. Nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật đó là những cuộc cách mạng nào?

- A. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII và cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỷ XX.
B. Cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ XVIII và cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỷ XX.

C. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII - XIX và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỷ XX.

- D. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII - XIX và cuộc cách mạng công nghệ thế kỷ XX.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Biết vận dụng kiến thức đã học để ứng dụng vào đời sống và để bảo vệ môi trường.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Sự phát triển của KH-KT đã tạo ra một khối lượng khổng lồ về vật chất và đi đôi với nó thì con người cũng tạo ra một “đống rác khổng lồ”.

Theo em, tác hại của rác đối với đời sống con người là gì?

*** GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS**

- Học bài cũ, hoàn thành bài tập.

Trả lời câu hỏi: Tại sao nói: “Hòa bình, ổn định và hợp tác vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc?

- Soạn bài 14: Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

-----HẾT-----

Ngày soạn: 23/12/ 2023

Ngày dạy: 11/12/ 2023

TUẦN 15

TIẾT 15

BÀI 14

VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được những nội dung cơ bản của chương trình khai thác lần thứ hai.
- Biết được sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Xác định nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai trên lược đồ.
- + So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.
- + Rèn luyện học sinh phương pháp quan sát tranh ảnh, sử dụng lược đồ, các tư liệu lịch sử, văn học để minh họa khắc sâu những nội dung cơ bản của bài học trên lớp.

3. Phẩm chất

- Giáo dục cho HS lòng căm thù đối với bọn thực dân Pháp áp bức bóc lột dân tộc ta.
- HS đồng cảm với sự vất vả, cực nhọc của người lao động sống dưới chế độ thực dân phong kiến.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Phiếu học tập.
- Tranh ảnh, tư liệu về cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam.

2. Đối với học sinh

- Trả lời các câu hỏi cuối bài trong sách giáo khoa.
- Suru tâm tranh ảnh, tài liệu về cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua một số hình ảnh, video, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV trực quan một số tranh ảnh và xem đoạn video về cảnh TD Pháp khai thác thuộc địa ở Việt Nam. <https://www.youtube.com/watch?v=BAvkrFP2V70>

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ *Em có suy nghĩ gì về những hình ảnh và đoạn video trên?*

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV đánh giá nhận xét.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Chiến tranh thế giới thứ nhất để lại hậu quả vô cùng nặng nề đối với các nước TBCN kể cả những nước thắng trận hay bại trận, để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra, thực dân Pháp đã tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, tấn công quy mô và toàn diện vào nước ta, biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá ế thừa và thị trường đầu tư tư bản có lợi cho chúng. Với chương trình khai thác lần này, kinh tế, văn hoá – giáo dục và xã hội VN biến đổi sâu sắc... và điều đó thể hiện như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nội dung cơ bản của chương trình khai thác lần thứ hai

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK mục 1. * Phát vấn: + Nguyên nhân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? * Thảo luận nhóm: + Nhóm lẻ: Trình bày những chính sách về nông nghiệp, công nghiệp của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? + Nhóm chẵn: Trình bày những chính sách về thương nghiệp, GTVT và ngân hàng của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.	1. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp + Nông nghiệp: Tăng cường đầu tư vốn, chủ yếu vào đồn điền cao su, làm cho diện tích trồng cây cao su tăng lên nhanh chóng. + Công nghiệp: Chú trọng khai mỏ, số vốn đầu tư tăng; nhiều công ti mới ra đời, mở thêm một số cơ sở công nghiệp chế biến. + Thương nghiệp: Độc quyền, đánh thuế nặng hàng hoá các nước nhập vào Việt Nam. + Giao thông vận tải: Đầu tư phát triển thêm, đường

GV mở rộng: Do tác động của các điều kiện lịch sử mới, đồng thời để khai thác được nhiều hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân công rẻ mạt và nắm chặt hơn thị trường Việt Nam, trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp tăng cường đầu tư vào Việt Nam với qui mô và tốc độ lớn hơn gấp nhiều lần so với thời kì trước chiến tranh. Nếu như trong những năm 1903-1918, tổng số vốn đầu tư của tư bản Pháp vào Đông Dương là 238 triệu frăng vàng thì riêng năm 1920, khối lượng vốn đầu tư đó đã lên tới 255,6 triệu frăng vàng, bằng một nửa tổng số vốn đầu tư của tư bản Pháp ở tất cả các thuộc địa khác trong năm đó. - Chỉ tính riêng trong vòng 6 năm (1924-1929), tổng số vốn đầu tư vào Đông Dương đã tăng gấp 6 lần số vốn đầu tư trong 20 năm trước chiến tranh (1898 - 1918). Nếu trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, tư bản Pháp chủ yếu đầu tư vào các ngành khai mỏ và giao thông vận tải thì ở thời kì này họ đổ xô vào kinh doanh nông nghiệp cùng với việc đẩy mạnh hoạt động khai mỏ.	sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn. + Ngân hàng: Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế Đông Dương.
---	--

Hoạt động 2. 2. Xã hội Việt Nam phân hoá

- **Mục tiêu:** Biết được sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh			Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập:			2. Xã hội Việt Nam phân hoá
Các giai tầng	Đặc điểm	Thái độ chính trị và khả năng cách mạng	
Địa chủ PK			
Tư sản			
Tiểu TS thành thị			
Nông dân			
Công nhân			
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm làm việc.			
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các cặp đôi trình bày, phản biện.			
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.			

GV mở rộng: Do tác động của các điều kiện lịch sử mới,

Các giai cấp	Đặc điểm	Thái độ chính trị và khả năng cách mạng
Địa chủ PK	Áp bức bóc lột, chiếm đoạt ruộng đất của nông dân	- Cấu kết chặt chẽ với TD Pháp - Có một bộ phận nhỏ có tinh thần yêu nước.
Tư sản	Phân hoá thành hai bộ phận: TS mại bản và TS dân tộc	- TS mại bản làm tay sai cho TD Pháp - TS dân tộc có tinh thần dân tộc, dân chủ, chống đế quốc và phong kiến nhưng dễ thoả hiệp
Tiểu TS thành thị	- Gồm trí thức, tiểu thương, thợ thủ công - Bị TS Pháp chèn ép, khinh bỉ, đời sống bấp bênh	- Có tinh thần cách mạng, là một lực lượng trong quá trình cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta
Nông dân	- Chiếm trên 90 % dân số - Bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề - Bị bần cùng hoá và phá sản	Là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất cuộc cách mạng
Công nhân	- Phát triển nhanh, gắn bó với nông dân, có truyền thống yêu nước	Nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Ngành công nghiệp nào Pháp chú trọng nhất trong cuộc khai thác lần thứ hai ở Việt Nam?

- A. Cơ khí. B. Chế biến C. Khai mỏ. D. Điện lực.

Câu 2. Lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam là

- A. giai cấp nông dân. B. giai cấp tư sản dân tộc.
C. giai cấp tiểu tư sản. D. giai cấp công nhân.

Câu 3. Thực dân Pháp hạn chế sự phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) chủ yếu là do

- A. muốn cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế Pháp.
B. thị trường Việt Nam nhỏ hẹp không đáp ứng yêu cầu.
C. muốn ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho công nghiệp nhẹ.
D. nguồn nhân lực Việt Nam không đáp ứng được yêu cầu.

Câu 4. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào?

- A. Giao thông vận tải. **B. Nông nghiệp và khai thác mỏ.**
C. Nông nghiệp và thương nghiệp. D. Công nghiệp chế biến.

Câu 5. Trong các nguyên nhân sau đây, đâu **không phải** là lí do khiến tư bản Pháp chú trọng đến việc khai thác mỏ than ở Việt Nam?

- A. Khai thác than mang lại lợi nhuận lớn.
B. Ở Việt Nam có trữ lượng than lớn.
C. Khai thác than để thể hiện sức mạnh của nền công nghiệp Pháp.
D. Than là nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho công nghiệp chính quốc.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Biết vận dụng kiến thức đã học để so sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.

- **Phương thức tiến hành:** HS hoàn thành bài tập, GV kiểm tra ở tiết sau.

So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô?

* GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS

- Học bài, hoàn thành vở bài tập.
- Suy tầm các hình ảnh về chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp.
- Chuẩn bị bài mới: Xem trước chuẩn bị bài 15: Phong trào cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1919 – 1925).

-----HẾT-----

Ngày soạn: 10 /12 / 2023

Ngày dạy: 18/ 12 / 2023

Tuần 16 - Tiết 16

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Giúp HS biết

- Tình hình của Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay.
- Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay.
- Cuộc cách mạng KHKT từ năm 1945 đến nay.
- Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

- **HSKT: Nắm được hai mục tiêu kiến thức trong tổng số các mục tiêu kiến thức trên.**

2. Về năng lực:

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực. Nhận diện, phân biệt, khai thác, sử dụng được các thông tin có trong các loại tư liệu cấu thành nên bài học.

- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip so sánh, nhận xét, đánh giá, quan sát tranh ảnh lịch sử, nhận xét nhân vật lịch sử, sử dụng lược đồ lịch sử. Nhận diện, phân biệt, khai thác, sử dụng được các thông tin có trong các loại tư liệu cấu thành nên bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Chăm học, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của Giáo viên:

- Giáo án, sách giáo khoa, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của Học sinh:

- Sách giáo khoa, chuẩn bị bài.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Ôn tập chương 3, chương 4, chương 5 phần Lịch sử thế giới và Chương 1 phần Lịch sử Việt Nam.

b. Tổ chức thực hiện.

- GV cho HS nhắc lại nội dung chính của các chương 3, chương 4, chương 5 phần Lịch sử thế giới và Chương 1 phần Lịch sử Việt Nam.
từ đó dẫn dắt vào nội dung ôn tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Những kiến thức cơ bản về tình hình của Mĩ – Nhật Bản – Tây Âu sau năm 1945 đến nay. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay. Cuộc cách mạng KHK từ năm 1945 đến nay. Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

A. Nội dung ôn tập

a. GV chia HS làm 5 nhóm thảo luận nội dung:

* Nhóm 1:

Câu 1: Trình bày tình hình của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 2: Hãy cho biết nguyên nhân giúp Mĩ phát triển sau chiến tranh thế giới thứ hai? Nguyên nhân nào là quan trọng nhất?

* Nhóm 2:

Câu 1: Vì sao nói vào những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản vươn lên trở thành trung tâm kinh tế tài chính thứ 2 thế giới?

Câu 2: Hãy cho biết nguyên nhân giúp Nhật Bản phát triển sau chiến tranh thế giới thứ hai? Nguyên nhân nào là quan trọng nhất?

* Nhóm 3:

Câu 1. Trình bày hoàn cảnh, nội dung, hệ quả của trật tự hai cực Ianta?

Câu 2: Hoàn cảnh, vai trò, nhiệm vụ của Liên hợp quốc? Sự giúp đỡ của Liên hợp quốc cho Việt Nam mà em biết?

* Nhóm 4:

Câu 1: Trình bày thành tựu của cuộc cách mạng KHKT? Ý nghĩa và tác động?

***Nhóm 5:**

Câu 1: Những chuyển biến về kinh tế và xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

-HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

-GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

Sau khi các nhóm thảo luận xong, GV gọi đại diện nhóm trả lời, HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động ôn tập chương 3 và 4,5 và chương 1 phần Lịch sử Việt Nam.

b.Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c.Sản phẩm: đáp án câu trả lời của học sinh

d.Tổ chức thực hiện:

GV sử dụng các câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Vị thế của nền kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào?

A. Vươn lên đứng đầu trong giới tư bản chủ nghĩa.

B. Đứng thứ hai trong giới tư bản chủ nghĩa.

C. Đứng thứ ba trong giới tư bản chủ nghĩa.

D. Đứng thứ tư trong giới tư bản chủ nghĩa.

Câu 2. Mỹ trở thành trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của thế giới vào khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1945 đến 1975.

B. Từ năm 1950 đến 1980.

C. Từ năm 1918 đến 1945.

D. Từ 1945 – 1950.

Câu 3. Ý nào dưới đây không phải nguyên nhân thúc đẩy nền kinh tế Mỹ phát triển sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Mỹ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

B. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.

C. Làm giàu nhờ thu lợi nhuận từ các nước thuộc địa.

D. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật.

Câu 5. Ý nào dưới đây không phải nguyên nhân làm cho địa vị kinh tế Mỹ suy giảm?

A. Tây Âu, Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành những trung tâm kinh tế cạnh tranh gay gắt với Mỹ.

- B. Nền kinh tế Mĩ không ổn định, vấp phải suy thoái, khủng hoảng.
 C. Mĩ chi khoản tiền lớn cho việc chạy đua vũ trang và các cuộc chiến tranh xâm lược.
D. Ở Mĩ liên tục xảy ra các cuộc nội chiến.

Câu 9. Chính sách đối ngoại mà các đời tổng thống Mĩ theo đuổi đều nhằm mục đích gì?

- A. Đưa Mĩ trở thành cường quốc về chính trị.
 B. Đưa Mĩ trở thành cường quốc về kinh tế, tài chính.
C. Thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới.
 D. Mở rộng quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trên thế giới.

Câu 10. Ý nào dưới đây không phải mục đích của “Chiến lược toàn cầu” do Mĩ đề ra?

- A. Chống phá các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Mở rộng quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trên thế giới.
 C. Đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc.
 D. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

Câu 11. Sự kiện nào được coi là “Ngọn gió thần” đối với nền kinh tế Nhật Bản?

- A. Cải cách ruộng đất.
 B. Ban hành hiến pháp 1946.
C. Chiến tranh Triều Tiên.
 D. Chiến tranh Việt Nam.

Câu 12. Cơ hội mới để nền kinh tế Nhật Bản đạt được sự tăng trưởng “thần kì” là gì?

- A. Những cải cách dân chủ.
 B. Ban hành hiến pháp năm 1946.
 C. Chiến tranh Triều Tiên.
D. Chiến tranh Việt Nam.

Câu 13. Những năm 60 của thế kỉ XX, vị thế của nền kinh tế Nhật Bản như thế nào trong giới tư bản chủ nghĩa?

- A. Vươn lên đứng đầu trong giới tư bản chủ nghĩa.
B. Đứng thứ hai trong giới tư bản chủ nghĩa.
 C. Đứng thứ ba trong giới tư bản chủ nghĩa.
 D. Đứng thứ tư trong giới tư bản chủ nghĩa.

Câu 14. Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới từ khi nào?

- A. Những năm 60 của thế kỉ XX.
B. Những năm 70 của thế kỉ XX.
 C. Những năm 80 của thế kỉ XX.
 D. Những năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 15. Ở Nhật Bản yếu tố nào được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định cho sự phát triển của nền kinh tế?

- A. Yếu tố con người.**
 B. Vai trò của nhà nước trong điều tiết nền kinh tế.
 C. Việc áp dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật.
 D. Các công ti Nhật Bản có sức cạnh tranh cao.

Câu 16. Nhật Bản đã làm gì để thúc đẩy sự phát triển của khoa học – kĩ thuật?

- A. Coi trọng nền giáo dục quốc dân, khoa học – kĩ thuật.**
 B. Mua bằng phát minh, sáng chế của nước ngoài.

C. Cho người đi học tập ở nước ngoài.

D. Mời những người giỏi về làm việc.

Câu 17. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Nhật

A. bị quân đội Mỹ chiếm đóng. B. có bước phát triển thần kì.

C. vẫn tồn tại chế độ phong kiến. D. bị quân đội phương Tây chiếm đóng.

Câu 18. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” vào giai đoạn nào sau đây?

A. 1960-1973. B. 1945-1952. C. 1952-1973. D. 1973-1980.

Câu 19. Nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã vươn lên trở thành

A. trung tâm kinh tế - tài chính số 2 thế giới.

B. nước công nghiệp phát triển nhất thế giới.

C. siêu cường tài chính số 1 thế giới.

D. có nền kinh tế đứng đầu thế giới.

Câu 20. Nhân tố giống nhau giữa Nhật Bản, Mỹ và Tây Âu giúp những nước này trở thành ba trung tâm kinh - tế tài chính lớn của thế giới là

A. áp dụng thành tựu cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.

B. tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài như viện trợ của Mỹ,..

C. chi phí quốc phòng thấp.

D. coi trọng nhân tố con người.

Câu 21: Kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh mẽ bởi nhiều nguyên nhân, nguyên nhân nào sau đây **không** đúng?

A. Chi phí đầu tư cho giáo dục thấp.

B. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.

C. Con người được coi là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.

D. Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.

Câu 22. Để nhanh chóng khôi phục nền kinh tế đất nước, các nước Tây Âu phải làm gì?

A. Tiến hành cải cách nền kinh tế.

B. Nhận viện trợ từ Mỹ.

C. Thu hẹp các quyền tự do dân chủ. D. Trở lại xâm lược thuộc địa.

Câu 23. Để nhận được viện trợ theo “Kế hoạch Mác-san”, các nước Tây Âu phải tuân theo những điều kiện nào do Mỹ đặt ra?

A. Để hàng hóa Mỹ tràn ngập trên thị trường châu Âu.

B. Đảm bảo các quyền tự do cho người lao động.

C. Không được tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp, hạ thuế quan đối với hàng hóa Mỹ, gạt bỏ những người cộng sản ra khỏi chính phủ.

D. Tiến hành quốc hữu hóa các xí nghiệp, hạ thuế quan đối với hàng hóa Mỹ.

Câu 24. Các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm mục đích gì?

A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

C. Chống Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam.

D. Chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 25. Việc các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) làm cho tình hình châu Âu:

- A. ổn định và có điều kiện phát triển. B. có sự đối đầu gay gắt giữa các nước.
C. trở nên căng thẳng. D. có nguy cơ xảy ra một cuộc chiến tranh mới.

Câu 26. Tổ chức liên kết khu vực ra đời đầu tiên là tổ chức nào?

- A. Cộng đồng châu Âu. B. Cộng đồng than thép châu Âu.
 C. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu. **D. Liên minh châu Âu.**

Câu 27. Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) ra đời có ý nghĩa tích cực nhất là gì?

- A. Tạo ra một thị trường chung để đẩy mạnh phát triển kinh tế và ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật.**
 B. Tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, tài chính với Mỹ và Nhật Bản.
 C. Tiến tới thống nhất chính sách đối nội, đối ngoại giữa các nước trong cộng đồng.
 D. Phát hành đồng tiền chung.

Câu 28. họp hội nghị cấp cao giữa các nước EC họp tại Ma-xtrich quyết định đổi tên Cộng đồng châu Âu (EC) thành:

- A. Cộng đồng châu Âu. B. Cộng đồng than thép châu Âu.
 C. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu. **D. Liên minh châu Âu.**

Câu 29. Tháng 2 – 1945, Hội nghị Ianta được tổ chức với sự tham gia của nguyên thủ những nước nào?

- A. Mỹ, Anh, Pháp. B. Mỹ, Liên Xô, Đức
 C. Mỹ, Liên Xô, Nhật Bản. **D. Mỹ, Liên Xô, Anh.**

Câu 30. Theo quyết định của Hội nghị Ianta vùng Tây Đức và Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của nước nào?

- A. Anh, Mỹ B. Liên Xô C. Anh **D. Mỹ**

Câu 31. Theo quyết định của Hội nghị Ianta quân đội nước nào sẽ chiếm đóng vùng Bắc Triều Tiên?

- A. Anh, Mỹ **B. Liên Xô** C. Anh D. Mỹ

Câu 32. Theo quyết định của Hội nghị Ianta Việt Nam thuộc phạm vi ảnh hưởng của nước nào?

- A. Pháp** B. Liên Xô C. Anh D. Mỹ

Câu 33. Những thỏa thuận của Hội nghị Ianta đã dẫn đến sự hình thành một trật tự thế giới như thế nào?

- A. Trật tự thế giới một cực do Mỹ đứng đầu.
 B. Trật tự thế giới một cực do LX đứng đầu.
C. Trật tự thế giới hai cực do Liên Xô và Mỹ đứng đầu mỗi cực.
 D. Trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.

Câu 34. Để giữa gìn hòa bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh, Hội nghị Ianta đã quyết định vấn đề gì?

- A. Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc.**
 B. Tổ chức trật tự thế giới sau chiến tranh.
 C. Phân chia các khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng trên thế giới.

D. Thực hiện chế độ quân quản ở các nước bại trận.

Câu 35. Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc vào thời gian nào?

A. Tháng 8 năm 1977 **B. Tháng 9 năm 1977**

C. Tháng 8 năm 1997 D. Tháng 7 năm 1995

Câu 36. Sự kiện nào khởi đầu Chiến tranh lạnh?

A. Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Sự ra đời của “Học thuyết Truman”.

C. Sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO)

D. Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

Câu 37. Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển với trọng điểm là lĩnh vực nào?

A. Chính trị **B. Kinh tế** C. Văn hóa D. Quân sự

Câu 38. Năm 1997, thành tựu sinh học nào gây chấn động lớn dư luận thế giới?

A. Các nhà khoa học công bố “Bản đồ gen người”

B. Chiếc máy tính điện tử đầu tiên ra đời.

C. Cừu Đô-ly ra đời bằng phương pháp sinh sản vô tính

D. Bản đồ gen người được mã hóa hoàn chỉnh.

Câu 39. Nguồn năng lượng mới nào được tìm ra từ cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại?

A. Năng lượng mặt trời

B. Năng lượng điện

C. Năng lượng than đá

D. Năng lượng hơi nước.

Câu 40. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại đã tìm ra vật liệu mới nào dưới đây?

A. Bê tông **B. Pôlime**

C. Sắt.

D. Thép.

Câu 41. Thành tựu nào của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

A. Sáng chế những vật liệu mới

B. Khoa học công nghệ

C. Cuộc “cách mạng xanh”

D. Tạo ra công cụ lao động mới

Câu 42. Một trong những thành tựu kĩ thuật được đánh giá quan trọng nhất của thế kỉ XX là

A. Máy tính điện tử

B. Máy hơi nước.

C. Đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước.

D. Bản đồ gen người.

Câu 43. Bên cạnh những tác động tích cực, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại cũng mang lại nhiều hậu quả tiêu cực, ngoại trừ

A. tình trạng ô nhiễm môi trường trên hành tinh cũng như trong vũ trụ.

B. chế tạo các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh có sức hủy diệt lớn.

C. tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các loại dịch bệnh mới,...

D. gây nên sự đối đầu căng thẳng trong quan hệ giữa các nước quốc.

Câu 44. Cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật hiện đại đã đưa nhân loại chuyển sang nền văn minh

A. trí tuệ. B. công nghiệp C. nông nghiệp D. tiền công nghiệp.

Câu 45. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng những tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại?

A. Tăng năng suất lao động, tạo ra khối lượng của cải vật chất khổng lồ.

B. Nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người.

C. Giải quyết triệt để vấn đề ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số.

D. Hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hóa.

Câu 46. Nguyên nhân thúc đẩy cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp là gì?

A. Chuẩn bị cho chiến tranh thế giới.

B. Bù đắp những thiệt hại do chiến tranh thế giới gây ra.

C. Phát triển thuộc địa.

D. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ của Pháp.

Câu 47. Tư bản Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào lĩnh vực nào?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Giao thông vận tải.

D. Khai mỏ

Câu 48. Tại sao tư bản Pháp tập trung vốn vào việc lập đồn điền cao su và khai thác than?

A. Cao su và than có giá trị cao.

B. Việt Nam nhiều cao su và than.

C. Cao su và than là hai mặt hàng thị trường Pháp và thế giới có nhu cầu lớn.

D. Cao su và than dễ khai thác.

Câu 49. Trong chính sách thương nghiệp, vì sao thực dân Pháp đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam?

A. Tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.

B. Không cho hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.

C. Tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

D. Muốn độc chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.

Câu 50. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp tác động như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam?

A. Nền kinh tế Việt Nam Phát triển độc lập.

B. Nền kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu, không phát triển.

C. Nền kinh tế Việt Nam phát triển thêm một bước nhưng bị kìm hãm, lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.

D. Nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc hoàn toàn vào nền kinh tế Pháp.

Câu 51. Vì sao tư bản Pháp tăng cường đầu tư phát triển giao thông vận tải?

A. Để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân Việt Nam.

B. Để đáp ứng việc chuyên chở hàng hóa.

C. Để phục vụ nhu cầu đi lại của tư bản Pháp.

D. Phát triển ngành dịch vụ vận tải.

Câu 52. Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật gắn với nền sản xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân.

A. Giai cấp tiểu tư sản.

B. Giai cấp tư sản.

C. Giai cấp nông dân.

D. Giai cấp công nhân.

Câu 53. Lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam là giai cấp nào?

A. Giai cấp tiểu tư sản.

B. Giai cấp tư sản.

C. Giai cấp nông dân.

D. Giai cấp công nhân.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

*Đối với tiết học này: các em về nhà ôn tập toàn bộ nội dung bài học

*Đối với tiết học tiếp theo: Chuẩn bị kiểm tra cuối kì 1.

Ngày soạn: 09/01/2024

Ngày dạy: 30/01/2024

TUẦN 19

Tiết 20

Bài 17

CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được được sự ra đời và hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng.
- Biết được sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng, đồng thời trình bày được những nét chính diễn biến cuộc khởi nghĩa Yên Bái trên lược đồ.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Quan sát hình 30 - SGK để biết được trụ sở của Chi bộ Cộng sản đầu tiên - số nhà 5D phố Hàm Long - Hà Nội.

3. Phẩm chất

- Giáo dục cho HS lòng khâm phục, kính yêu đối với chủ tịch Hồ Chí Minh và các bậc tiền bối.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Chân dung: Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Suru tầm tư liệu, tranh ảnh về CMVN trước khi Đảng ra đời.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV Quan sát hình 30 - SGK để biết được trụ sở của Chi bộ Cộng sản đầu tiên - số nhà 5D phố Hàm Long - Hà Nội. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em biết gì về bức hình này (trụ sở của Chi bộ Cộng sản đầu tiên - số nhà 5D phố Hàm Long - Hà Nội)

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV đánh giá, nhận xét.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Năm 1925, Hội VN cách mạng thanh niên ra đời, phong trào cách mạng trong nước cũng phát triển với sự ra đời của nhiều tổ chức cách mạng căn cứ vào chủ trương hoạt động Tân Việt cách mạng Đảng, Việt Nam Quốc dân đảng, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học này để lí giải những vấn đề trên.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động: 1. Tân Việt Cách mạng đảng (7 - 1928)

- **Mục tiêu:** Biết được sự ra đời và hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>* Phát vấn:</i> + Trình bày sự ra đời, thành phần và hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng? <i>* Thảo luận cặp đôi:</i> + Em có nhận xét gì về địa bàn hoạt động của Tân Việt Cách mạng Đảng? + Vì sao trong quá trình hoạt động Tân Việt CM Đảng lại bị phân hóa? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV phân tích: + Khi mới thành lập là 1 tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt → nên nó có sự phân hóa. + Hoạt động của Hội VN CM Thanh niên do NAQ sáng lập với lý luận và tư tưởng của CN Mac - Lênin → ảnh hưởng lớn tới Tân Việt Cách mạng Đảng, lôi kéo nhiều Đảng viên trẻ, tiên tiến đi theo. + Ngoài công tác GD, huấn luyện Đảng viên, TV còn tiến hành các hoạt động khác như lớp học ban đêm, phổ biến sách báo mác xít, đưa hội viên vào hoạt động thực tế.... + Trong quá trình hoạt động, nội bộ TV phân hóa sâu sắc thành 2 khuynh hướng rõ rệt: tư sản và vô sản. Xu hướng CM theo quan điểm vô sản chiếm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiến của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin → đó là Đông Dương Cộng sản liên đoàn. (mà các em được học phần sau).	1. Tân Việt Cách mạng đảng (7 - 1928) - Hội Phục Việt sau nhiều lần đổi tên đến tháng 7 - 1928 lấy tên là Tân Việt Cách mạng đảng. - Thành phần: trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước. - Địa bàn hoạt động: chủ yếu ở Trung Kỳ. - Hoạt động: cử người dự các lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nội bộ diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng: vô sản và tư sản, cuối cùng xu hướng vô sản chiếm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tích cực chuẩn bị thành lập Đảng.

* So với hội VN CM thanh niên, Tân Việt còn nhiều hạn chế, hàng ngũ Tân Việt ngày càng bị thu hẹp ...

♦ **Tân Việt Cách mạng Đảng ra đời có ý nghĩa:**

Chúng tỏ tình thần yêu nước và nguyện vọng cứu nước của thanh niên trí thức tiêu tư sản Việt Nam. Tân Việt góp phần cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương sau này.

2. Hoạt động: 2. Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930)

- **Mục tiêu:** Biết được sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng, đồng thời trình bày được những nét chính diễn biến cuộc khởi nghĩa Yên Bái trên lược đồ.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: - Trình bày sự ra đời, mục tiêu, thành phần và địa bàn hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện HS trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời HS lên bảng, dựa vào lược đồ trình bày diễn biến và kết quả cuộc khởi nghĩa Yên Bái? - GV phát vấn: Nêu nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Yên Bái? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo	2. Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930) a. Việt Nam Quốc dân đảng: + Hoàn cảnh: Ngày 25 - 12 - 1927, Việt Nam Quốc dân đảng ra đời do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Phó Đức Chính sáng lập. Đây là một chính đảng chính trị theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản. + Mục tiêu của đảng là nhằm đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền. + Thành phần: tư sản, học sinh, sinh viên, công chức, thân hào, binh lính, hạ sĩ quan,... + Địa bàn hoạt động chính là Bắc Kỳ. b. Khởi nghĩa Yên Bái: + Ngày 9 - 2 - 1929, sau vụ tên trùm mộ phu Ba-danh bị giết, thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây bắt lớn, Việt Nam Quốc dân đảng bị tổn thất nặng. Những người chủ chốt còn lại quyết định khởi nghĩa. + Địa bàn: Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình, Hà Nội, nhưng nhanh chóng bị thất bại. + Nguyên nhân thất bại là do thực dân Pháp còn mạnh, bản thân Việt Nam Quốc dân đảng còn non kém về chính trị và tổ chức.

luận - Đại diện HS trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	+ Ý nghĩa: cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai.
---	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức là cách mạng Việt Nam trước khi ĐCSVN ra đời.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Thành phần của Tân Việt cách mạng đảng gồm có bộ phận nào?

A. Công nhân, nông dân. B. Thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ.

C. Trí thức trẻ và thanh niên tư sản yêu nước. D. Tư sản, tiểu tư sản.

Câu 2. Quan hệ giữa Tân Việt cách mạng đảng và Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là gì?

A. Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện của thanh niên.

B. Tân Việt vận động hợp nhất với thanh niên.

C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên vận động hợp nhất với Tân Việt.

D. Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện của thanh niên và vận động hợp nhất với thanh niên.

Câu 3. Dưới tác động của hệ tư tưởng nào làm cho Tân Việt cách mạng Đảng bị phân hoá?

A. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

B. Tư tưởng dân chủ tư sản.

C. Chủ nghĩa Mác-Lênin.

D. Hệ tư tưởng phong kiến.

Câu 4. Nhân vật nào đã đứng đầu Công hội (bí mật) ở Sài Gòn-Chợ Lớn năm 1920?

A. Phạm Hồng Thái.

B. Tôn Đức Thắng.

C. Phó Đức Chính.

D. Nguyễn Thái Học.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Học sinh biết tìm ra được điểm mới của phong trào đấu tranh trong năm 1926-1927.

- **Phương thức tiến hành:** HS chuẩn bị, GV kiểm tra ở tiết sau.

Phong trào đấu tranh của công nhân, viên chức, học sinh học nghề trong những năm 1926-1927 đã có những điểm mới nào?

- GV giao nhiệm vụ cho HS
- + Học bài cũ, xem trước bài 18: ĐCS ra đời. Tìm hiểu tư liệu về sự ra đời của ĐCS Việt Nam. Nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập ĐCSVN.

Ngày soạn: 04/01/2024

Ngày dạy: 15/01/2023

TUẦN 19

Tiết 19

Bài 16

**HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI
TRONG NHỮNG NĂM 1919 – 1925**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1917 đến năm 1923, nhấn mạnh đến việc Người tìm thấy con đường cứu nước cho nhân dân Việt Nam.
- Lập bảng thống kê những sự kiện tiêu biểu những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1923 đến năm 1924 ở Liên Xô, từ năm 1924 đến năm 1925 ở Trung Quốc.
- Nêu rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn ở Liên Xô và Trung Quốc.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Lập bảng hệ thống về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 và nêu nhận xét.

3. Phẩm chất

- Giáo dục cho HS lòng khâm phục, kính yêu đối với chủ tịch Hồ Chí Minh và các chiến sĩ cách mạng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Ảnh Nguyễn Ái Quốc tại đại hội Tua.
- Lược đồ hành trình của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài.
- Những tư liệu về quá trình hoạt động của NAQ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sơ tư tìm tư liệu, tranh ảnh về quá trình hoạt động của NAQ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua bài thơ, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1 : GV đọc một đoạn thơ ngắn trong bài thơ Người đi tìm hình của nước (Chế Lan Viên). Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Phát biểu cảm nhận của em sau khi nghe đoạn thơ trên.

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: Phần trả lời các câu hỏi của HS.

Bước 4 : GV nhận xét, đánh giá.

Trên cơ sở đó GV dẫn dắt vào bài mới: Căn cứ hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 – 1920 chúng ta so sánh để thấy con đường cứu nước của NAQ có gì khác với con đường của lớp người đi trước. Từ 1921 – 1925 NAQ đã có những hoạt động như thế nào để chuẩn bị tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay để lí giải những vấn đề trên.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài (1919 – 1925)

- **Mục tiêu:** Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1917 đến năm 1923, nhấn mạnh đến việc Người tìm thấy con đường cứu nước cho nhân dân Việt Nam. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1923 đến năm 1924 ở Liên Xô, từ năm 1924 đến năm 1925 ở Trung Quốc.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK. - Chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận câu hỏi: + Nhóm 1,2: Trình bày được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1917 đến năm 1923? + Nhóm 3,4: Lập bảng thống kê những sự kiện tiêu biểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1923 đến năm 1924 ở Liên Xô? + Nhóm 5,6: Lập bảng thống kê những sự kiện tiêu biểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1924 đến năm 1925 ở Trung Quốc? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. <i>GV mở rộng:</i> Nội dung chủ yếu và tác dụng của Bản	1. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 – 1923) - Tháng 6 - 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi bản Yêu sách, đòi Chính phủ Pháp thừa nhận quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc Việt Nam. - Tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin, tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc - con đường cách mạng vô sản. - Tháng 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động cách mạng của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ

yêu sách đã gây tiếng vang lớn.

Trong bài thơ “Người đi tìm hình của nước” của Chế Lan Viên có đoạn :

“Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lê nin

Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp

Tường bên ngoài đất nước đợi mong tin

Bác reo lên như nói cùng dân tộc:

Cơm áo là đây, hạnh phúc đây rồi !”

⇒ Ý nghĩa việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

- 12/1920 Người tham gia sáng lập Đảng xã hội Pháp → Người đã trở thành đảng viên ĐCS đầu tiên của VN.

- GV phát vấn: Con đường cứu nước của NAQ có gì mới và khác với lớp người đi trước? (Hoạt động của các bậc tiền bối: Phan Bội Châu (dựa vào Nhật Bản), Phan Châu Trinh (canh tân đất nước). → sang các nước p.Đông tìm đg cứu nước => đều thất bại.

Con đường NAQ lựa chọn là cách mạng vô sản – sang p.Tây, đi vòng quanh tg để tìm đường cứu nước. Con đường hoàn toàn mới lần đầu tiên được một người Việt Nam tiếp nhận.

Gthích: Người rất miễn cảm về ctri, Ng rất trân trọng và khâm phục các chiến sĩ tiền bối, nhưng Người không tán thành con đg của bất kì người nào...)

? Những tài liệu (sách báo) của Người được truyền về nước có tác dụng gì?

GV KL: Sau khi tìm thấy con đường cm chân chính cho dân tộc – cách mạng vô sản: NAQ chuyên tâm hoạt động theo hướng đó. Từ 1920-1924, Người đã chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho sự ra đời của ĐCSVN- nhân tố qđịnh mọi thắng lợi của cm VN.

sinh.

* Tích hợp HTVLTGĐĐHCM: GD tinh thần vượt qua mọi khó khăn gian khổ quyết tâm tìm đường cứu nước.

nghĩa Mác - Lê-nin.

- Tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ, viết bài cho báo Nhân đạo, viết Bản án chế độ thực dân Pháp. Các sách báo trên được bí mật chuyển về Việt Nam.

2. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924), ở Trung Quốc (1924 - 1925)

Thời gian	Hoạt động
6-1923	Nguyễn Ái Quốc dự Hội nghị Quốc tế nông dân. Người tham gia nghiên cứu, viết bài cho báo Sự thật và tạp chí Thư tín Quốc tế.
1924	dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản
6-1925	thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài (1919 – 1925).

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác với lớp người đi trước?

- A. Sang phương Tây.
- B. Sang Châu Mỹ.
- C. Sang Châu Phi.
- D. Sang phương Đông.

Câu 2. Sự kiện nào đánh dấu việc Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18/6/1919).
- B. Tiếp cận luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920)**
- C. Gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).
- D. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa (1921) ở Pari.

Câu 3. Vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Đó là nội dung của tờ báo nào?

- A. Đời sống công nhân.
- B. Nhân đạo.
- C. Người cùng khổ.**
- D. Tạp chí thư tín quốc tế.

Câu 4. Câu thơ sau đây của nhà thơ Chế Lan Viên phù hợp với sự kiện nào trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc: “Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười”?

- A. Khi Người sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari.
- B. Khi Người đọc luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.**
- C. Khi Người viết bài và làm chủ nhiệm tờ báo “Người cùng khổ”.
- D. Khi Người dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).

Câu 5. Nguyễn Ái Quốc trình bày lập trường, quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa trong

- A. Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua (12/1920).
- B. Hội nghị Quốc tế nông dân (6/1923).
- C. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần V (1924).**
- D. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (5/1929).

Câu 6. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 - 1924 có ý nghĩa gì?

- A. Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lê nin để truyền bá về trong nước.
- B. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.**
- C. Xây dựng mối quan hệ liên minh giữa công nhân và nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Học sinh biết lập bảng hệ thống về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 và nêu nhận xét.

- **Phương thức tiến hành:**

Lập bảng hệ thống về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 và nêu nhận xét?

- GV giao nhiệm vụ cho HS và kiểm tra ở tiết học sau.

+ Hoàn thiện lập niên biểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 - 1925? Nêu nhận xét?

+ Học bài cũ, xem trước bài 17: CM VN trước khi ĐCS ra đời. Tìm hiểu tư liệu về Ngô Gia Tự, Nguyễn Thái Học, về Tân Việt cách mạng đảng, và 3 tổ chức cộng sản.

TUẦN 20 Ngày soạn: 14 – 01 – 2024

Ngày dạy: 22 – 01 – 2024

Tiết 21

Bài 18

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh:

- Trình bày được trong năm 1929 ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời. Trình bày được nội dung, ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng.
- Trình bày được nội dung Luận cương chính trị 10/1930.
- Hiểu được ý nghĩa của việc thành lập Đảng.
- Lí giải được sự cần thiết phải thành lập Đảng.
- Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc với Hội nghị thành lập Đảng và việc thành lập Đảng.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ;

- **Năng lực chuyên biệt**

- + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- + Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc với Hội nghị thành lập Đảng và việc thành lập Đảng.
- + Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn (sự biết ơn, lòng cảm phục đối với các bậc tiền bối cách mạng, lòng tự hào với những trang lịch sử Đảng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng).

3. Phẩm chất

- Giáo dục cho học sinh sự biết ơn, lòng cảm phục đối với các bậc tiền bối cách mạng, lòng tự hào với những trang lịch sử Đảng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh có liên quan: Chân dung lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Trần Phú.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Suru tâm tư liệu, tranh ảnh về sự thành lập Đảng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi kích thích sự tò mò hiểu những điều chưa biết sẽ được giải đáp trong bài học, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho xem hình ảnh Hội nghị thành lập Đảng, chân dung Nguyễn Ái Quốc, Trần Phú, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

1. Các hình ảnh trên đề cập sự kiện và những nhân vật lịch sử nào? Nêu những hiểu biết của em về sự kiện và những nhân vật lịch sử đó.

2. Những sự kiện và nhân vật lịch sử đó đáp ứng được những yêu cầu gì của cách mạng Việt Nam thời điểm đó?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo nhiệm vụ.

Bước 4: GV đánh giá, nhận xét.

Dẫn dắt bài mới: Cuối năm 1929, ba tổ chức cộng sản đã nhanh chóng thống nhất thành ĐCSVN dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, tạo điều kiện quyết định cho bước phát triển nhảy vọt về sau của CMVN...

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Hội nghị thành lập Đảng CSVN.

- **Mục tiêu:** Trình bày được trong năm 1929 ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời. Trình bày được nội dung, ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: 1. Trong năm 1929 ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời như thế nào? 2. Vì sao cần phải triệu tập hội nghị thành lập Đảng? 3. Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản diễn ra ở đâu? Thời gian nào? Thành phần? 4. Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hội nghị? - Thảo luận cặp đôi: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội nghị thành lập Đảng? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện HS trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * GV: Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản có ý nghĩa: + Đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng nước ta đặc biệt là phong trào công nông theo đường cách mạng Vô Sản đòi hỏi cấp thiết phải có một Cộng Sản để tổ chức và lãnh đạo phong trào.	I. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. - Năm 1929 ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời + Tháng 6 - 1929, Đông Dương Cộng sản đảng thành lập ở Bắc Kỳ. + Tháng 8 - 1929, An Nam Cộng sản đảng thành lập ở Nam Kỳ. + Tháng 9 - 1929, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn thành lập ở Trung Kỳ. - Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. * Hoàn cảnh: Ba tổ chức CS ra đời nhưng lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau nên đã gây bất lợi cho CMVN. HN họp từ 6 - 1 - 1930 tại Cửu Long dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái

+ Hệ tư tưởng cộng sản dành được ưu thế trong phong trào dân tộc, chúng tổ điều kiện thành lập Đảng Cộng Sản chín mươi trong cả nước GV yêu cầu HS quan sát hình 30 - SGK để biết được trụ sở của Chi bộ Cộng sản đầu tiên - số nhà 5D phố Hàm Long - Hà Nội. - Hội nghị diễn ra ở Trung Quốc vì hoàn cảnh cách mạng Việt Nam lúc đó chưa đảm bảo cho Hội nghị diễn ra ở trong nước. - Vai trò của Nguyễn Ái Quốc. + Chủ trì HN. Chỉ có NAQ mới có đủ uy tín để triệu tập các đại biểu + Bằng những hiểu biết của mình, NAQ đã phân tích, đánh giá tình hình để thuyết phục các đại biểu đi đến thống nhất hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành một đảng duy nhất. + Trực tiếp soạn thảo “Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt và Điều lệ tóm tắt”. + Ra lời kêu gọi các tầng lớp trong xã hội ủng hộ Đảng Cộng sản.	Quốc . * Nội dung: + Tán thành thống nhất ba tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng cộng sản Việt Nam. + Thông qua chính cương vắn tắt – Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt do đồng chí Nguyễn Ái Quốc soạn thảo → Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng * Ý nghĩa của Hội nghị: Hội nghị có vai trò như một Đại hội thành lập Đảng.
---	--

2. Hoạt động 2: Luận cương chính trị (tháng 10 - 1930)

- **Mục tiêu:** Trình bày được nội dung Luận cương chính trị 10 - 1930. Phân tích được những ưu điểm và hạn chế của luận cương chính trị 10 - 1930.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: Trình bày nội dung của Luận cương chính trị 10/1930? - Thảo luận nhóm: + Nhóm chẵn: Phân tích những ưu điểm của Luận cương chính trị 10/1930? + Nhóm lẻ: Phân tích những nhược điểm của Luận cương chính trị 10/1930? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện HS trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV nhận xét và chốt kiến thức: - Những ưu điểm và hạn chế của luận cương chính trị 10/1930 so với cương lĩnh chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo * Ưu điểm - Xác định đúng mục tiêu, phương pháp, lực lượng cơ bản của cách mạng * Hạn chế - Chưa xác định được kẻ thù, nhiệm vụ hàng đầu ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. - Chưa phát huy được khối đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của TS, TTS, địa chủ PK.	II. Luận chương chính trị (tháng 10 - 1930). - Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào tháng 10 - 1930, thông qua Luận cương chính trị. - Nội dung cơ bản của Luận cương: + Khẳng định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên con đường XHCN. + Đảng phải coi trọng việc vận động tập hợp lực lượng đa số quần chúng,... phải liên lạc mật thiết với vô sản và các dân tộc thuộc địa nhất là vô sản Pháp.

3. Hoạt động 3: Ý nghĩa của việc thành lập Đảng

- **Mục tiêu:** Hiểu được ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV phát vấn: Nêu ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam? - <i>Thảo luận cặp đôi: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ý nghĩa như thế nào với cách mạng Việt Nam</i>	III. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng. - Là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ

sau này?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện HS trình bày, phản biện.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và cách mạng Việt Nam. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước VN trong những năm đầu thế kỷ XX.

- Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam. Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về giai cấp và đường lối cách mạng Việt Nam. Từ đây cách mạng VN trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Sự ra đời của Đảng là sự chuẩn bị đầu tiên có tính tất yếu cho những bước phát triển nhảy vọt về sau

nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

- Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam, khẳng định giai cấp vô sản nước ta đã trưởng thành.

- Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng, tầm quan trọng của Cương lĩnh chính trị đầu tiên, nội dung của bản Luận cương chính trị, ý nghĩa của việc thành lập Đảng

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

Câu 1. Nguyễn Ái Quốc đóng vai trò như thế nào trong việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam năm 1930 ?

A . Chuẩn bị tư tưởng.

B. Chủ trì hợp nhất 3 tổ chức Cộng Sản.

- C. Đấu tranh loại bỏ tư tưởng hữu khuynh.
- D. Truyền bá chủ nghĩa Mac- Lê Nin vào Việt Nam.

Câu 2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được triệu tập đầu năm 1930 tại Hương Cảng vì nhiều lí do? Lí do nào sau đây **không** đúng?

- A. Chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.
- B. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc đó.
- C. Yêu cầu của Quốc tế cộng sản.

D. Để thay thế vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 3. Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là gì?

- A. Thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất cho triệt để.
- B. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.
- C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.
- D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng làm cách mạng dân tộc.

Câu 4. Căn cứ vào đâu để khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn và sáng tạo?

- A. Khẳng định cách mạng Việt Nam là bộ phận quan trọng của cách mạng thế giới.
- B. Thể hiện rõ tính độc lập dân tộc và tự do của dân tộc Việt Nam.
- C. **Vạch ra vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam.**
- D. Kêu gọi các dân tộc trên thế giới đoàn kết chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Câu 5. Luận cương **chính trị (10 - 1930)** khẳng định tính chất của cuộc cách mạng Đông Dương lúc đầu là

- A. cách mạng tư sản dân quyền**
- B. cách mạng vô sản.
- C. cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. cách mạng tư sản kiểu mới.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng và vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Nguyễn Ái Quốc có vai trò quyết định đối với sự ra đời của Đảng?

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Sưu tầm các hình ảnh tiêu biểu, các câu thơ, bài hát về Đảng cộng sản Việt Nam.

+ Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn (sự biết ơn, lòng cảm phục đối với các bậc tiền bối cách mạng, lòng tự hào với những trang lịch sử Đảng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng).

+ Chuẩn bị bài mới

- Xem trước bài 19: Phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1930 – 1935. Chuẩn bị trả lời một số câu hỏi:

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã tác động như thế nào đến nền kinh tế nước ta?

Tóm tắt diễn biến phong trào CM (1930 – 1931). Tại sao nói Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào?

Vai trò của Đảng CSVN trong cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh? Nêu bài học kinh nghiệm.

TUẦN 20 Ngày soạn: 14 – 01 – 2024

Ngày dạy: 26 – 01 – 2024

Tiết 22

BÀI 19

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1935

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được những nét chính về những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đến kinh tế và xã hội Việt Nam.
- Lập niên biểu thời gian, địa điểm và ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 - 1931 trong cả nước và ở Nghệ - Tĩnh.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt**
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Sử dụng bản đồ, phân tích và đánh giá sự kiện lịch sử.
- 3. Phẩm chất:** Giáo dục cho HS lòng kính yêu, khâm phục tinh thần đấu tranh anh dũng kiên cường của quần chúng công nông và các chiến sĩ cộng sản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ về phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua video. Từ đó GV đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV cho hs xem đoạn video: <https://www.youtube.com/watch?v=HMerKutbXPc>
Yêu cầu hs trả lời: đoạn video trên đang nhắc tới sự kiện lịch sử nào? Em biết gì về sự kiện đó?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4 (đánh giá): GV nêu vấn đề - Tình hình của Việt Nam trong thời kỳ của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 là rất nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, phong trào cách mạng 1930 – 1931 phát triển và nhanh chóng trở thành cao trào với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu nguyên nhân, nội dung của phong trào với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh; sự đàn áp của thực dân Pháp như thế nào?

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933)

- **Mục tiêu:** Biết được những nét chính về những tác động của cuộc khủng hoảng đến kinh tế và xã hội VN.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
GV trình bày khái quát về cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học Phát vấn: - Kinh tế Việt Nam có chịu ảnh hưởng cuộc khủng hoảng 1929-1933 hay không? Vì sao? Ảnh hưởng như thế nào? - Tình hình xã hội Việt Nam chịu tác động như thế nào? - Thực dân Pháp thi hành chính sách gì tại Việt Nam? Hậu quả của chính sách đó? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * GV mở rộng: - Về kinh tế: Các ngành nông nghiệp, công nghiệp đều bị suy sụp, xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ. - Về xã hội: + Công nhân thất nghiệp ngày càng đông, lương giảm. + Nông dân bị bần cùng hóa và phá sản trên quy mô lớn ... + Các tầng lớp tiểu tư sản bị điêu đứng. + Một số tư sản dân tộc cũng bị lâm vào cảnh gieo neo, sập tiệm. + Trong khi đó Pháp thi hành chính sách khủng bố rất dã man, tàn bạo đã làm cho tinh thần cách mạng của nhân dân ta càng lên cao. Thảo luận cặp đôi: “Nguyên nhân nào đã dẫn tới phong trào cách mạng 1930 – 1931 của nhân dân ta?” => Đảng CSVN ra đời tập hợp nhân dân đấu tranh.	1. Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) - Tình hình kinh tế: bị ảnh hưởng nặng nề, nông nghiệp, công nghiệp đều bị suy sụp; xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ. - Tình hình xã hội: + Đời sống mọi giai cấp, tầng lớp đều bị ảnh hưởng. + Pháp đẩy mạnh khủng bố, đàn áp,... làm cho tinh thần cách mạng của nhân dân ta ngày càng lên cao.

Hoạt động 2: Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh.

- **Mục tiêu:** Lập niên biểu thời gian, địa điểm và ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 - 1931 trong cả nước và ở Nghệ - Tĩnh.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung																						
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Phát vấn: - Nguyên nhân nào dẫn đến cao trào cách mạng 1930 - 1931 lại bùng nổ? Nguyên nhân nào là cơ bản, quyết định tới sự bùng nổ của phong trào? Thảo luận nhóm: Tìm hiểu nội dung trong SGK và hoàn thành các nội dung sau vào phiếu học tập:	2. Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh.																						
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th><th>Sự kiện</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2/1930</td><td>Cuộc bãi công của 3000 công nhân đồn điền phú riêng</td></tr> <tr> <td>4/1930</td><td>Cuộc bãi công của 4000 công nhân nhà máy sợi Nam Định - Diêm-cưa Bến thủy, xi măng Hải Phòng</td></tr> <tr> <td>1/5/1930</td><td>đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động.</td></tr> <tr> <td>8/1930</td><td>Công nhaaanh tiến hành tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới nhiều hình thức.</td></tr> <tr> <td>9/1930</td><td>công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy bãi công</td></tr> <tr> <td>Giữa 1931</td><td></td></tr> </tbody> </table>	Thời gian	Sự kiện	2/1930	Cuộc bãi công của 3000 công nhân đồn điền phú riêng	4/1930	Cuộc bãi công của 4000 công nhân nhà máy sợi Nam Định - Diêm-cưa Bến thủy, xi măng Hải Phòng	1/5/1930	đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động.	8/1930	Công nhaaanh tiến hành tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới nhiều hình thức.	9/1930	công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy bãi công	Giữa 1931		<table border="1"> <tbody> <tr> <td>1/5/1930</td><td>đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động. Công nhaaanh tiến hành tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới nhiều hình thức.</td></tr> <tr> <td>8/1930</td><td>công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy bãi công</td></tr> <tr> <td>9/1930</td><td>phong trào công – nông phát triển tới đỉnh cao: đấu tranh chính trị kết hợp với kinh tế quyết liệt diễn ra dưới nhiều hình thức -> tấn công chính quyền địch -> Địch tan rã, Đảng lập ra chính quyền Xô Viết</td></tr> <tr> <td>Giữa 1931</td><td>Phong trào tạm lắng</td></tr> </tbody> </table>	1/5/1930	đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động. Công nhaaanh tiến hành tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới nhiều hình thức.	8/1930	công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy bãi công	9/1930	phong trào công – nông phát triển tới đỉnh cao: đấu tranh chính trị kết hợp với kinh tế quyết liệt diễn ra dưới nhiều hình thức -> tấn công chính quyền địch -> Địch tan rã, Đảng lập ra chính quyền Xô Viết	Giữa 1931	Phong trào tạm lắng
Thời gian	Sự kiện																						
2/1930	Cuộc bãi công của 3000 công nhân đồn điền phú riêng																						
4/1930	Cuộc bãi công của 4000 công nhân nhà máy sợi Nam Định - Diêm-cưa Bến thủy, xi măng Hải Phòng																						
1/5/1930	đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động.																						
8/1930	Công nhaaanh tiến hành tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới nhiều hình thức.																						
9/1930	công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy bãi công																						
Giữa 1931																							
1/5/1930	đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động. Công nhaaanh tiến hành tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động dưới nhiều hình thức.																						
8/1930	công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy bãi công																						
9/1930	phong trào công – nông phát triển tới đỉnh cao: đấu tranh chính trị kết hợp với kinh tế quyết liệt diễn ra dưới nhiều hình thức -> tấn công chính quyền địch -> Địch tan rã, Đảng lập ra chính quyền Xô Viết																						
Giữa 1931	Phong trào tạm lắng																						
Thảo luận cặp đôi: Ý nghĩa của cao trào cách mạng 1930-1931? - Căn cứ vào đâu để cho rằng Xô viết Nghệ - Tĩnh thật sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận																							

- Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV trình nét khái quát về phong trào: Từ năm 1929 phong trào đấu tranh của quần chúng đã diễn ra trong phạm vi cả nước và đến năm 1930-1931 đã phát triển đến đỉnh cao với sự ra đời của Xô viết Nghệ - Tĩnh. - Từ tháng 2-1930, nhiều cuộc bãi công lớn của công nhân nổ ra ở Phú Riềng, Nam Định, Bến thủy ... Nhiều cuộc đấu tranh của nông dân nổ ra ở Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An ... - Phong trào phát triển mạnh mẽ từ tháng 5. Nhân ngày 1-5-1930, nhiều cuộc biểu tình đã nổ ra ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Vinh, Sài Gòn-Chợ Lớn và nhiều nơi khác trong cả nước, xuất hiện cờ Đảng và truyền đơn.: - Những việc làm của chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã mang lại nhiều quyền lợi cho nhân dân, chứng tỏ đây là chính quyền cách mạng của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.: + Bãi bỏ các thứ thuế do đế quốc, phong kiến đặt ra; + Chia ruộng đất cho nông dân, bắt địa chủ giảm tô, xóa nợ; + Khuyến khích học chữ Quốc ngữ, bài trừ mê tín dị đoan; + Lập các tổ chức quần chúng: Nông hội, công hội ...	- Ý nghĩa: Phong trào Xô viết có ý nghĩa lịch sử to lớn, chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động.
--	---

+ Tổ chức các đội tự vệ vũ trang, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng. - Đế quốc, phong kiến tiến hành khủng bố cực kỳ tàn bạo đối với Xô viết Nghệ-Tĩnh: Cho máy bay ném bom tàn sát đẫm máu cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên ngày 12-9-1930. Tiến hành nhiều vụ đốt phá, triệt hạ làng mạc. Nhiều cơ quan Đảng bị phá vỡ, hàng vạn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ yêu nước bị bắt, bị tù đầy hoặc bị giết. Phong trào cách mạng bị Pháp dập tắt trong máu lửa. - GV nhấn mạnh: Tuy thất bại nhưng phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ-Tĩnh có ý nghĩa to lớn, chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.	
---	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức đã học.

- **Phương thức tiến hành:** HS trao đổi với bạn bè và thầy cô để hoàn thành một số bài tập trắc nghiệm khách quan.

Câu 1. Ở Việt Nam, đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 được đánh dấu bằng sự kiện nào?

A. Cuộc biểu tình của công nhân ngày 1-5-1930.

B. Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định

C. Sự thành lập các Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh.

D. Cuộc đấu tranh của công nhân Vinh - Bến Thủy.

Câu 2. Vì sao chính quyền cách mạng ở Nghệ - Tĩnh được gọi là chính quyền Xô viết?

A. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.

B. Hình thức chính quyền theo kiểu Xô viết (Nga).

C. Chính quyền đầu tiên của công nông.

D. Hình thức chính quyền theo kiểu nhà nước mới.

Câu 3. Sự khác biệt giữa phong trào đấu tranh của nông dân Nghệ - Tĩnh với phong trào đấu tranh cả nước trong năm 1930 là gì?

A. Nông dân đấu tranh chưa có khẩu hiệu cụ thể.

B. Những cuộc đấu tranh của nông dân có vũ trang tự vệ.

C. Nông dân đấu tranh bằng lực lượng chính trị.

D. Những cuộc biểu tình của nông dân chỉ đặt ra mục tiêu cải thiện đời sống.

A. công nhân. **B. công nhân, nông dân.**

B. công nhân, nông dân.

D. công nhân, tiểu tư sản.

A. Nghệ An – Hà Tĩnh. **B. Hà Tĩnh – Quảng Bình.**

B. Hà Tĩnh – Quảng Bình.

D. Thanh Hóa – Hà Tĩnh.

- Mục tiêu: Giúp HS vận

- Phương thức tiến hành: HS trả lời câu hỏi và GV kiểm tra ở tiết học sau.

+ Căn cứ vào đầu đề cho rằng Xô viết Nghệ - Tĩnh thật sự là chính quyền cách mạng của

*** Giao nhiệm vụ về nhà**

Học bài cũ và đọc bài 20

- Hãy cho biết những sự kiện tiêu biểu trong cao trào dân chủ 1936 -1939?

- Lập bảng so sánh phong trào cách mạng 1930-1931 với phong trào dân chủ 1936 -

TUẦN 21 Ngày soạn: 21/ 01 /2024

Ngày dạy: 29/01 /2024

Tiết 23

Bài 20

CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936 -1939

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được những tác động của tình hình thế giới đến cách mạng nước ta.
- Trình bày được mục tiêu, hình thức các phong trào đấu tranh tiêu biểu trong thời kì này.
- Hiểu được ý nghĩa của phong trào cách mạng trong thời kì này.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- **Năng lực chuyên biệt.**
- + Xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh.
- + Quan sát hình 33. *Cuộc mít tinh ở Khu Đấu xảo (Hà Nội)* - SGK và nêu nhận xét về quy mô của phong trào.

3. Phẩm chất: Giáo dục cho HS lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong mọi hoàn cảnh cụ thể. Đảng đều định ra đường lối chỉ đạo chiến lược thích hợp để cách mạng vượt qua khó khăn và đi tới thành công.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Một số hình ảnh: Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, cuộc mít tinh ở khu Đấu xảo, báo Dân chúng, trụ sở báo Tin tức ...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Suru tâm một số hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua video, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV cho hs xem video: <https://www.youtube.com/watch?v=KSRu-m8S2uA>

GV phát vấn: Đoạn video trên đang nhắc tới sự kiện lịch sử nào? Em có hiểu biết gì về sự kiện lịch sử đó?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV đánh giá, nêu vấn đề - Trước tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động nghiêm trọng, Đảng ta đã kịp thời đưa ra chủ trương phù hợp để duy trì và phát triển phong trào đấu tranh cách mạng. Trong bài hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu hoàn cảnh thế giới và trong nước cũng như những sách lược và hình thức đấu tranh mới mà Đảng ta đề ra trong giai đoạn 1936-1939. Sách lược và hình thức đấu tranh đó so với những năm 1930-1935 có nét gì khác biệt. Phong trào đòi tự do, dân chủ trong những năm 1936-1939 diễn ra như thế nào? Có ý nghĩa gì?

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Tình hình thế giới và trong nước

- **Mục tiêu:** Biết được những tác động, ảnh hưởng của tình hình thế giới đến cách mạng nước ta.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
GV trình bày - Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã làm cho mâu thuẫn xã hội trong các nước tư bản càng thêm sâu sắc. Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng ở một số nước đã thiết lập chế độ phát xít như Đức, Ý và Nhật Bản. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận cặp đôi: - Vì sao lại nói chủ nghĩa phát xít xuất hiện ở Đức, Ý và Nhật Bản là mối đe dọa nền dân chủ và hòa bình thế giới. - Để đối phó với chủ nghĩa phát xít, bảo vệ dân chủ và hòa bình, Quốc tế Cộng sản đã có chủ trương như thế nào? - Năm 1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm chính quyền đã có tác động tới tình hình Việt Nam như thế nào? - Trong khi tình hình thế giới đầy biến động, tình hình ở Việt Nam như thế nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * GV mở rộng: Căn cứ vào sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản, tháng 7-1936 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị ở Thượng Hải (Trung Quốc) để định ra đường lối đấu tranh trong thời kì mới.	1. Tình hình thế giới và trong nước 1. Thế giới - CN phát xít được thiết lập và lên nắm chính quyền ở một số nước, đe dọa nền dân chủ và hoà bình thế giới. - Đại hội lần VII của Quốc tế CS họp 7/1935 đề ra chủ trương mới là thành lập Mặt trận Nhân dân ở các nước nhằm tập hợp lực lượng chống phát xít và nguy cơ chiến tranh. - Ở Pháp, năm 1936 Mặt trận Nhân dân Pháp lên cầm quyền, ban bố một số chính sách tiến bộ đối với thuộc địa. Một số tù chính trị ở VN được thả. 2. Trong nước: Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế cùng những chính sách phản động của thực dân Pháp ở thuộc địa đã làm cho đời sống nhân dân ta càng đói khổ, ngột ngạt.

Hoạt động 2: Mặt trận dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ

- **Mục tiêu:** Trình bày được mục tiêu, hình thức các phong trào đấu tranh tiêu biểu trong thời kì này.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. HS đọc mục II SGK đoạn từ “Căn cứ vào tình hình ... mở rộng phong trào đấu tranh của quần chúng” - GV: Xuất phát từ tình hình, nhiệm vụ cách mạng thế giới có sự thay đổi; từ tình hình cụ thể trong nước mà Đảng ta có chủ trương phù hợp để duy trì và phát triển phong trào cách mạng. - Phát vấn: Trước tình hình thế giới và trong nước Đảng Cộng Sản Đông Dương đã có chủ Trương như thế nào? <i>Kẻ thù trước mắt của nhân dân là ai? Nhiệm vụ đấu tranh giai đoạn này là gì? Khẩu hiệu đấu tranh là gì? Hình thức đấu tranh như thế nào?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV kết luận: Qua phần trình bày trên, chúng ta thấy cao trào dân chủ 1936-1939 là phong trào quần chúng rộng rãi, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước tham gia, hình thức đấu tranh phong phú với mục đích đòi tự do, dân chủ. Từ cuối năm 1938, Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp thiên hữu; bọn phản động ở Đông Dương ngóc đầu dậy nên phong trào bị thu hẹp dần, đến khi CTTG thứ hai bùng nổ thì phong trào chấm dứt.	2. Mặt trận dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ - Xác định kẻ thù trước mắt là bọn phản động Pháp và tay sai. - Nhiệm vụ: chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình. - Chủ trương: Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (1936) sau đó đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương. - Hình thức đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp; công khai, nửa công khai. - Các phong trào tiêu biểu + Mở đầu là cuộc vận động lập Ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội + Ngày Quốc tế Lao động 1-5-1938, tại Khu Đấu xảo (Hà Nội) đã diễn ra mít tinh khổng lồ của 2,5 vạn người.

Hoạt động 3: Ý nghĩa của phong trào

- **Mục tiêu:** Hiểu được ý nghĩa của phong trào dân chủ 1936-1939.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. HS đọc mục II SGK Thảo luận cặp đôi: Nêu ý nghĩa của phong trào dân tộc dân chủ 1936-1939? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày, phản biện. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV mở rộng: Cuộc vận động dân chủ 1936 -1939 đã ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng nước ta. Cụ thể là: - Qua cao trào quần chúng nhân dân được tập dượt đấu tranh. - Chủ nghĩa Mác-Lê-nin được tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng. - Đội quân chính trị hùng hậu được hình thành qua tổ chức Mặt trận Dân chủ Đông Dương. - Là cuộc diễn tập thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.	3. Ý nghĩa của phong trào - Trình độ chính trị, công tác của cán bộ, đảng viên được nâng cao, uy tín, ảnh hưởng của Đảng được mở rộng. - Quần chúng được tập dượt đấu tranh, một đội quân chính trị hùng hậu được hình thành. - Phong trào là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức đã học.

- **Phương thức tiến hành:** HS trao đổi với bạn bè và thầy cô để hoàn thành một số bài tập trắc nghiệm khách quan.

Câu 1. Kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương thời kỳ 1936 – 1939 là

A. bọn phản động thuộc địa.

B. chủ nghĩa phát xít.

C. bọn phản động Pháp và bè lũ tay sai.

D. Thực dân Pháp và chính quyền phong kiến.

Câu 2. Hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng trong thời kỳ 1936-1939 có gì khác so với thời kỳ 1930-1931?

A. Đấu tranh bí mật.

B. Đấu tranh bất hợp pháp.

C. Đấu tranh công khai.

D. Đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp; công khai, nửa công khai.

Câu 3. Lực lượng tham gia đấu tranh trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 chủ yếu là

A. Liên minh của tư sản và địa chủ.

B. Công nhân, nông dân.

C. Các lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ, không phân biệt thành phần, đẳng cấp.

D. Tư sản, tiểu tư sản, nông dân.

Câu 4. Nhiệm vụ cách mạng được Đảng ta xác định trong thời kì 1936-1939 là gì?

A. Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

B. Đánh đuổi đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập.

C. Tích thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho dân cày.

D. Chống đế quốc Pháp và bọn phản động thuộc địa.

Câu 5. Mục tiêu đấu tranh trước mắt của nhân dân Việt Nam trong phong trào dân chủ 1936 - 1939 là

A. đánh đổ đế quốc để giành độc lập tự do.

B. đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

C. giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho nông dân.

D. đòi độc lập dân tộc và tự do dân chủ.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng được các kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống cụ thể.

- **Phương thức tiến hành:** HS soạn câu trả lời và GV kiểm tra ở tiết sau;

“Tại sao nói: phong trào dân chủ 1936-1939 là cuộc diễn tập thứ hai của Cách mạng tháng Tám năm 1945?”

*** Giao nhiệm vụ về nhà**

- HS về nhà chuẩn bị bài 21: Việt Nam trong những năm 1939 -1945. Soạn câu hỏi.

- Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm gì đáng chú ý?

- Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương: nguyên nhân bùng nổ, diễn biến chính, ý nghĩa.

-----HẾT-----

TUẦN 21
Tiết 24

Ngày soạn: 22/01/2024

Ngày dạy: 02/ 02 /2024

Bài 21. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 -1945

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Biết được những nét chính về tình hình thế giới và Đông Dương trong những năm chiến tranh.
- Lập niên biểu diễn biến những cuộc khởi nghĩa.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ;

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn (lòng căm thù đế quốc phát xít nhật và lòng kính yêu khâm phục tinh thần dũng cảm của nhân dân ta).

3. Phẩm chất

- Giáo dục cho HS lòng căm thù đế quốc phát xít nhật và lòng kính yêu khâm phục tinh thần dũng cảm của nhân dân ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh, tài liệu có liên quan về ách áp bức Pháp Nhật đối với nhân dân ta và 2 cuộc nổi dậy.
- Lựa chọn 2 cuộc nổi dậy, chân dung một số nhân vật lịch sử.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan về ách áp bức Pháp Nhật đối với nhân dân ta và 2 cuộc nổi dậy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, kích thích sự tò mò đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho xem hình ảnh về phát xít Nhật tràn vào Đông Dương, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em biết gì về bức ảnh này?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV đánh giá, nhận xét, dẫn dắt vào bài học: Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, câu kết chặt chẽ với thực dân pháp để thống trị và bóc lột nhân dân ta. Nhân dân Đông Dương phải sống trong cảnh “một cổ hai tròng” rất cực khổ dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vùng lên đấu

tranh mở đầu thời kì mới thời kì khởi nghĩa vũ trang. Đó là 3 cuộc khởi nghĩa: Bắc Sơn, Nam kì và Bình biến Đô Lương.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Tình hình thế giới và Đông Dương

- **Mục tiêu:** HS Biết được những nét chính về tình hình thế giới và Đông Dương trong những năm chiến tranh.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận cặp đôi. Tra lời các câu hỏi sau: + Tình hình thế giới và Đông Dương những năm 1939 - 1945 có gì khác so với thời kỳ 1936 1939? + Thủ đoạn thâm độc và gian xảo của Pháp, Nhật đối với nhân dân ta? + Vì sao Nhật, Pháp cấu kết với nhau? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các cặp đôi trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	1. Tình hình thế giới và Đông Dương <i>* Thế giới</i> - Tháng 9/1939, CTTG 2 bùng nổ - Tháng 6/1940, Đức tấn công Pháp → Chính phủ Pháp đầu hàng - Ở viễn Đông: Nhật xước TQuốc, tiến sát biên giới Việt Trung. <i>* Đông Dương</i> - Tháng 9/1940, Nhật tràn vào Đông Dương. → Nhật - Pháp cấu kết với nhau, áp bức bóc lột nhân dân ĐDương. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với Nhật – Pháp trở nên gay gắt. ⇒ Nhân dân chịu 2 tầng áp bức

Hoạt động 2: 2. Những cuộc nổi dậy đầu tiên

- **Mục tiêu:** Lập niên biểu những nét chính diễn biến những cuộc khởi nghĩa. Quan sát lược đồ 34, 35 trong SGK và xác định một số địa điểm diễn ra các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì trên lược đồ.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK.
- Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận:
- + Nhóm chẵn: Lập niên biểu những nét chính diễn biến cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn?
- + Nhóm lẻ: Lập niên biểu những nét chính diễn biến cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ?

Tên cuộc khởi nghĩa	Nguyên nhân	Diễn biến	Kết quả- ý nghĩa
Bắc Sơn			
Nam Kỳ			
BB Đô Lương			

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.
- GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

và toà án cách mạng, cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện.

GV cung cấp thêm tư liệu: cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong khởi nghĩa Nam Kỳ do Nguyễn Hữu Tiển vẽ.. GV. Sử dụng LD tường thuật diễn biến khởi nghĩa. Xác định cho HS vị trí Pháp ném bom tàn sát → giáo dục ý thức bảo vệ môi trường. Ý nghĩa, bài học kinh nghiệm rút ra từ 3 cuộc nổi dậy trên?

2. Những cuộc nổi dậy đầu tiên

- Lập niên biểu.

*** Ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm:**

- Chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân ta
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý:
- + Về khởi nghĩa vũ trang.
- + Xây dựng lực lượng vũ trang.
- + Chiến tranh du kích.

Nội dung

Tên khởi	Nguyên nhân	Diễn biến	Kết quả- ý nghĩa
----------	-------------	-----------	------------------

nghĩa			
Bắc Sơn	- Nhật đẩy mạnh kế hoạch đánh chiếm Đông Dương. - Ngày 22/9/1940, Nhật đổ bộ lên Đồ Sơn (Hải Phòng) - Pháp bị tổn thất nặng nề, rút chạy về Bắc Sơn.	- Tháng 9 - 1940, nhân dân Bắc Sơn nổi dậy chống Pháp và giành được chính quyền tại địa phương, lập nên đội du kích Bắc Sơn. - Mấy ngày sau, Pháp câu kết với Nhật, chúng khủng bố cuộc khởi nghĩa.	- Mở đầu phong trào vũ trang giải phóng dân tộc. - Giúp Đảng rút ra những bài học quý báu về khởi nghĩa vũ trang, chọn thời cơ khởi nghĩa
Nam Kỳ	- Năm 1940, Pháp và Thái Lan xảy ra xung đột, thanh niên Việt Nam bị ép tham gia chiến đấu.	- Tháng 11/1940, khởi nghĩa nổ ra từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ. - Kế hoạch bị lộ, Pháp cho ném bom tàn sát nhân dân. - Lực lượng khởi nghĩa còn lại phải rút về Đồng Tháp và U Minh.	- Chứng tỏ tinh thần yêu nước, sẵn sàng đứng lên chống quân thù của các tầng lớp nhân dân Nam Kỳ.

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về tình hình thế giới và Đông Dương trong những năm chiến tranh, những nét chính về diễn biến những cuộc khởi nghĩa.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Tháng 6/1940 diễn ra sự kiện gì tiêu biểu nhất?

A. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ.

B. Quân đội phát xít Đức kéo vào nước Pháp.

C. Nhật kéo vào Lạng Sơn Việt Nam.

D. Nhật đánh chiếm Trung Quốc.

Câu 2. Ở Đông Dương năm 1940 thực dân Pháp đứng trước 2 nguy cơ nào?

A. Đầu hàng Nhật, vừa đàn áp nhân dân Đông Dương.

B. Đánh bại Nhật, vừa đàn áp nhân dân Đông Dương.

C. Cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Dương, phát xít Nhật lấn le hất cẳng Pháp.

D. Câu kết với Nhật để đàn áp nhân dân Đông Dương.

Câu 3. Nhật xâm lược Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lần dần từng bước để

A. biến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật.

B. để độc quyền chiếm Đông Dương.

C. biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.

D. để làm bàn đạp tấn công nước khác.

Câu 4. Để nắm độc quyền toàn bộ nền kinh tế Đông Dương và tăng cường việc đầu cơ tích trữ để vơ vét bóc lột nhân dân ta, thực dân Pháp đã thi hành chính sách gì?

A. Tăng các loại thuế gấp ba lần. **B. Thi hành chính sách “Kinh tế chỉ huy”.**

C. Thu mua lương thực theo giá rẻ mạt. D. Bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay.

Câu 5. Dưới hai tầng áp bức bóc lột nặng nề của Pháp - Nhật, giai cấp nào bị khốn khổ nhất, tổn thất nhiều nhất trong nạn đói 1944 - 1945?

A. Nông dân. B. Công nhân. C. Thợ thủ công. D. Tiểu tư sản.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng và vận dụng

- Mục tiêu

+ Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- Phương thức tiến hành: HS tìm hiểu và trả lời. GV kiểm tra ở tiết sau.

? Sưu tầm một số thơ ca tố cáo tội ác của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật đối với nhân dân ta thời kì này.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Sưu tầm một số thơ ca tố cáo tội ác của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật đối với nhân dân ta thời kì này.

+ Chuẩn bị bài mới

- Xem trước bài 22: Cao trào cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (mục I).

- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

- Sưu tầm các tư liệu về sự ra đời của mặt trận Việt Minh, tìm hiểu thêm về những đội viên của đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

-----HẾT-----

TUẦN 22.
Tiết 25, 26

Ngày soạn: 04 – 02 – 2024

Ngày dạy: 19 – 02 – 2024

**Bài 22. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI
TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Sau khi học xong bài, học sinh

- Trình bày được sự thành lập Mặt trận Việt Minh và nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa của Mặt trận Việt Minh. Nêu được chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ;

- **Năng lực chuyên biệt**

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn (lòng kính yêu chủ tịch Hồ Chí Minh, lòng tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh).

3. Phẩm chất

- Giáo dục cho HS lòng kính yêu chủ tịch Hồ Chí Minh, lòng tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh, tài liệu có liên quan về sự ra đời của mặt trận Việt Minh, đội VN tuyên truyền giải phóng quân.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Suru tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan về sự ra đời của mặt trận Việt Minh, đội VN tuyên truyền giải phóng quân.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, kích thích sự tò mò, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho xem hình ảnh về đội VN tuyên truyền giải phóng quân, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em biết gì về bức ảnh này?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài mới: Bước sang năm 1941 cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai chuyển sang giai đoạn mới quyết liệt hơn .Tháng 6-1941 Đức tấn Công Liên Xô cuộc chiến tranh thế giới lần thứ Hai thay đổi tính chất .Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương Hồ Chí Minh về nước :28-1-1941 Người trực tiếp chủ trì hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng lần thứ VIII người sáng lập ra mặt trận Việt Minh .Mặt trận Việt Minh trực tiếp chuẩn bị lực

lượng cho cách mạng tháng Tám năm 1945 và tiến tới cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa 1945.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động: 1. Mặt trận Việt Minh ra đời (19 - 5 - 1941)

- **Mục tiêu:** - Trình bày được sự thành lập Mặt trận Việt Minh và nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa của Mặt trận Việt Minh. Nêu được chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm: + Nhóm 1,2: Tình hình thế giới và trong nước năm 1941? + Nhóm 3,4: Chủ trương của Đảng qua hội nghị lần thứ 8? + Nhóm 5,6: Hoạt động của mặt trận Việt Minh? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. - GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * GV bổ sung: Tình hình thế giới năm 1941 và nhận xét cuộc đấu tranh của Việt Nam? (<i>Năm 1941 thế giới phân thành 2 trận tuyến, Ở ĐĐ, Pháp ra sức đàn áp CM.</i>) - <i>Sau 30 năm tìm đường cứu nước và hoạt động ở nước ngoài, ngày 28-1-1941 lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã về nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Người đã triệu tập hội nghị Trung ương lần thứ 8 từ 10 → 19-5-1941 tại PácBó (Cao Bằng).</i> GV : Giới thiệu về hành trình về nước của Nguyễn Ái Quốc và sự kiện lập hội nghị Pác Bó.	1. Mặt trận Việt Minh ra đời (19 - 5 - 1941) * Thế giới: Tháng 6/1941, Đức tấn công Liên Xô → thế giới hình thành 2 trận tuyến * Trong nước: Nhân dân ta sống dưới 2 tầng áp bức của Pháp -Nhật → mâu thuẫn dân tộc sâu sắc - Ngày 28 - 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 họp tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 - 5 - 1941. - Hội nghị chủ trương: + Đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu. + Tạm gác khẩu hiệu "Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày", thực hiện khẩu hiệu "Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo...". + Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh. - Sự phát triển lực lượng cách mạng: + Lực lượng chính trị : Mặt trận Việt Minh được thành lập ngày 19 - 5 - 1941, bao gồm các

? Chủ trương của đảng qua hội nghị? (Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc đánh đuổi nhật pháp lên hàng đầu. Tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng cho dân cày”. Thành lập Mặt trận Việt Minh. + Ủy ban Việt minh liên tỉnh Cao- Bắc- Lạng được thành lập. + Báo chí của Đảng Việt Minh rất phong phú (Giải phóng, cờ giải phóng, cứu quốc) + 5-1944 Việt Minh ra chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa. + 22- 12- 1944, Đội VN Tuyên Truyền Giải Phóng Quân ra đời.)	đoàn thể cứu quốc ở khắp cả nước. + Lực lượng vũ trang : duy trì đội du kích Bắc Sơn, phát triển thành Cứu quốc quân, phát động chiến tranh du kích, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (22 - 12 - 1944).
---	--

Hoạt động 2: Cao trào kháng Nhật cứu nước – Tiến tới tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945.

1. Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)

- **Mục tiêu:** Biết được những nét chính về cuộc Nhật đảo chính Pháp và diễn biến của cuộc tổng khởi nghĩa.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV phát vấn: - Tại sao Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)? - Diễn biến, kết quả của cuộc đảo chính? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. - Các HS khác nhận xét, bổ sung, GV chốt ý, chuẩn hóa kiến thức. GV chốt ý: - Sau khi hất cẳng Pháp, Nhật đã chiếm Đông Dương, thành lập chính phủ thân Nhật do Trần Trọng Kim đứng đầu. - Tình hình Đông Dương sau cuộc đảo chính như thế nào? (Tình hình Đông Dương sau đảo chính: Sau đảo chính, Nhật tiếp tục tăng cường bóc lột nhân dân	II . CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC - TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945. 1. Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945) - Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Nước Pháp được giải phóng. - Ở mặt trận TBD, Nhật khôn ngoan vì những đòn tấn công của Anh, Mĩ. - Ở Đông Dương, quân Pháp ráo riết chuẩn bị, chờ thời cơ để giành lại địa vị thống trị cũ. - Tình thế trên buộc Nhật phải đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương. - Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương, Pháp chống trả yếu ớt

ta, tấn công vào khu căn cứ cách mạng ... Nhân dân Việt Nam vô cùng căm ghét phát xít Nhật, muốn vùng lên lật đổ chúng).	và nhanh chóng đầu hàng.
* Có thể phân tích thêm: Nhật đảo chính Pháp thời cơ khởi nghĩa đã đến chưa?	

Hoạt động 3. Cao trào kháng Nhật cứu nước – Tiến tới tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945.

2. Tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

- **Mục tiêu:** Trình bày được chủ trương của Đảng sau khi Nhật đảo chính Pháp; Trình bày được diễn biến cao trào kháng Nhật cứu nước.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Kiến thức 1. Chủ trương của Đảng sau khi Nhật đảo chính Pháp. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Thảo luận nhóm: + Nhóm 1,2: Khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng ta đã có chủ trương như thế nào để thúc đẩy cách mạng phát triển? + Nhóm 3,4: Tại sao Đảng ta quyết định phát động cao trào kháng Nhật cứu nước? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Kiến thức 2. Diễn biến cao trào “Kháng Nhật cứu nước” Bước 1.	2. Tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 a) Chủ trương của Đảng sau khi Nhật đảo chính Pháp. + Ra bản chỉ thị: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” + Xác định kẻ thù chính, cụ thể trước mắt là phát xít Nhật. + Hội nghị quyết định phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước” mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa. b) Diễn biến cao trào “Kháng Nhật, cứu nước”

THẢO LUẬN NHÓM**Thời gian: 3 phút**

Nghiên cứu nội dung kênh chữ trong SGK trang 90 và hoàn thành nội dung vào bảng thống kê.

Thời gian	Sự kiện
Tháng 3 -1945	
15-4-1945	
4-6-1945	
Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ năm 1945	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc sách giáo khoa và thảo luận, tóm tắt những sự kiện chính.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

HS quan sát hình 38 sgk. Khu giải phóng Việt Bắc, xác định các địa danh và nêu nhận xét về cao trào kháng Nhật cứu nước.

* Tích hợp HTVLTGĐDDHCM: Ý thức trách nhiệm đối với đất nước.

Nội dung**b. Cao trào kháng Nhật cứu nước.**

Thời gian	Sự kiện
Từ T3/ 1945	cách mạng đã chuyển sang cao trào đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần
	Ở căn cứ Cao – Bắc – Lạng nhiều xã, châu, huyện được giải phóng
15/4/1945	Thống nhất các lực lượng vũ trang thành “VN giải phóng quân”
4/6/1945	Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ thành lập
	Khu giải phóng Việt Bắc ra đời
Bắc Bộ và Bắc Trung bộ năm 1945	Khẩu hiệu “phá kho thóc giải quyết nạn đói”

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về chủ trương mới của Đảng được đề ra trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8, sự ra đời và phát triển của Mặt trận Việt Minh

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan, tự luận và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng trả lời trên bảng con (trắc nghiệm).

+ Phần trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Tháng 6/1941 tình hình thế giới diễn ra sự kiện gì?

A. Chiến tranh thế giới bùng nổ.

B. Phát xít Đức tấn công Liên Xô.

C. Phát xít Đức tấn công Pháp.

D. Phát xít Đức tấn công Bỉ, Hà Lan.

Câu 2. Nhà thơ Tố Hữu viết: “Ba mươi năm chân bước không mỏi - Mà đến bây giờ mới tới nơi”. Đó là hai câu thơ nói về quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và đến khi Người quay về Tổ quốc. Vậy Nguyễn Ái Quốc về nước vào ngày tháng năm nào? Ở đâu?

A. Ngày 25/1/1941, tại Pác Bó - Cao Bằng.

B. Ngày 28/1/1941, tại Tân Trào - Tuyên Quang.

C. Ngày 28/1/1941, tại Pác Bó - Cao Bằng.

D. Ngày 28/2/1941, tại Hà Nội.

Câu 3. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 đã xác định mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam là gì?

A. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp.

B. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Pháp-Nhật.

C. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

D. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

Câu 4. Tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần 8, Hội nghị đã chủ trương thành lập mặt trận nào?

A. Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Đồng minh.

C. Mặt trận Việt Minh.

D. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương

Câu 5. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 quyết định tạm gác khẩu hiệu nào?

A. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo”

B. “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”.

C. “Giảm tô, giảm tức chia lại ruộng công”.

D. Thực hiện “Người cày có ruộng”.

Câu 6. “Liên hiệp hết thảy với các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, để cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn”, đó là chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương khi thành lập

A. Mặt trận Dân tộc thống nhất Đông Dương.

B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương

C. Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.

D. Các tổ chức quần chúng (Hội cứu quốc) của mặt trận Việt Minh.

Câu 7. Đội du kích đầu tiên của cách mạng Việt Nam là gì?

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng và vận dụng

- Mục tiêu

+ Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- Phương thức tiến hành: HS chuẩn bị, GV kiểm tra ở tiết sau.

? Nhận xét về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khi thành lập mặt trận Việt Minh?

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Sưu tầm các tư liệu về sự ra đời của mặt trận Việt Minh.

+ Chuẩn bị bài mới

- Xem trước bài 23

- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

- Sưu tầm tư liệu về cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

TUẦN 22.
Tiết 27

Ngày soạn: 18 – 02 – 2023

Ngày dạy: 23 – 02 – 2024

Bài 23

TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được thời cơ của cách mạng đã đến, Đảng ta đã nắm được thời cơ và quyết tâm khởi nghĩa.
- Lập niên biểu những nét chính diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn)
- Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Phát triển năng lực tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ;
- **Năng lực chuyên biệt:** Xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

3. Phẩm chất: Giáo dục cho HS lòng kính yêu Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, từ đó có niềm tin vào sự thắng lợi của cách mạng và lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Lược đồ Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 và một số tư liệu hình ảnh liên quan. Bài hát 19 tháng Tám. Phim tư liệu bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập...

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua video, kích thích sự tò mò, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV cho HS xem video: Cách mạng tháng Tám – mốc son chói lọi của lịch sử <https://www.youtube.com/watch?v=DTu7E1D3Yyg>

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV đánh giá, dẫn dắt vào bài mới:

Giờ học hôm trước chúng ta đã tìm hiểu không khí sôi nổi của Đảng và nhân dân trong cao trào kháng Nhật, cứu nước. Hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu: trong hoàn cảnh nào Đảng ta ban bố lệnh Tổng khởi nghĩa? Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã diễn ra và thắng lợi nhanh chóng như thế nào? Nguyên nhân thành công và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

1. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố

- **Mục tiêu:** Biết được thời cơ của cách mạng đã đến, Đảng đã nắm được thời cơ và quyết tâm khởi nghĩa.

- **Tổ chức hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG
* Kiến thức 1. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận cặp đôi: Vì sao nói: “ Thời cơ của Cách mạng tháng Tám là thời cơ ngàn năm có một”? Bước 2. HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Đại diện một hs trình bày, các hs khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV mở rộng: + Phát xít Nhật đầu hàng khiến quân Nhật ở Đông Dương trở nên bị tê liệt, chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Như vậy, thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân ta giành độc lập đã đến (đây là điều kiện khách quan rất thuận lợi) + Đứng trước hoàn cảnh vô cùng thuận lợi đó, Đảng ta đã kịp thời phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào nước ta. * Kiến thức 2: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: Lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố thể hiện qua những sự kiện lịch sử quan trọng nào? - Em có nhận xét gì về chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng? Bước 2. HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ	I. Lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố. 1. Hoàn cảnh lịch sử * Thế giới - Tháng 5/1945, phát xít Đức bị đánh bại. - Tháng 8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện * Trong nước: quân Nhật hoang mang, dao động cực độ. b. Chủ trương của Đảng - Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập và ra Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn dân nổi dậy. - ngày 14 và 15 / 8 / 1945 Hội nghị toàn quốc họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào. - 16 / 8/1945 Đại hội Quốc dân

HS làm việc. Bước 3. Đại diện một hs trình bày, các hs khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Cho HS xem bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho đồng bào tháng Tám – 1945, hình ảnh lễ xuất quân tại cây đa Tân Trào tháng 8-1945...	Tân Trào tán thành: + quyết định khởi nghĩa của Đảng + lập Ủy ban Giải phóng dân tộc. - Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước nổi dậy khởi nghĩa.
---	---

Hoạt động 2: II. Diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

- **Mục tiêu:** Lập bảng thống kê các sự kiện khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

- **Tổ chức hoạt động**

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG														
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV cho HS xem video , kết hợp SGK hoàn thành phiếu học tập: https://www.youtube.com/watch?v=zgR6nH84wsQ <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th><th>Sự kiện</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>14 -18/ 8/ 45</td><td></td></tr> <tr> <td>16/8/1945</td><td></td></tr> <tr> <td>19/08/1945</td><td></td></tr> <tr> <td>23/08/1945</td><td></td></tr> <tr> <td>25/08/1945</td><td></td></tr> <tr> <td>02/09/1945</td><td></td></tr> </tbody> </table> Bước 2. HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Đại diện một hs trình bày, các hs khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực	Thời gian	Sự kiện	14 -18/ 8/ 45		16/8/1945		19/08/1945		23/08/1945		25/08/1945		02/09/1945		II. Diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945
Thời gian	Sự kiện														
14 -18/ 8/ 45															
16/8/1945															
19/08/1945															
23/08/1945															
25/08/1945															
02/09/1945															

hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV mở rộng:

- Ngày 15/8, Hà Nội nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa.
- Đội Tuyên truyền xung phong của Việt Minh hoạt động khắp thành phố.
- Sáng 19/8, cuộc mít tinh lớn do Việt Minh tổ chức ở Quảng trường Nhà Hát lớn Hà Nội, sau đó đoàn người đã chia nhau chiếm các công sở của chính quyền bù nhìn. Trong ngày 19/8 Hà Nội giành được chính quyền.
- Việc Hà Nội nhanh chóng giành được chính quyền có ý nghĩa quyết định đối với việc giành chính quyền trong cả nước.
- Từ ngày 14-8 đến ngày 18-8-1945, bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước là: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- Ngày 23-8, Huế giành chính quyền.
- Ngày 25-8, Sài Gòn giành chính quyền.
- Ngày 28-8, Hà Tiên, Đồng Nai Thượng.
- Chỉ trong 15 ngày cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước.
- Ngày 2-9-1945, CT Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), khai sinh ra nước VNDC Cộng hòa ra đời.

Nội dung

II. Diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Thời gian	Sự kiện
14 - 18/ 8/ 45	4 tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền.
16/8/1945	Thị xã Thái Nguyên giành chính quyền.
19/08/1945	Giành chính quyền ở Hà Nội
23/08/1945	Giành chính quyền ở Huế.
25/08/1945	Sài Gòn giành chính quyền
02/09/1945	Tuyên ngôn độc lập được công bố. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Hoạt động 3: Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám

- **Mục tiêu:** Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

- **Tổ chức hoạt động**

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ cho HS - Phát vấn: Trình bày ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám – 1945? - Theo em: Ý nghĩa quan trọng nhất và nguyên nhân cơ bản nhất quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là gì? Bước 2. HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Đại diện một hs trình bày, các hs khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - GV mở rộng: Về nguyên nhân: chủ quan, khách quan. + Nguyên nhân chủ quan có vai trò quyết định, vì CM tháng Tám diễn ra trong 15 ngày nhưng Đảng và nhân dân ta đã chuẩn bị 15 năm. + Nguyên nhân khách quan có vai trò tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng tháng Tám...	IV. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám - Ý nghĩa: sgk - Nguyên nhân thắng lợi: sgk

3. Hoạt động luyện tập.

- **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 có bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước là

- A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.
- B. Hà Nội, Sài Gòn, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- C. Hà Nội, Bắc Giang, Huế, Sài Gòn.

D. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Câu 2. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

A. phát xít Nhật bị Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương đã gục ngã.

B. truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta.

C. sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. liên minh công - nông vững chắc.

Câu 3. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám (1945)?

A. Phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp - Nhật và phong kiến, đem lại độc lập tự do cho dân tộc.

B. Buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

C. Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

D. Thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

Câu 4. Ý nghĩa quan trọng nhất của Cách mạng tháng Tám (1945) là

A. chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật đối với nước ta.

B. lật đổ ngai vàng phong kiến đã ngự trị hàng chục thế kỉ trên đất nước ta.

C. đem lại độc lập, tự do cho dân tộc và góp phần cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

D. người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

Câu 5. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp từ ngày 14 đến 15/8/1945 ở đâu?

A. Tân Trào (Tuyên Quang).

B. Pắc Bó (Cao Bằng).

C. Bắc Sơn (Vũ Nhai).

D. Phay Khắt (Cao Bằng).

4. Vận dụng

- **Mục tiêu.** Lập được bảng niên biểu những sự kiện chính của cách mạng tháng Tám 1945.

- **Phương thức tiến hành:** Cho HS thực hiện bài tập “Lập bảng niên biểu diễn biến của cách mạng tháng Tám 1945”. GV kiểm tra ở tiết sau.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
13-8-1945	
14-8-1945	
16-8-1945	
19-8-1945	
23-8-1945	
25-8-1945	
28-8-1945	
02-9-1945	

* Giao nhiệm vụ về nhà

- Đọc bài 24 – Lịch sử 9 (Mục I,II,II) soạn các câu hỏi sau đây.

- Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 có những khó khăn gì?.

- Trình bày những biện pháp của Đảng và Chính phủ để củng cố và kiện toàn chính quyền cách mạng.
- Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn: diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết những khó khăn về tài chính.

TUẦN 23.

Ngày soạn: 20/ 02/ 2024 Ngày dạy: 27/ 02 và 3/4/ 2024

Tiết 28, 29. Bài 24: CUỘC ĐẤU TRANH XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 – 1946)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám như trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".
- Nắm được sự kiện ngày 06/01/1946 và ý nghĩa của sự kiện này.
- Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị lâu dài: diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết những khó khăn về tài chính.
- Biết được những diễn biến chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ.
- Trình bày được các biện pháp đối phó với quân Tưởng và bọn tay sai.
- Trình bày được chủ trương của ta trong việc đối phó với Tưởng và Pháp, mục đích, nội dung, ý nghĩa Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước 14 - 9 – 1946.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt: Xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

3. Phẩm chất

- Giáo dục cho HS lòng kính yêu Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, từ đó có niềm tin vào sự thắng lợi của cách mạng và lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Hình ảnh quân Tưởng vào miền Bắc Việt Nam, quân Anh đến Sài Gòn, quân Pháp đến Sài Gòn, nạn đói năm 1945, hình ảnh Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà của Quốc hội Khoá I, Cụ Ngô Tử Hạ- Đại biểu cao tuổi nhất của Quốc Hội khóa I- cầm xe cang đi quyên góp gạo cứu đói năm 1946.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức trong bài học, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho xem hình ảnh tình hình nước ta sau CM tháng Tám, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em biết gì về các bức ảnh này?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: HS đánh giá.

Mỗi HS có thể trả lời theo sự hiểu biết của mình với các mức độ khác nhau. GV kết nối vào bài mới: Sau khi thắng lợi ta xây dựng nước Việt Nam DCCCH trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta đã vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, giữ vững và củng cố chính quyền nhân dân. Để tìm hiểu được những điều đó, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: I. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

- **Mục tiêu:** Biết được những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám như trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận cặp đôi: - Theo các em, sau cách mạng tháng Tám nước ta có những thuận lợi cơ bản nào? - Tại sao nói nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa ngay sau khi thành lập ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”? - Tình hình kinh tế, tài chính nước ta sau cách mạng tháng Tám như thế nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện hs trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV: Treo bản đồ xác định vị trí trên lược đồ cho HS nắm → GV nhấn mạnh cho HS nắm được âm mưu của quân Anh : Giúp quân pháp chiếm lại nước ta ; quân Tưởng giúp bọn ,	I. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 a. Thuận lợi - Nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ → Gắn bó với chế độ. - Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo - Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào giải phóng dân tộc phát triển. 2. Khó khăn: a. Chính trị: - Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập còn non trẻ, lực lượng vũ trang còn yếu. b. Giặc ngoại xâm và nội phản: - Vĩ tuyến 16 trở ra Bắc: 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc cùng bọn tay sai (Việt quốc, Việt cách) kéo vào đóng ở Hà Nội và hầu khắp các tỉnh. - Vĩ tuyến 16 trở vào Nam: Quân Anh tạo điều kiện cho Pháp quay trở lại xâm lược. - Cả nước còn 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp. - Các lực lượng phản cách mạng ngóc đầu dậy chống phá cách mạng c. Kinh tế, tài chính - Nông nghiệp bị chiến tranh tàn phá,

phản động người việt lật đổ chính phủ ta → - GV rút ra kết luận : quân Anh-Tướng đều là kẻ thù của cách mạng Việt Nam . → GV: Nhấn mạnh: - Nền kinh tế nước ta vốn đã nghèo nàn , lạc hậu, còn bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả của nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục(là do hậu quả của chế độ thực dân),lạc lộn , hạn hán diễn ra, sản xuất đình đốn, nạn đói mới đe dọa đời sống nhân dân.	nạn đói năm 1945 chưa được khắc phục. - Công nghiệp chưa được phục hồi - Ngân sách nhà nước trống rỗng, chính quyền cách mạng chưa quản lý được ngân hàng Đông Dương. d. Văn hóa, xã hội: - 90% dân số mù chữ. - Tệ nạn, cờ bạc, rượu chè... → Nước Việt Nam đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.
--	--

Hoạt động 2: II. “Củng cố chính quyền cách mạng và bảo vệ độc lập dân tộc”

1. Bước đầu xây dựng chế độ mới

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh			Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu HS đọc SGK và hoàn thành phiếu học tập.			II. “Củng cố chính quyền cách mạng và bảo vệ độc lập dân tộc”
Nội dung	Biện pháp	Kết quả	
Xây dựng chế độ mới			
Giải quyết giặc đói			
Giải quyết giặc dốt			
Khó khăn về tài chính			
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV hỗ trợ HS.			
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày.			
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả bạn. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV: giới thiệu cho HS biết một Nhà nước vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự...nhưng trước hết và quan trọng nhất là xây dựng chính quyền vững mạnh. -GV: Nhấn mạnh đến ý nghĩa của sự kiện: bầu cử Quốc hội đầu tiên trong lịch sử đã thành công tốt đẹp, mặc dù nhân dân đã đổ máu để thực hiện quyền công dân của mình . -Tham gia bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân là thực hiện quyền làm chủ đất nước và làm chủ vận mệnh của mình.			

- GV cung cấp cho HS một số hình ảnh Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính. - Những sách lược khôn khéo mềm dẻo của Hồ Chí Minh đối việc đối phó với thù trong, giặc ngoài. + GV giải thích “ tuần lễ vàng”, “quỹ độc lập” - <i>Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã tiến hành đấu tranh chống giặc đói, giặc dốt, khó khăn về tài chính và giặc ngoại xâm</i> - Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính: + Nhân dân ta đã vượt qua được những khó khăn to lớn, củng cố và tăng cường sức mạnh của chính quyền nhà nước, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài. + Thể hiện được bản chất cách mạng, tính ưu việt của chế độ mới. Nó có tác dụng cổ vũ, động viên nhân dân ta bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ độc lập, tự do vừa giành được. + Đây còn là sự chuẩn bị về vật chất và tinh thần cho toàn dân tiến tới cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.	
---	--

Nội dung	Biện pháp	Kết quả
Xây dựng chế độ mới	- Ngày 6 - 1 - 1946, nhân dân cả nước đi bầu Quốc hội khoá I với hơn 90% cử tri tham gia.	Chính quyền cách mạng được củng cố, nhân dân phấn khởi
Giải quyết giặc đói	- Trước mắt là tổ chức quyên góp, lập hũ gạo cứu đói, tổ chức "ngày đồng tâm", kêu gọi đồng bào nhường cơm sẻ áo. Biện pháp lâu dài là đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chia ruộng đất cho nông dân.	nạn đói được đẩy lùi.
Giải quyết giặc dốt	Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ. Các trường học sớm được khai giảng, nội dung và phương pháp dạy học bước đầu đổi mới.	Nạn mù chữ căn bản được đẩy lùi
Khó khăn về tài chính	kêu gọi nhân dân đóng góp, xây dựng "Quỹ độc lập", phong trào "Tuần lễ vàng". Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam (11 - 1946).	Tài chính được phục hồi

Hoạt động 3: 3. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược

- **Mục tiêu:** Biết được những diễn biến chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: Trình bày những diễn biến chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - Gv cung cấp thêm tư liệu và trực quan hình ảnh về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược của nhân dân Nam Bộ và cả nước.	3. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược - Đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945, quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. - Nhân dân ta anh dũng đánh trả quân xâm lược ở Sài Gòn - Chợ Lớn, sau đó là ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. - Nhân dân miền Bắc tích cực chi viện cho nhân dân miền Nam chiến đấu: những đoàn quân "Nam tiến" nô nức lên đường vào Nam chiến đấu.

Hoạt động 4: 4. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng

- **Mục tiêu:** Trình bày được các biện pháp đối phó với quân Tưởng và bọn tay sai.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: + <i>Tưởng có âm mưu và hành động gì khi kéo quân vào nước ta?</i> + <i>Vậy theo các em, chúng ta có nên dùng quân sự để đánh quân Tưởng lúc này không?</i> + <i>Chủ trương của ta trước những hành động của quân Tưởng ?</i> + <i>Mặt khác, Chính phủ đã ban hành những chính sách gì để trấn áp bọn phản CM?</i>	4. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng - Nhằm hạn chế sự phá hoại của bọn tay sai của Tưởng, Quốc hội đồng ý chia cho chúng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp. - Ta còn nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế như

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	cung cấp lương thực, nhận tiêu tiền "quan kim",... - Mặt khác, Chính phủ ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng; giam giữ, lập toà án quân sự để trừng trị bọn phản cách mạng.
--	--

Hoạt động 5: 5. Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14 - 9 - 1946)

- **Mục tiêu:** Trình bày được chủ trương của ta trong việc đối phó với Tưởng và Pháp, mục đích, nội dung, ý nghĩa Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước 14 - 9 - 1946.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK. - <i>Thảo luận nhóm:</i> + <i>Nhóm 1,2: Chủ trương của ta trong việc đối phó với Tưởng và Pháp?</i> + <i>Nhóm 3,4: mục đích, nội dung, ý nghĩa Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước 14 - 9 - 1946?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - GV mở rộng: + Ngày 28. 2. 1946, Thực dân Pháp ký với Chính phủ TGT	5. Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14 - 9 - 1946) - Tưởng Giới Thạch và Pháp kí Hiệp ước Hoa - Pháp (28 - 2 - 1946), bắt tay chống phá cách mạng nước ta. Trước tình hình đó, ta chủ động đàm phán, hoà hoãn với Pháp và kí Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) nhằm đuổi quân Tưởng về nước, tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. - Nội dung Hiệp định Sơ bộ: SGK - Hồ Chí Minh đã kí với Pháp bản Tạm ước ngày 14

Hiệp ước Hoa- Pháp, trong đó Pháp trả lại cho Tưởng Giới Thạch một số quyền lợi trên đất TQ và được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào Hoa Nam không phải đóng thuế. Ngược lại, Pháp được đưa quân ra Bắc thay thế quân Tưởng giải giáp quân đội Nhật. +Trước tình hình đó ta phải chủ động giảng hòa với Pháp để mau chóng đuổi 20 vạn quân Tưởng về nước và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng bước và cuộc chiến tranh với Pháp sau này. * Gv giảng thêm về tình huống nếu ta đánh Pháp tại Hà Nội thì quân Tưởng sẽ đứng về phía quân Pháp đánh lại ta.	- 9 - 1946, tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam. - Ý nghĩa: Việc ta kí Hiệp định Sơ bộ và bản Tạm ước Việt – Pháp đã giúp chúng ta loại được một kẻ thù là quân Tưởng, có thêm thời gian hoà hoãn để chuẩn bị cuộc kháng chiến lâu dài.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về tình hình nước ta sau CM tháng Tám, những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị lâu dài: diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết những khó khăn về tài chính

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân*, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Khó khăn nào là nghiêm trọng nhất đối với đất nước sau Cách mạng tháng Tám-1945?

A. Nạn đói, nạn dốt.

B. **Đế quốc và tay sai ở nước ta còn đông và mạnh.**

C. Những tàn dư của chế độ thực dân phong kiến.

D. Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ.

Câu 2. Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự..., thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của

A. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

C. Tuyên ngôn Độc lập 2/9/1945.

D. **Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I (6/1/1946).**

Câu 3. Điều không phải là ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946?

A. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho quần chúng cách mạng.

B. Nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

C. Khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước, giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.

D. **Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.**

Câu 4. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.

B. Giải quyết về vấn đề tài chính.

C. Giải quyết nạn đói, nạn dốt.

D. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

Câu 5. Để đẩy lùi nạn đói, biện pháp nào là quan trọng nhất?

A. Lập hũ gạo tiết kiệm.

B. Tổ chức ngày đồng tâm để có thêm gạo cứu đói.

C. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất.

D. Chia lại ruộng công cho nông dân theo nguyên tắc công bằng và dân chủ.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** HS chuẩn bị nội dung, GV kiểm tra ở tiết sau.

+ *Sưu tầm một số tư liệu, tranh ảnh về cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân?*

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh về cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân.

+ Chuẩn bị bài mới

- Xem trước các nội dung bài 25.

- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

- Sưu tầm các tư liệu, tranh ảnh liên quan về bài học.

-----**HẾT**-----

TUẦN 24
Tiết 30, 31

Ngày soạn: 24/ 02/ 2024

Ngày dạy: 5,8/4/ 2024

Bài 25

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946- 1950)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp; trình bày được nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến.
- Trình bày được thời gian, ý nghĩa của cuộc chiến đấu đó.
- Trình bày được: Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947: âm mưu của TD Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân và dân ta; tóm tắt diễn biến, kết quả và ý nghĩa. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.

2. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá sự kiện lịch sử, những hoạt động của địch, của ta trong thời gian này.
- Rèn luyện cho HS kĩ năng phân tích, nhận định, đánh giá những hoạt động của địch và của ta trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến.
- Rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng tranh ảnh, bản đồ các chiến dịch và các trận đánh.

3. Yêu cầu về phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, lòng tự hào dân tộc, lòng khâm phục và biết ơn tin sự chiến đấu, hi sinh của các thế hệ cha anh, lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Bút tích, video Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh.
- Lược đồ, video chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.
- Lược đồ cuộc chiến đấu ở phía Bắc vĩ tuyến 16.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan về toàn quốc kháng chiến.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua video, kích thích sự tò mò, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho xem video <https://www.youtube.com/watch?v=JOtcPBdgCTc>, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Hiểu biết của em về sự kiện được nhắc đến trong đoạn video?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV đánh giá, dẫn dắt vào bài mới.

Việc kí Hiệp định sơ bộ và Tạm ước là một thắng lợi của ta, tạo điều kiện cho ta có thời gian củng cố, chuẩn bị lực lượng để đối phó với âm mưu xâm lược của Pháp. Nhưng ta càng nhân nhượng, Pháp càng lấn tới. Để bảo vệ độc lập, chủ quyền, chúng ta đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống TD Pháp xâm lược. Bài học hôm nay sẽ giới thiệu với chúng ta những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống TD Pháp xâm lược (1946-1950). Thời gian này chúng ta đã làm được nhiều việc và giành thắng lợi như thế nào ... đó là những nội dung cần quan tâm của bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19-12-1946)

- **Mục tiêu:** Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống TD Pháp. Trình bày được nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống TD Pháp.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
* Kiến thức 1. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận cặp đôi (2 phút) trả lời câu hỏi sau: + Vì sao cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ ngày 19 - 12 – 1946? Hãy nêu những chứng cứ về việc Pháp bội ước? Sau đó chúng có những hành động nào nghiêm trọng hơn ? - Trước tình hình đó Đảng ta có những chủ trương gì ? - Chủ tịch HCM quyết định phát động toàn quốc kháng chiến trong hoàn cảnh như vậy thể hiện tinh thần gì ở Bác ? Bản thân em là học sinh, em học tập được tinh thần đó như thế nào ? - Phát vấn cá nhân: Lời kêu gọi đó có ý nghĩa như thế nào ? Thái độ của nhân dân ra sao ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của cặp đôi trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	I. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19-12-1946) 1. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ. - Sau Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), thực dân Pháp tăng cường hoạt động khiêu khích, tiến công ta ở Nam Bộ và Trung Bộ, ở Hải Phòng, Lạng Sơn, nhất là ở Hà Nội (12/1946) - Ngày 18/12/1946, quân Pháp gửi tới hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ

- GV mở rộng: Do dã tâm muốn xâm lược nước ta một lần nữa, nên sau khi Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước được kí kết, Pháp tìm mọi cách phá hoại để tiến tới cuộc chiến tranh: ở Nam Bộ và Trung Bộ chúng tiến công vào cơ sở cách mạng và vùng tự do của ta. Ở Bắc Bộ, chúng chiếm một số nơi như Hải Phòng, nổ súng ở Lạng Sơn. Đặc biệt nghiêm trọng là ở Hà Nội, chúng chiếm Bộ Tài chính, gây vụ thảm sát ở phố Hàng Bún; ngày 18/12/1946, chúng gửi tới hậu thư đòi ta phải giao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng... - Tới hậu thư của Pháp đã đặt nhân dân ta trước sự chọn lựa một trong hai con đường: + Hoặc đầu hàng + Hoặc chiến đấu - Trước hành động gây chiến của Pháp, ta không thể nhân nhượng được nữa. Để bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng, Đảng ta chủ động phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống TD Pháp xâm lược. - Tới 19-12-1946, CT Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. GV: Cho HS xem bút tích: Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến". - <i>Lời kêu gọi toàn quốc KC của CT HCM thể hiện điều thiện chí hoà bình, đồng thời vừa thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu hi sinh vì độc lập dân tộc của nhân dân ta.</i> * Kiến thức 2. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình bày: Đường lối kháng chiến của ta thể hiện trong các văn kiện sau: - Chỉ thị toàn dân kháng chiến của ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 12-12-1946. - Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ... - Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh (đây là văn kiện trình bày đầy đủ nhất đường lối kháng chiến của ta) - GV phát vấn: Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp của ta là gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	chiến đấu, giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng. - Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. - Tới 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến - Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của CT Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến. 2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp. - Đó là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
--	--

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - GV mở rộng: Kháng chiến toàn dân: tất cả mọi người dân tham gia kháng chiến. - Kháng chiến toàn diện: là đấu tranh trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao để tạo nên sức mạnh tổng hợp (mặt trận quân sự có tính quyết định) - Kháng chiến trường kỳ: đánh lâu dài... - Tự lực cánh sinh: dựa vào sức mình là chính...	
---	--

Hoạt động 2: II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16.

- **Mục tiêu:** Trình bày được nét chính của cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân ta ở thủ đô Hà Nội và các đô thị từ VT 16 trở ra Bắc, ý nghĩa của cuộc chiến đấu đó.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: + Nơi nào hưởng ứng "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đầu tiên? + Mục tiêu của ta khi tiến hành cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 là gì? + Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc có ý nghĩa như thế nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - GV mở rộng: Sau lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến thì cả nước, mà trước tiên là nhân dân Hà Nội đứng lên kháng chiến. - Cuộc chiến đấu ở Hà Nội diễn ra 60 ngày đêm (19/12/1946 đến 17/2/1947) mở đầu cuộc chiến ở các đô thị.	II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16. - Tại Hà Nội: Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ở Bắc Bộ Phủ, phố Hàng Bông -> Quân dân Hà Nội đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, giam chân địch ở trong thành phố. - Đến 17/2/1946, Trung đoàn Thủ đô thực hiện cuộc rút quân khỏi vòng vây của quân địch ra căn cứ an toàn. - Tại các thành phố khác như Nam Định, Huế, Đà Nẵng... quân ta tiến công, tiêu diệt nhiều sinh lực địch,

- Tinh thần chiến đấu của quân và dân ta “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” - Nhiều trận đánh ác liệt đã diễn ra ở Bắc Bộ Phủ, cầu Long Biên, chợ Đồng Xuân ... GV sơ kết bài học: Do âm mưu của TD Pháp muốn xâm lược nước ta một lần nữa, nên Pháp vừa kí xong Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước đã tìm cách gây ra cuộc chiến tranh. Phía ta, do chính quyền còn non trẻ, cần có thời gian để xây dựng, củng cố nên ta đã nhân nhượng. Nhưng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược đã bùng nổ. Đó là hành động tự vệ chính đáng của ta. Mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược là những cuộc chiến đấu tại Thủ đô Hà Nội và các đô thị ở phía Bắc vĩ tuyến 16. Những cuộc chiến đấu đầu tiên này đã tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân, chuẩn bị mọi mặt cho chiến đấu lâu dài, toàn dân, toàn diện.	giam chân địch ở đây. Ý nghĩa: Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã giam chân địch trong các đô thị, làm giảm bước tiến của chúng, tạo điều kiện cho Đảng, Chính phủ rút lên căn cứ Việt Bắc và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.
---	---

Hoạt động 3: IV. Chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947.

- **Mục tiêu:** Biết được âm mưu và trình bày được trên lược đồ cuộc tiến công lên Việt Bắc của TD Pháp.

- **Tổ chức hoạt động:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm: + Nhóm 1,2: Thực dân Pháp tấn công lên Việt Bắc nhằm âm mưu gì? + Nhóm 3,4: Trình bày được trên lược đồ diễn biến cuộc chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc của ta. + Nhóm 5,6: Nêu kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Việt Bắc 1947? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - GV mở rộng: Âm mưu của Pháp là đập tan các cơ quan đầu	IV. Chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947. 1. Thực dân Pháp tiến công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc: - Âm mưu: Thực dân Pháp mở cuộc tiến công lên căn cứ Việt Bắc nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, khoá chặt biên giới Việt Trung,... - Diễn biến: sgk 2. Quân dân ta chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc. - Diễn biến: + Tại Bắc Cạn, quân dân ta chủ động phản công

nào kháng chiến, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực của ta, khóa chặt biên giới Việt – Trung, ngăn chặn liên lạc của ta và quốc tế... -Lập ra Mặt trận quốc gia thống nhất, tiến tới thành lập một Chính phủ bù nhìn trung ương. - Thực dân Pháp huy động 12.000 quân tinh nhuệ và hầu hết máy bay ở Đông Dương chia thành ba cánh mở cuộc tiến công căn cứ địa Việt Bắc. - Ngay từ đầu, quân và dân ta đã chủ động phản công và tiến công địch, bao vây, chia cắt cô lập chúng, tổ chức đánh tập kích vào những nơi địch chiếm đóng, phục kích địch trên đường từ Bắc Cạn đi chợ Mới, Chợ Đồn... -Vừa đánh vừa bí mật, khẩn trương di dời các cơ quan TW Đảng, Chính phủ, các công xưởng ...từ nơi địch chiếm đóng, uy hiếp đến nơi an toàn.. - Sau 75 ngày đêm chiến đấu, đại bộ phận quân Pháp buộc phải rút chạy khỏi Việt Bắc. Căn cứ địa Việt Bắc biến thành “mồ chôn giặc Pháp”. Cơ quan kháng chiến được bảo toàn, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành. - GV giới thiệu về Tượng đài chiến thắng Sông Lô.	bao vây, chia cắt, đánh tập kích địch. + Ở hướng đông, quân ta phục kích, chặn đánh địch trên đường Bản Sao - đèo Bông Lau. + Ở hướng tây, quân ta phục kích địch ở Đuan Hùng, Khe Lau,... - Kết quả: Đại bộ phận quân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc, căn cứ Việt Bắc vẫn được bảo toàn, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành. - Ý nghĩa: Chiến thắng của ta buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về những năm đầu của toàn quốc kháng chiến.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (19-12-1946) là do

A. Pháp ráo riết chuẩn bị lực lượng để tiến hành xâm lược Việt Nam.

B. Việt Nam không thể tiếp tục dùng biện pháp hòa bình với Pháp được nữa.

C. Việt Nam đã tranh thủ được sự giúp đỡ của Liên Xô và một số nước khác.

D. quá trình chuẩn bị lực lượng của Việt Nam cho cuộc kháng chiến đã hoàn tất.

Câu 2: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai của nhân dân ta chính thức bắt đầu từ lúc nào?

A. 23-9-1945.

B. 29-3-1945.

C. 19-12-1946.

D. 19-12-1945.

Câu 3: Địa phương nào hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của CT Hồ Chí Minh đầu tiên?

A. Huế.

B. Sài Gòn.

C. Nam Định.

D. Hà Nội.

Câu 4. “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc” là những câu trích từ tài liệu nào dưới đây?

A. “Tuyên ngôn Độc lập” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh.

D. “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 5. Văn kiện nào sau đây trình bày đầy đủ nhất đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

C. Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.

D. Trong Hội nghị toàn quốc ở Tân Trào.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** HS chuẩn bị, GV kiểm tra ở tiết sau.

+ Đường lối kháng chiến chống Pháp của ta là gì? Ý nghĩa và tác dụng của đường lối đó?.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Suu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh về những năm đầu toàn quốc kháng chiến.

+ Chuẩn bị bài mới

- Xem trước các nội dung bài 26.

- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

+ Tại sao ta mở chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950? Diễn biến, kết quả của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950?

+ Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ có âm mưu gì ở Đông Dương?

-----HẾT-----

TUẦN 25 Ngày soạn: 28/ 03/ 2024 Ngày dạy: 11,15/4/ 2024
Tiết 32,33 **Bài 26**

**BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN
TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1950- 1953)**

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Biết được hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến.
- Trình bày được chủ trương của ta, diễn biến, kết quả của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.
- Biết được những âm mưu của Pháp, Mỹ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.
- Trình bày được nội dung, ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.
- Trình bày được những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ sau Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.

2. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Nhận xét về chủ trương mở chiến dịch của Đảng ta.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích đánh giá âm mưu thủ đoạn của Pháp, Mỹ. Bước phát triển mới và thắng lợi toàn diện của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Kỹ năng sử dụng bản đồ chiến dịch biên giới Thu Đông năm 1950
- Rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử.

3. Yêu cầu về phẩm chất

Boi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh đoàn kết dân tộc, Đồng Dương, quốc tế, niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh, tư liệu và lược đồ chiến dịch “chiến dịch Thu – Đông năm 1950.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, kích thích sự tò mò, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho xem hình 48 SGK trang 113, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em biết gì về các bức ảnh này?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4; GV đánh giá, nhận xét.

GV kết nối vào bài mới. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp từ chiến thắng biên giới Thu Đông 1950 chuyển từ phía phòng ngự sang tiến công và phản công, ở tiền tuyến và hậu phương kháng chiến được đẩy mạnh, giành thắng lợi toàn diện, chuẩn bị cho chiến dịch quyết định ở Điện Biên Phủ. Điều đó được thể hiện như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: I. Chiến dịch biên giới thu – đông năm 1950

- **Mục tiêu:** Biết được hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến. Trình bày được chủ trương của ta, diễn biến, kết quả của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950. Nhận xét về chủ trương mở chiến dịch của Đảng ta.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau: + <i>Nhóm 1,2: Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến. Trình bày âm mưu của Pháp sau chiến dịch Việt Bắc, chủ trương của ta, diễn biến, kết quả của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950. Nhận xét về chủ trương mở chiến dịch của Đảng ta.</i> + <i>Nhóm 3,4: chủ trương của ta, diễn biến, kết quả của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.</i> + <i>Nhóm 5,6: Nhận xét về chủ trương mở chiến dịch của Đảng ta.</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV mở rộng: – Ta chủ động mở chiến dịch Biên giới vì: Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu công nhận và đặt ngoại giao với Việt Nam. Quân đội ta ngày càng trưởng thành; hậu phương ngày càng vững mạnh. + <i>Bước vào năm 1950, tình hình thế giới có nhiều thay đổi có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. Tại Đông Dương, Pháp</i>	I. Chiến dịch biên giới thu – đông năm 1950 a) Hoàn cảnh lịch sử mới - Cách mạng Trung Quốc thắng lợi (1 - 10 - 1949), tình hình thế giới và Đông Dương có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. - Pháp liên tiếp bị thất bại trên chiến trường và lệ thuộc vào Mỹ nhiều hơn. Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương. b) Quân ta tiến công địch ở biên giới phía Bắc - Chủ trương của ta: Tháng 6 - 1950, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. - Diễn biến: (SGK) - Kết quả, ý nghĩa:

thua liên tiếp, Mĩ từng bước can thiệp sâu và “dính líu trực tiếp” vào cuộc chiến tranh. Với sự viện trợ của Mĩ, Pháp thực hiện “Kế hoạch Rove”, mục tiêu cắt đứt các đường liên lạc của ta và chuẩn bị tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc lần 2. - Trên cơ sở tình hình và phá âm mưu của địch, ta chủ động mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; giải phóng một phần biên giới, mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên. Sau chiến dịch Biên giới, quân ta liên tiếp giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, đẩy địch ngày càng lún sâu vào thế bị động, đối phó.	+ Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi, ta giải phóng được tuyến biên giới Việt – Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân, thế bao vây cả trong và ngoài căn cứ Việt Bắc của địch bị phá vỡ. Kế hoạch Rove bị phá sản. + Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi đã đưa cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn mới.
---	---

Hoạt động 2: II. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 - 1951)

- **Mục tiêu:** Trình bày được nội dung, ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.
- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn + Trình bày nội dung, ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng? + Trình bày ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Hướng dẫn HS tìm hiểu thêm hình 48. GV mở rộng: <i>Bác Hồ tham gia chủ trì Đại hội toàn quốc lần thứ hai....xây dựng Đường lối cho cách mạng Việt Nam trong Đại hội Đảng lần thứ hai.</i>	II. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 - 1951) - Đại hội đại biểu lần thứ II (2 - 1951) họp tại Chiêm Hoá - Tuyên Quang. + Đại hội thông qua "Báo cáo chính trị" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" của Tổng Bí thư Trường Chinh. + Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam, bầu Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư. - Ý nghĩa: Đại hội đánh dấu bước trưởng thành của Đảng,

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo CM, có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi.	thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi.
---	--

Hoạt động 3: IV. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt

- **Mục tiêu:** Trình bày được những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ sau Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK. - Thảo luận cặp đôi; + <i>Trình bày những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ sau Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn. - GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV: Kể chuyện về tuyên dương 7 anh hùng : Ngô Gia Khảm, Cù Chính Lan, Nguyễn Thị Chiêm, La Văn Cầu, Hoàng Hanh, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Quốc Trị . GV giải thích thêm và đọc tư liệu cho HS ở SGK.	IV. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt - Về chính trị, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt (3 - 1951). Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập. - Về kinh tế, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng nền tài chính, thương nghiệp, giảm tô ở một số xã thuộc vùng tự do,... - Về văn hoá giáo dục, tiến hành cải cách giáo dục, số học sinh phổ thông và đại học tăng nhanh. Ngày 1 - 5 - 1952, tại Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã bầu chọn được 7 anh hùng.

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng.

Câu 1. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951) họp tại đâu?

A. Hương Cảng (Trung Quốc).

B. Ma Cao (Trung Quốc),

C. Pác Bó (Cao Bằng).

D. Chiêm Hoá (Tuyên Quang).

Câu 2. Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam của đồng chí Trường Chinh đã đặt nhiệm vụ

- A. chống phong kiến lên hàng đầu.
- B. chống đế quốc lên hàng đầu.
- C. chống phong kiến đồng thời với nhiệm vụ chống đế quốc.**
- D. giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Câu 3. Đại hội Đảng lần thứ II quyết định Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là gì?

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. Đảng Lao động Việt Nam.**
- D. Đảng Cộng sản Liên đoàn.

Câu 4. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam trong Báo cáo Chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ II là gì?

- A. Đánh đổ đế quốc phong kiến, làm cách mạng dân tộc dân chủ.
- B. Đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.
- C. Tiêu diệt Pháp, đánh bại Mỹ, giành độc lập hoàn toàn, bảo vệ hoà bình thế giới.**
- D. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức.

Câu 5. Ai được bầu làm Tổng bí thư của Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ II?

- A. Hồ Chí Minh.
- B. Phạm Văn Đồng.
- C. Trường Chinh.**
- D. Trần Phú.

Câu 6. Là mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng, có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi. Đó là ý nghĩa của sự kiện nào?

- A. Hội nghị thành lập Đảng (3/2/1930).
- B. Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (10/1930).
- C. Đại hội lần thứ I của Đảng (1935).
- D. Đại hội lần thứ II của Đảng (2/1951).**

Câu 7. Ngày 11/3/1951 Hội nghị đại biểu của nhân dân 3 nước Đông Dương đã thành lập tổ chức nào?

- A. Liên minh Việt-Miên-Lào.
- B. Mặt trận Việt-Miên -Lào.
- C. Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào.**
- D. Mặt trận thống nhất Việt-Miên-Lào.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Lập bảng các niên đại và sự kiện thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân dân ta trên các mặt trận quân sự, chính trị trong kháng chiến chống Pháp từ thu –đông 1950 đến trước đông – xuân 1953 – 1954.

- GV giao nhiệm vụ cho HS

+ Suu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

+ Chuẩn bị bài mới

- Xem trước các bài 27.

- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

- Suu tầm tranh ảnh, tư liệu về chiến dịch ĐBP.

TUẦN 27 Ngày soạn: 10/ 04/ 2024 Ngày dạy: 25,28/4/ 2024

Tiết 34,35

Bài 27

CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953-1954)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Trình bày được nội dung kế hoạch Na-va của Pháp - Mĩ.
- Lập niên biểu các sự kiện chính cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954.
- Trình bày được diễn biến, kết quả và ý nghĩa chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Biết được hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương: nội dung, ý nghĩa.
- Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

2. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Tiếp tục rèn luyện và nâng cao kĩ năng trình bày diễn biến, kết quả, kết hợp với nhận xét, rút ra ý nghĩa của một sự kiện lịch sử trên lược đồ và dựa vào SGK.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp, rút ra nhận định, đánh giá về các sự kiện lịch sử tiêu biểu và cho cả một giai đoạn lịch sử.
- Tiếp tục rèn luyện và nâng cao kĩ năng trình bày diễn biến, kết quả, kết hợp với nhận xét, rút ra ý nghĩa của một sự kiện lịch sử trên lược đồ và dựa vào SGK.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp, rút ra nhận định, đánh giá về các sự kiện lịch sử tiêu biểu và cho cả một giai đoạn lịch sử.

3. Yêu cầu về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh đoàn kết dân tộc, Đông Dương, quốc tế, niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Ảnh: Bộ Chính trị họp..., ta chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ, Lá cờ chiến thắng tung bay trên nắp hầm Tướng Đờ Ca-xtơ-ri.
- Lược đồ: Hình thái chiến trường trên các mặt trận Đông – Xuân 1953-1954. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối bài học thông qua bài hát Hoan hô chiến sĩ Điện Biên , kích thích sự tò mò hiểu những điều chưa biết sẽ được giải đáp trong bài học, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho nghe bài hát hoa hô chiến sĩ Điện Biên, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em cảm nhận gì khi nghe bài hát này?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá

GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức**Hoạt động 1: I. Kế hoạch Na-va của Pháp Mĩ**

- **Mục tiêu:** Phân tích được âm mưu của Pháp-Mĩ khi vạch ra Kế hoạch Na-va và nêu được nội dung chính của kế hoạch này.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV -HS	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ * Phát vấn: - Âm mưu của Pháp-Mĩ trong kế hoạch Na-va. Nội dung chính của kế hoạch Na-va là gì? * Thảo luận cặp đôi: - Để thực hiện kế hoạch Na-va, Mĩ đã làm gì? Tính chủ quan và tính nguy hiểm của kế hoạch Na-va thể hiện như thế nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * GV mở rộng: - Âm mưu: Xoay chuyển cục diện chiến tranh, hi vọng trong vòng 18 tháng “kết thúc chiến tranh trong danh dự” - Nội dung chính của kế hoạch: + Bước 1: Thu-đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến	I. Kế hoạch Na-va của Pháp Mĩ - Ngày 7/5/1953, được sự giúp đỡ của Mĩ, Na-va vạch ra kế hoạch quân sự hi vọng kết thúc chiến tranh ở Đông Dương trong vòng 18 tháng.. - Nội dung: gồm hai bước. + Bước một: thu - đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Trung và Nam Đông Dương. + Bước hai: từ thu - đông 1954, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Bắc, giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc chiến tranh. - Thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp xin tăng thêm viện trợ Mĩ, tăng thêm quân ở Đông Dương, tập trung quân ở đồng bằng Bắc Bộ gồm 44 tiểu đoàn.

lược để “bình định” miền Nam.

+ Bước 2: Thu-đông 1954, chuyển lực lượng ra Bắc, tiến công chiến lược, giành thắng lợi quân sự, “kết thúc chiến tranh”.

- Mĩ tăng viện trợ cho Pháp. Tính chủ quan và tính nguy hiểm của kế hoạch Na-va? Chủ quan (chuyển bại thành thắng trong vòng 18 tháng; Nguy hiểm: Mĩ tăng viện trợ cho Pháp, Pháp tăng quân...)

Hoạt động 2: II. CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG XUÂN 1953-1954 VÀ CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954.

2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954

- **Mục tiêu:** Lập niên biểu các sự kiện chính cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954. Trình bày được diễn biến, kết quả và ý nghĩa chiến dịch Điện Biên Phủ.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV -HS			Nội dung
KIẾN THỨC 1 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: - Trình bày phương hướng, phương châm tác chiến của ta trong Chiến lược Đông-Xuân 1953-1954? * Thảo luận nhóm: - Lập niên biểu các sự kiện chính cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 theo mẫu sau:			1. Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954.
Thời gian	Hướng tiến công của ta	Nơi địch tập trung quân	
12-1953			
12-1953			
1-1954			
2-1954			
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích HS hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV hỗ trợ HS làm việc.			
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn.			
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập			

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

KIẾN THỨC 2

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV sử dụng lược đồ và hình ảnh trình bày các nội dung sau.

- Vị trí Điện Biên Phủ.
- Pháp - Mỹ đã làm gì để xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất ở Đông Dương.

- Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận:

+ Nhóm 1,2: Chủ trương, mục đích của ta. Sự chuẩn bị của ta cho chiến dịch ĐBP.

+ Nhóm 3,4: Dựa vào lược đồ trình bày tóm tắt phần diễn biến chiến dịch ĐBP.

+ Nhóm 5,6: Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV hỗ trợ HS làm việc.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Các nhóm trình bày.
- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của các bạn.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV nhấn mạnh ý nghĩa.

- Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
- Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va.
- Buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ...

GV. Đọc cho HS nghe một số câu thơ trong bài “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên” của Tố Hữu.

2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954

- Được sự giúp đỡ của Mỹ, Pháp cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương với 49 cứ điểm, 3 phân khu...

- Đầu tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

- Diễn biến: SGK

- Kết quả: Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16 200 địch, bắn rơi và phá huỷ 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

- Ý nghĩa: làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va, buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Thời gian	Hướng tiến công của ta	Nơi địch tập trung quân.
12-1953	Tây Bắc	Điện Biên Phủ
12-1953	Trung Lào	Xê-nô
1-1954	Thượng Lào	Luông Pha-bang
2-1954	Tây Nguyên	Plây-cu

Hoạt động 3: III. HIỆP ĐỊNH GIƠ NE VƠ VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH Ở ĐÔNG DƯƠNG (1954)

- **Mục tiêu:** Trình bày được diễn biến Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương, nội dung, ý nghĩa Hiệp định Giơ-ne-vơ.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giải thích khái niệm: - Hội nghị: Cuộc họp có tổ chức, có nhiều người tham dự để bàn bạc công việc. - Hiệp định: điều ước loại thông dụng nhất do hai hay nhiều nước kí kết để giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, tầm quan trọng dưới hiệp ước. * Thảo luận cặp đôi: - Vì sao có Hội nghị Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương? - Tại sao cuộc đấu tranh trong Hội nghị lại diễn biến phức tạp và gay gắt? - Vì sao Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * GV mở rộng: - Vì sao có Hội nghị Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương? + Do đường lối kháng chiến của ta là: tiến công địch trên mặt trận quân sự, đồng thời cũng tiến công địch trên mặt trận ngoại giao. + Do quan điểm của ta là sẵn sàng đi đến đình chiến bằng thương lượng.	III- HIỆP ĐỊNH GIƠ NE VƠ VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH Ở ĐÔNG DƯƠNG (1954): 1. Diễn biến Hội nghị Giơ-ne-vơ - Ngày 8/5/1954 Hội nghị Giơ-ne-vơ về ĐD chính thức khai mạc. Phái đoàn ta do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu. - Cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị đã diễn ra diễn ra gay gắt và phức tạp - Ngày 21-7-1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết.

- Tại sao cuộc đấu tranh trong Hội nghị lại diễn biến phức tạp và gay gắt? Vì quan điểm đôi bên khác nhau:

+ Ta: lập trường chính nghĩa, đấu tranh để bảo vệ độc lập của Tổ quốc.

+ Địch: lập trường phi nghĩa của kẻ đi cướp nước.

- Vì sao Hội định Giơ-ne-vơ được kí kết?

+ So sánh tương quan lực lượng giữa ta và Pháp trên chiến trường.

+ Xu thế của thế giới: giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng.

* Kiến thức 2.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

* **Phát vấn:** Nêu nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơ-ne-vơ?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

GV mở rộng: một số điều khoản trong Hiệp định Giơ-ne-vơ:

+ Quyền dân tộc cơ bản được ghi nhận trong nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Quy định sông Bến Hải (thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị) là giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc.

+ Quân Pháp phải rút hết khỏi miền Bắc và trong vòng hai năm phải rút hết quân khỏi Việt Nam.

+ Đến tháng 7-1956, nhân dân hai miền Nam-Bắc sẽ tiến hành Tổng tuyển cử, thống nhất đất nước.

2. Nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ:

- sgk

3) Ý nghĩa lịch sử Hiệp định Giơ-ne-vơ

+ Hiệp định đã chấm dứt chiến tranh xâm lược của TDP và can thiệp Mỹ ở Đông Dương.

+ Đây là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền cơ bản của các nước Đông Dương, buộc Pháp phải rút hết quân về nước.

+ Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

Hoạt động 4: IV. Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954).

- **Mục tiêu:** Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc k/c chống Pháp

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận: + Nhóm lẻ: Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)? Ý nghĩa nào là quan trọng nhất? + Nhóm chẵn: Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)? Nguyên nhân nào là cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV mở rộng: - Gần 1 thế kỉ: 96 năm (từ 1858-1954) - Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, bước sang giai đoạn cách mạng XHCN. - Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đã góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ phong trào giải phóng trên thế giới. - Lực lượng vũ trang 3 thứ quân gồm: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích.	IV- Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954): 1- Ý nghĩa lịch sử: sgk 2- Nguyên nhân thắng lợi : sgk

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới.

- **Phương thức tiến hành:** Hoạt động cá nhân để chọn đáp án đúng.

Câu 1. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Nava?

A. Giành thắng lợi quân sự, kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.

B. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định, "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

- C. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- D. Giành thắng lợi quân sự, kết thúc chiến tranh theo ý muốn.

Câu 2. Nội dung cơ bản trong bước I của kế hoạch quân sự Na - va là gì?

- A. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam .**
- B. Tấn công chiến lược ở 2 miền Nam - Bắc.
- C. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.
- D. Phòng ngự chiến lược ở 2 miền Nam - Bắc.

Câu 3. Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954?

- A. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong Đông - Xuân 1953 – 1954.
- B. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.
- C. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.**
- D. Tránh giao chiến ở phía Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

Câu 4. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

- A. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Rơ-ve.**
- B. Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.
- C. Giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.
- D. Xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 5. Từ thu - đông năm 1953, Pháp tập trung quân đông nhất ở đâu?

- A. Các thành phố lớn.
- B. Tây Bắc.
- C. Đồng bằng Bắc Bộ .**
- D. Thượng Lào.

Câu 6. Đông xuân 1953-1954 ta tích cực, chủ động tiến công địch ở 4 hướng nào sau đây?

- A. Tây Bắc, Hạ Lào, Trung Lào, Nam Lào.
- B. Tây Bắc, Tây Nguyên, Hạ Lào, Thượng Lào.
- C. Việt Bắc, Tây Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, Thanh - Nghệ - Tĩnh.
- D. Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào.**

Câu 7. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 là gì?

- A. Làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp – Mỹ.
- B. Làm thất bại âm mưu kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng của Pháp.
- C. Làm thất bại âm mưu bình định, mở rộng địa bàn chiếm đóng giành thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ của thực dân Pháp.
- D. Làm phá sản bước đầu kế hoạch Na - va buộc quân chủ lực của chúng phải bị động, phân tán và giam chân ở miền núi rừng.**

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Giáo dục lòng biết ơn và cảm phục các chiến sĩ đã quên mình vì Tổ quốc.

- **Phương thức tiến hành:** Cho học sinh về nhà sưu tầm tiểu sử các anh hùng Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn.

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

- + Sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.
- + Chuẩn bị bài mới
- Xem trước bài 28.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức.

Sau khi học xong bài học này, học sinh sẽ:

- Đánh giá sơ lược quá trình học tập của các em ở chương 1,2,3,4 phần LSVN.
- Giúp học sinh hệ thống các kiến thức đã học ở chương 1,2,3,4 phần LSVN:

2. Năng lực.

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Rèn luyện kỹ năng so sánh, phân tích, nhận xét lịch sử.
 - + Khai thác và sử dụng thông tin sách giáo khoa lịch sử dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
 - + Hệ thống hóa được nội dung kiến thức đã học trong chương 1,2,3,4 phần LSVN.
 - + Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành câu hỏi và bài tập.

3. Phẩm chất.

- Giáo dục tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, kính yêu những con người đã xả thân vì đất nước.
- Trách nhiệm, trung thực, tự chủ, tự tin.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên.

- + Bản đồ chiến dịch Việt Bắc, Biên giới.
- + Phiếu học tập.

2. Học sinh.

- + Ôn lại kiến thức ở chương 1,2,3,4 phần LSVN.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC.

A. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Giúp khơi gợi tính tò mò của thông qua video về hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên hỏi: Em có nhận xét gì về điểm khác nhau về hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc qua đoạn video?
- Dựa vào câu trả lời của học sinh. Giáo viên giới thiệu bài mới.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

1. Chương I : Việt Nam trong những năm 1919-1930

a. Mục tiêu: - Trình bày được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1917 đến năm 1925, nhấn mạnh đến việc Người tìm thấy con đường cứu nước cho nhân dân Việt Nam.

b. Tổ chức thực hiện.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS			Nội dung		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập. - Học sinh xem lại bài 16 và trả lời các câu hỏi sau: Câu 1: Lập và hoàn thành bảng thống kê về hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ 1919 – 1925 theo mẫu dưới đây?			Thời gian	Sự kiện	Ý nghĩa
			18/6/1919	gửi tới hội nghị Véc-xai một bản yêu sách đòi quyền tự do dân chủ, bình đẳng và tự quyết của dân tộc Việt Nam.	Muốn giải phóng dân tộc phải dựa vào lực lượng của bản thân mình.
Thời gian	Sự kiện	Ý nghĩa	7/1920	Người đọc sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa Lê-nin.	Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - học sinh đọc SGK và thực hiện yêu cầu. Giáo viên khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn mình. Giáo viên bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.			12/1920	Người tham gia Đại hội lần 18 của Đảng xã hội Pháp ở Tua. Sáng lập ra Đảng cộng sản Pháp.	Mở ra bước ngoặt
			1921	Người sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari.	
			1922	Người sáng lập ra báo Leparia “Người cùng khổ”.	
			6/1923	Nguyễn Ái Quốc từ Pháp sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân.	
			1924	Người dự Đại hội V của Quốc tế cộng sản . Người đọc bản tham luận về vị trí chiến lược cách mạng thuộc địa.	

	-6/1925	thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.	
--	---------	--	--

2. Chương II : Việt Nam trong những năm 1930-1939

a. Mục tiêu: - Trình bày được trong năm 1929 ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời. Trình bày được nội dung, ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng.

- Trình bày được nội dung Luận cương chính trị 10/1930.

- Hiểu được ý nghĩa của việc thành lập Đảng.

- Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc với Hội nghị thành lập Đảng và việc thành lập Đảng.

b. Tổ chức thực hiện.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập. - Học sinh xem lại bài 18 và trả lời các câu hỏi sau: Câu 1: Hoàn cảnh, thời gian, địa điểm diễn ra Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản năm 1930? Câu 2: Ý nghĩa việc thành lập Đảng? Câu 3: Lí giải vì sao Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam? Câu 4: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - học sinh đọc SGK và thực hiện yêu cầu. Giáo viên khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn mình.	Câu 1: <i>* Hoàn cảnh lịch sử:</i> - Cuối năm 1929, ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời, hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, công kích lẫn nhau, làm phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ chia rẽ lớn. ⇒ Trong tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm đã trở về Hương Cảng, Quảng Châu, Trung Quốc để triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản. <i>* Diễn biến hội nghị:</i> - Hội nghị bắt đầu họp từ ngày 6/1/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc), dự hội nghị có đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng. Câu 2: - Đảng ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới. - Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. - Việc thành lập Đảng là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối giải phóng dân tộc. - Cách mạng Việt Nam đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. - Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển

Giáo viên bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	nhảy vọt về sau của cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam. Câu 3: Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối của Cách mạng Việt Nam. Câu 4: - Sự chuẩn bị về nền tảng tư tưởng: + Học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lê nin. + Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin vào trong nước. + Huấn luyện cán bộ cách mạng. + Soạn thảo cương lĩnh của Đảng. - Sự chuẩn bị về tổ chức: + Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. + Tổ chức Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản.
--	--

3. Chương III. Cuộc vận động tiến tới cách mạng tháng Tám năm 1945

a. Mục tiêu: - Biết được thời cơ của cách mạng đã đến, Đảng ta đã nắm được thời cơ và quyết tâm khởi nghĩa.

- Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

b. Tổ chức thực hiện.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập. - Học sinh xem lại bài 23 và trả lời các câu hỏi sau: Câu 1: Trình bày thời cơ của Cách mạng tháng Tám 1945? Câu 2: Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám 1945? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - học sinh đọc SGK và thực hiện yêu cầu. Giáo viên khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - học sinh lần lượt trả lời các	Câu 1: Thời cơ của Cách mạng tháng Tám 1945 là từ khi Nhật Bản đầu hàng đồng minh đến trước khi quân đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Câu 2: Nguyên nhân thắng lợi: * Trong nước: - Cách mạng tháng Tám là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, phá tan 2 tầng xiềng xích nô lệ thực dân Pháp và phát xít Nhật. Đồng thời lật nhào chế độ chuyên chế tồn tại gần 1.000 năm. - Cách mạng tháng Tám đưa Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập dưới chế độ Dân chủ Cộng hòa, đưa nhân dân từ nô lệ thành người độc lập, tự do. Cách mạng tháng Tám đã mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập tự do.

câu hỏi. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn mình. Giáo viên bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	* Quốc tế: - Cách mạng tháng Tám là thắng lợi đầu tiên của một dân tộc nhược tiểu, tự giải phóng khỏi ách áp bức của đế quốc thực dân. - Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới Ý nghĩa lịch sử: Về chủ quan: + Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước sâu sắc, tinh thần đấu tranh bất khuất. + Sự lãnh đạo tài tình của Đảng. + Có khối bên mình công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. + Kết hợp tài tình đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đấu tranh du kích với khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, tiến lên phát động tổng khởi nghĩa. - Về khách quan: + Nhờ hoàn cảnh quốc tế thuận lợi: Chiến tranh thế giới thứ hai đang đi đến hồi kết, Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.
---	--

4. Chương IV. Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến

a. Mục tiêu: - Biết được những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám như trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

- Nắm được sự kiện ngày 06/01/1946 và ý nghĩa của sự kiện này.

- Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị lâu dài: diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết những khó khăn về tài chính.

- Trình bày được chủ trương của ta trong việc đối phó với Tưởng và Pháp, mục đích, nội dung, ý nghĩa Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước 14 - 9 - 1946.

b. Tổ chức thực hiện.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập. - Học sinh xem lại bài 24 và trả lời các câu hỏi sau: Câu 1: Tại sao nói nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay sau khi thành lập đã ở vào tình	Câu 1: - Chính trị: Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập còn non trẻ, lực lượng vũ trang còn yếu.

thế "ngàn cân treo sợi tóc"?

Câu 2: Trình bày chủ trương, biện pháp của Đảng và Chính phủ trong việc củng cố chính quyền, giải quyết giặc đói, giặc dốt và khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám 1945?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- học sinh đọc SGK và thực hiện yêu cầu. Giáo viên khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của bạn mình. Giáo viên bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- Ngoại xâm và nội phản:

+ Vĩ tuyến 16 trở ra Bắc: 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc cùng bọn tay sai (Việt quốc, Việt cách) kéo vào đóng ở Hà Nội và hầu khắp các tỉnh

+ Vĩ tuyến 16 trở vào Nam: Quân Anh tạo điều kiện cho Pháp quay trở lại xâm lược.

+ Cả nước còn 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp.

+ Các lực lượng phản cách mạng ngóc đầu dậy chống phá cách mạng

- Kinh tế - tài chính:

+ Nông nghiệp bị chiến tranh tàn phá, nạn đói năm 1945 chưa được khắc phục.

+ Công nghiệp chưa được phục hồi

+ Ngân sách nhà nước trống rỗng, chính quyền cách mạng chưa quản lý được ngân hàng Đông Dương.

- **Văn hóa- xã hội:** trên 90% số dân trong nước mù chữ, tệ nạn xã hội tràn lan..

=> **Vận mệnh tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”**

Câu 2:

Xây dựng chế độ mới:

- Ngày 6 - 1 - 1946, nhân dân cả nước đi bầu Quốc hội khoá I với hơn 90% cử tri tham gia.

Giải quyết giặc đói:

- Trước mắt là tổ chức quyên góp, lập hũ gạo cứu đói, tổ chức "ngày đồng tâm", kêu gọi đồng bào nhường cơm sẻ áo.

- Biện pháp lâu dài là đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chia ruộng đất cho nông dân.

Giải quyết giặc dốt:

- Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ.

- Các trường học sớm được khai giảng, nội dung và phương pháp dạy học bước đầu đổi mới.

Khó khăn về tài chính:

- Kêu gọi nhân dân đóng góp, xây dựng "Quỹ độc lập", phong trào "Tuần lễ vàng".

- Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt

	Nam (11 -1946).
--	-----------------

C. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

GV dùng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan và yêu cầu học sinh chọn đáp án đúng.

Câu 1. Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng nước ta sau Cách mạng tháng Tám là gì?

- A. Giải quyết nạn ngoại xâm và nội phản.
- B. Giải quyết về vấn đề tài chính.
- C. Giải quyết nạn đói, nạn dốt.
- D. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

Câu 2. Việc kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 chứng tỏ

- A. sự mềm dẻo của ta trong việc phân hoá kẻ thù.
- B. sự lùi bước tạm thời của ta.
- C. sự thoả hiệp của Đảng ta và chính phủ ta.
- D. sự non yếu trong lãnh đạo của ta.

Câu 3. Tháng 8/1945, điều kiện khách quan bên ngoài thuận lợi tạo thời cơ cho nhân dân ta vùng lên giành lại độc lập, đó là sự

- A. đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật.
- B. thất bại của phe phát xít ở chiến trường châu Âu.
- C. thắng lợi của Hồng quân Liên Xô ở mặt trận Xô - Đức.
- D. nổi dậy giành thắng lợi của nhân dân các nước Đông Âu.

Câu 4. Đường lối ngoại giao của Đảng trong những năm 1945-1946 là

- A. sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với bất cứ nước nào tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- B. chỉ đặt quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. đóng kín cửa, không quan hệ với các nước bên ngoài để bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam.
- D. chỉ đặt quan hệ ngoại giao với các nước Lào và Cam-pu-chia.

Câu 5. Sự kiện nào trực tiếp đưa đến quyết định của Đảng và Chính phủ phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp?

- A. Pháp đánh Hải Phòng (11/1946).
- B. Pháp đánh chiếm Lạng Sơn (11/1946).
- C. Pháp tấn công vào cơ quan Bộ Tài chính ở Hà Nội (12/1946).
- D. 18/12/1946 Pháp gửi tới hậu thư buộc ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

Câu 6. Khó khăn lớn nhất của đất nước ta sau cách mạng tháng Tám gì?

- A. Nạn đói, nạn dốt đe dọa nghiêm trọng cuộc sống của nhân dân ta.
- B. Các kẻ thù ngoại xâm, nội phản.
- C. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng.
- D. Các tổ chức phản cách mạng ra sức chống phá cách mạng.

Câu 7. Sự kiện nào đánh dấu việc Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18/6/1919).
- B. Gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12/1920).
- C. Tiếp cận luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).
- D. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa (1921) ở Pari.

Câu 8. Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo

- A. Đồi sông công nhân.
- B. Người cùng khổ (Le Paria).
- C. Nhân đạo.
- D. Sự thật.

Câu 9. Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 - 1924 có ý nghĩa gì?

- A. Chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.
- B. Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lê nin để truyền bá về trong nước.
- C. Xây dựng mối quan hệ liên minh công nông trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- D. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam.

D. Hoạt động vận dụng.

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung: Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Phân tích nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945?

c. Sản phẩm.

d. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà thực hiện.

- ❖ Học sinh làm bài tập đầy đủ, ôn tập theo hướng dẫn của giáo viên. Chuẩn bị tiết sau kiểm tra giữa kì II.
-

GIÁO ÁN TUẦN 28,29, 30,31

Ngày soạn: 10/ 04/ 2024

Tiết 38,39,40

Bài 28

XÂY DỰNG CNXH Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 – 1865)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Biết được nét chính tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.
- Biết được những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- Biết được bối cảnh lịch sử, trình bày được diễn biến của phong trào “Đồng khởi” trên lược đồ cũng như ý nghĩa phong trào.
- Trình bày được hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Đại hội và nhận xét về ý nghĩa của Đại hội.
- Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt”.

2. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.
- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.

3. Yêu cầu về phẩm chất

- Tiếp tục bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, lòng tự hào dân tộc, lòng khâm phục và biết ơn sự chiến đấu, hi sinh của các thế hệ cha anh, lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua bài hát, kích thích sự tò mò, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho nghe bài hát: Phải lòng người con gái Bến Tre, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Bài hát trên nói về vùng đất nào và vùng đất ấy có liên quan gì đến tiết học hôm nay?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá. Kết nối vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: I. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương

- **Mục tiêu:** Biết được nét chính tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: Trình bày nét chính tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV yêu cầu HS quan sát hình 57. <i>Đồng bào Hà Nội đón bộ đội vào tiếp quản Thủ đô</i> - SGK để biết được không khí phấn khởi của bộ đội và nhân dân khi Thủ đô được giải phóng.	I. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương - Quân Pháp rút khỏi miền Bắc (5 - 1955), nhưng hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc để tổ chức Tổng tuyển cử chưa được tiến hành. - Mỹ thay thế Pháp, đưa tay sai lên nắm chính quyền ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt đất nước ta làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của chúng.

2. Hoạt động 2: III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng, tiến tới *Đồng khởi* (1954 - 1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng (1954 - 1959)

2. Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960)

- **Mục tiêu:** Biết được những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Biết được bối cảnh lịch sử, trình bày được diễn biến của phong trào “Đồng khởi” trên lược đồ cũng như ý nghĩa phong trào.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
KIẾN THỨC 1 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: Trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày, bổ sung, nhận xét. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	III. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng, tiến tới <i>Đồng khởi</i> (1954 - 1960) 1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng (1954 - 1959) - Trong hai năm đầu, nhân dân miền Nam đấu tranh dưới hình thức đấu tranh chính trị, chống Mĩ - Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. – Tháng 8 – 1954, "Phong trào hoà bình" ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn và khắp miền Nam những "Ủy ban bảo vệ hoà bình" được thành lập. - Khi Mĩ - Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp phong trào, mở những chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng, từ những năm 1958 – 1959, phong trào đấu tranh chuyển sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
KIẾN THỨC 2 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK. - Chia lớp thành 6 nhóm thảo luận: + Nhóm 1,2: Trình bày bối cảnh lịch sử của phong trào “Đồng khởi”. + Nhóm 3,4: Trình bày diễn biến của phong trào “Đồng khởi”. + Nhóm 3,4: Trình bày ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi”.	2. Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960) - Ngày 17-1-1960, “Đồng khởi”, nổ ra ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre), sau đó lan ra toàn tỉnh, phá vỡ từng mảng lớn chính quyền địch ở thôn, xã. - Kết quả: “Đồng khởi” như

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV gợi mở: + Mĩ - Diệm mở rộng chính sách “tổ cộng diệt cộng” + Ra sắc lệnh “đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật” + Thực hiện “đạo luật 10-59” (5/1959) lê máy chém khắp Miền Nam giết hại người dân vô tội. GV giải thích: với “đạo luật 10-59” Mĩ- Diệm đưa ra khẩu hiệu: “Tiêu diệt tận gốc Chủ nghĩa Cộng sản”, “thà giết nhầm còn hơn bỏ sót” - Chúng đó gây ra những vụ thảm sát đẫm máu ở Quảng Nam. + Dìm chết 42 người ở Đập Vĩnh Trinh. + 7/1955 bắn chết 92 dân thường một lúc ở Hương Điền. + Từ 1955-1958 có 9/10 tổng số cán bộ Miền Nam bị tổn thất. + Nam Bộ chỉ còn 5000/ tổng số 6 vạn đảng viên. => Như vậy, bọn Mĩ Diệm định dùng thủ đoạn dã man, tàn bạo để buộc ta phải khuất phục. Nhýng nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác hơn là đứng lên giành chính quyền. - Bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang nhân dân, tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. - Dưới ánh sáng của nghị quyết 15 Đảng soi đường quần chúng tự động vũ trang để tự vệ diệt trừ bọn ác ôn. - dùng lược đồ hình 60: lược đồ phong trào “Đồng khởi”. + Tháng 2/1959: cuộc nổi dậy Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận)	nước vỡ bờ nhanh chóng lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở Trung Trung Bộ. -Ý nghĩa: -Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, tạo ra một bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam: chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. -Tạo điều kiện đưa đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (ngày 20-12-1960).
--	---

+ Tháng 8/1959: Trà Bồng (Quảng Ngãi)
GV giới thiệu hình 51: nhân dân nổi dậy ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) giành chính quyền 1959. (Tham khảo tư liệu sách kênh hình LS THCS/182)

- Tính đến cuối 1960 Nam Bộ có 600/1298 xã thành lập được chính quyền nhân dân tự quản trong đó có 116 xã hoàn toàn giải phóng.

+ Các tỉnh ven biển Trung Bộ có 904/3829 thôn giải phóng.

+ Ở Tây Nguyên có 3200/5721 thôn không còn chính quyền Ngụy.

-Đoàn kết toàn dân đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở Miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, đấu tranh dân chủ cải thiện dân sinh tiến tới hoà bình thống nhất đất nước.

- Phong trào “Đồng Khởi” giáng 1 đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam.

- Tác động mạnh làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

- Đánh dấu bước nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

- Từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công liên tục, đều khắp vào kẻ thù.

- Chuyển từ đấu tranh chính trị sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.



Tượng đài Đồng khởi Bến Tre

3. Hoạt động 3: IV. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 - 1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960)**2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965).**

- **Mục tiêu:** Trình bày được hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Đại hội . Nội dung kế hoạch Nhà nước 5 năm 1961 – 1965.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
KIẾN THỨC 1 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: - Em hãy cho biết hoàn cảnh diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng? - Em hãy trình bày nội dung của ĐH đại biểu toàn quốc lần III của Đảng? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV Hướng dẫn HS quan sát hình 62. <i>Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng</i> - SGK và nêu nhận xét về ý nghĩa của Đại hội.	IV. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 - 1965) 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960) - Hoàn cảnh: Miền Bắc giành được những thắng lợi quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế. Ở miền Nam, cách mạng có bước nhảy vọt với phong trào "Đồng khởi". - Nội dung: sgk - Ý nghĩa: Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.
KIẾN THỨC 2 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: - Nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm lần 1 (1961-1965) là gì? - Để thực hiện được kế hoạch dài hạn trên, nhà nước đó có những chủ trương, biện pháp nào? - Miền Bắc đó đạt được những thành tựu gì trong kế hoạch 5 năm? - Thảo luận cặp đôi: Tại sao nhà nước lại chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.	2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965). - Nhiệm vụ, mục tiêu: Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất- kĩ thuật cho CNXH. - Thành tựu : sgk -Ý nghĩa : Miền Bắc lớn mạnh , bộ mặt xã hội có nhiều thay đổi. Là hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam .

vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

4. Hoạt động 4: IV. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961 - 1965)

1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam

2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

- **Mục tiêu:** Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Lập niên biểu những thắng lợi của quân và dân ta trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính
KIẾN THỨC 1 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm: + Nhóm: 1,3. Tại sao đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam? + Nhóm: 2,4. "chiến tranh đặc biệt" là gì? Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt" thể hiện như thế nào? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày, nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - GV hướng dẫn HS quan sát hình 63 - SGK để có biểu tượng về chiến thuật "trục thẳng vận" của Mĩ trong "Chiến tranh đặc biệt". - GV mở rộng: - Sau khi thất bại trong chiến	IV. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961 - 1965) 1. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam - Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" - một chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, do "cố vấn" Mĩ chỉ huy cùng với vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ. a. <u>Âm mưu</u> . -Được tiến hành bằng quân đội tay sai, do cố vấn Mĩ chỉ huy, cùng với vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ. -Tăng cường quân nguy, sử dụng chiến thuật mới: Trục thẳng vận, Thiết xa vận.

lược chiến tranh 1 phía, đánh dấu bằng ptrào “Đồng Khởi”, từ 1961 đế quốc Mĩ đẩy cuộc chiến tranh miền Nam lên mức cao hơn là “Chiến tranh đặc biệt”. Đây là 1 trong 3 loại chiến tranh của “Chiến lược phản ứng linh hoạt 1961 – 1969” nằm trong chiến lược toàn cầu phản CM của đế quốc Mĩ.

- **“Chiến tranh đặc biệt”**: là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, do cố vấn quân sự Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

- Để thực hiện âm mưu đó Mĩ có hành động ở miền Nam:

+ Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn:

1961: 170.000 người .

1964: 560.000 người.

+ Sử dụng chiến thuật “Trục thẳng vận” và “Thiết xa vận” do cố vấn Mĩ chỉ huy.

+ Thực hiện những cuộc càn quét để tiêu diệt cách mạng miền Nam.

+ Lập “ấp chiến lược”, dồn 10 triệu dân vào 16.000 ấp chiến lược (trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam) để tách quân ra khỏi dân.

+ Tăng cường bắn phá miền Bắc, phong tỏa biên giới và cùng biển để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc với miền Nam.

GV cho HS xem H.63: đế quốc Mĩ dùng chiến thuật “Trục thẳng vận” ở miền Nam.

GV cho HS giải thích khái niệm “Trục thẳng vận”, “Thiết xa vận” ở bảng tra cứu thuật ngữ.

GV giảng thêm:

- Số lượng cố vấn Mĩ ở miền Nam tăng nhanh:

+ Năm 1960: 1.100 người.

+ Cuối 1962: 11.000 người.

+ Cuối 1964: 26.000 người.

- Bộ chỉ huy quân sự Mĩ MACV tại Sài Gòn, thành lập 8/2/1962 thay cho đoàn cố vấn MAAG thành lập 1950.

- Mĩ dự định sẽ “bình định” miền Nam trong vòng 18 tháng, bắt đầu từ giữa 1961, bằng kế hoạch Stalây – Tay lo, nhưng đến đầu 1964, kế hoạch này bị phá sản,

b. Thủ đoạn của Mĩ:

- Mở nhiều cuộc hành quân càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”, nhằm tách dân khỏi cách mạng, tiến tới bình định miền Nam.

- Phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới.

Mĩ đã đặt yêu cầu khiêm tốn hơn, bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng 2 năm bằng kế hoạch Giôn xon – Mác na ma ra.

KIẾN THỨC 2

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Thảo luận và trả lời câu hỏi sau: lập thống kê các sự kiện tiêu biểu theo mẫu:

Thời gian.	Sự kiện.
-02-01-1963	Giành thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Các nhóm trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- GV cho HS quan sát hình 64 - SGK và tìm hiểu về thắng lợi của quân và dân ta trên mặt trận chống phá "áp chiến lược".

2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

Thời gian.	Sự kiện.
-02-01-1963	Giành thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho)
(1- 11- 1963).	Mĩ phải làm cuộc đảo chính lật đổ chính quyền của anh em Diệm - Nhu
1964- 1965	Trong Đông-Xuân, trên khắp miền Nam đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về xây dựng CNXH ở MB và đấu tranh chống đế quốc Mĩ ở MN..

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Pháp rút lui khỏi miền Nam, Mĩ nhảy vào đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền để thực hiện âm mưu gì?

A. Chống phá cách mạng miền Bắc.

B. Chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ của Mĩ.

C. Cô lập miền Bắc.

D. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 2. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

- A. Có vai trò quan trọng nhất.
- B. Có vai trò cơ bản nhất.
- C. Có vai trò quyết định trực tiếp.**
- D. Có vai trò quyết định nhất.

Câu 3. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?

- A. Tiếp tục đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp.
- B. Đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne- vơ, bảo vệ hòa bình.**
- C. Bảo vệ miền Bắc XHCN, để Miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.
- D. Chống “tổ cộng”, “diệt cộng”, đòi quyền tự do, dân chủ.

Câu 4. Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam từ những năm 1954 -1959 diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Biểu tình.
- B. Đấu tranh chính trị.**
- C. Đấu tranh vũ trang.
- D. Chính trị kết hợp vũ trang.

Câu 5. “Phong trào ra đời với Bản hiệu triệu hoan nghênh Hiệp định Giơ-ne-vơ, ủng hộ Hiệp thương tuyển cử, được sự hưởng ứng rộng rãi của các tầng lớp nhân dân”. Đó là phong trào nào?

- A. Chống khủng bố đàn áp của Mỹ - Diệm.
- B. Phong trào đấu tranh của nhân dân các thành phố lớn Huế, Đà Nẵng.
- C. “Phong trào hòa bình” ở Sài Gòn Chợ Lớn.**
- D. Phong trào vì mục tiêu hòa bình của nhân dân các thành phố lớn và các vùng nông thôn.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng và vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Lập bảng niên biểu và sự kiện về thắng lợi của quân dân MN trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ theo mẫu?

Chính trị	Quân sự	Áp chiến lược, bình định

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**

+ Sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

+ Chuẩn bị bài mới

- Xem trước mục I và mục II bài 29.

- Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

Tiết 41,42

Bài 29

**CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC
(1965 - 1973)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được âm mưu và hành động của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
- Trình bày được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, tiêu biểu là chiến thắng Vạn Tường, trên lược đồ.
- Biết được cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc của Mỹ.
- Trình bày được những thành tích của quân dân miền Bắc trong chiến đấu và sản xuất.
- Biết được những chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.
- Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".
- Trình bày được những thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và Đông Dương hoá chiến tranh của Mỹ.
- Biết được cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta và ý nghĩa.
- Trình bày được những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của nhân dân miền Bắc (1969 – 1973).
- Trình bày được những thành tích tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1972).
- Trình bày được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ để tường thuật các trận đánh và các kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá, so sánh các sự kiện lịch sử.
- Nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.
- Giải thích được vì sao chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không".

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, tinh đoàn kết dân tộc, Đông Dương, quốc tế, niềm tin vào sự lãnh đạo của đảng, niềm tự hào của dân tộc. Khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh có liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, kích thích sự tò mò, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên cho xem hình 66 SGK, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: Em biết gì về các bức ảnh này?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: HS đánh giá, nhận xét. GV chốt ý, dẫn dắt vào bài mới.

Sau thất bại ở chiến lược “CTĐB” ở MN, để gỡ thế bí về chiến lược, đế quốc Mĩ đã nâng cuộc chiến tranh ở MN lên mức cao hơn “CTCB”, lính viễn chinh Mĩ được đưa ào ạt sang MN VN (giữa 1965) với những sư đoàn sừng sỏ, vũ khí hiện đại với chiến lược 2 gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” để tiêu diệt CM MN, cộng với tăng cường bắn phá MB để chặn đứng từ gốc những đòn tấn công của “Việt cộng”, giành thắng lợi quyết định, xoay chuyển tình thế trên chiến trường MN, nhưng với nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, chúng ta đã đánh bại chiến lược “CTĐB” ở MN của đế quốc Mĩ. Điều này thể hiện như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: 1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam

2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)

- **Mục tiêu:** Trình bày được âm mưu và hành động của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Hướng dẫn HS lập niên biểu các sự kiện về cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Hoàn cảnh, diễn biến, kết quả, ý nghĩa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968).

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
KIẾN THỨC 1 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: + Thế nào là Chiến tranh cục bộ? + Trình bày âm mưu và hành động của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ"? - Thảo luận cặp đôi: + CL “CTCB” và “CTĐB” của Mĩ ở MN có điểm gì giống và khác nhau? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ	I. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 - 1968) 1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam - Sau khi chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị thất bại, Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 - 1968). - Âm mưu: Được tiến hành bằng quân Mĩ, quân

học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- **GV mở rộng:** CL “CTCB” và “CTDB” của Mĩ ở MN có điểm giống và khác nhau

(Giống: Đều là ctr thực dân kiểu mới

Khác: LL tham chiến chủ yếu trong “CTDB” là nguy quân và cố vấn Mĩ. Trong “CTCB” là lính viễn chinh Mĩ, chư hầu+ lính Nguy)

KIẾN THỨC 2

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau:

Thời gian.	Sự kiện.
Tháng 8-1965.	
-1965-1966	
- 1966-1967	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Các nhóm trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Hướng dẫn HS quan sát hình 66, 67 – SGK để biết được các phong trào đấu tranh chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

- GV giới thiệu đến HS biết được nơi diễn ra chiến thắng Vạn Tường.

Trận Vạn Tường là trận đánh chính trong cuộc hành quân Starlite do quân đội Mỹ tiến hành để thử nghiệm chiến thuật tìm diệt (search and destroy) diễn ra vào ngày 18 tháng 8 năm 1965 tại thôn Vạn Tường, xã Bình Hải,

đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

- Hành động của Mĩ: liên tiếp mở các cuộc hành quân “Tìm diệt” vào căn cứ quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi), tiếp đó là hai cuộc phản công mùa khô 1965- 1966 và 1966 -1967 bằng các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.

2. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ

Thời gian.	Sự kiện.
-Tháng 8-1965.	-Chiến thắng Vạn Tường.
-(1965-1966) và (1966-1967)	-Đánh bại các cuộc hành quân càn quét lớn của Mĩ trong hai mùa khô

huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, cách Căn cứ Chu Lai của quân đội Mỹ 17 km. Đây là trận đánh quy mô đầu tiên giữa quân đội Mỹ và Quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam trên bộ.



VẠN TUỜNG NGÀY NAY.

KIẾN THỨC 3

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- *Phát vấn:*

- + *Nêu hoàn cảnh diễn ra cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968?*
- + *Trình bày diễn biến cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 bằng lược đồ?*
- + *Trình bày ý nghĩa cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)

* **Hoàn cảnh:**

- Bước vào xuân 1968, so sánh lực lượng trên chiến trường đã thay đổi có lợi cho ta. Ta chủ trương tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường giành thắng lợi quyết định buộc Mĩ phải đàm phán và rút quân về nước.

* **Diễn biến:**

- Đêm 30 rạng sáng 31/1/1968, ta đồng loạt tấn công ở hầu khắp các ấp chiến lược và vùng nông thôn và các cơ quan đầu não của địch (Tòa đại sứ Mĩ, Dinh “Độc lập”, Bộ Tổng tham mưu ngụy....)

* **Ý nghĩa:**

- Làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.
- Buộc chúng phải tuyên bố “Phi Mĩ hóa chiến tranh”.
- Tuyên bố ngừng ném bom

vô điều kiện miền bắc và chấp nhận đàm phán ở Paris.

Hoạt động 2: II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất (1965 - 1968)

1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

- **Mục tiêu:** Biết được cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc của Mĩ. Biết được những chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam. Nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
KIẾN THỨC 1 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Thảo luận nhóm: + <i>Nhóm lẻ:</i> Hành động và âm mưu của Mĩ trong cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc? + <i>Nhóm chẵn:</i> Thủ đoạn của Mĩ trong cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất (1965 - 1968) 1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc * Hành động: Mĩ dựng lên "sự kiện Vịnh Bắc Bộ" (8 - 1964), cho máy bay ném bom miền Bắc. - Đến ngày 7 - 2 - 1965, lấy cớ "trả đũa" việc Quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plâycu, Mĩ chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc. * Âm mưu: - Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc CNXH ở Miền Bắc. Ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào MBắc và từ Miền Bắc cho Miền Nam. Uy hiếp tinh thần chiến đấu của quân và dân ta, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân 2 miền. * Thủ đoạn: Đánh vào các mục

KIẾN THỨC 2 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: Trình bày những chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam? - Nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Yêu cầu HS quan sát hình 70. Những thửa ruộng vì miền Nam của nông dân xã Hoà Lạc (Kim Sơn, Ninh Bình) - SGK và nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.	tiêu: quân sự, đầu mối giao thông, nhà máy, hầm mỏ, khu đông dân, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, chùa, nhà thờ 3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn - Tuyến đường vận chuyển chiến lược - đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển được khai thông từ tháng 5 - 1959. - Trong 4 năm, miền Bắc đã đưa vào miền Nam hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội và hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược,... phục vụ cho miền Nam đánh Mỹ.
--	--

Hoạt động 3: III. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mỹ (1969 - 1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mỹ

2. Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh và Đông Dương hoá chiến tranh của Mỹ

3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- **Mục tiêu:** Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh". Lập niên biểu các sự kiện tiêu biểu

Các sự kiện tiêu biểu của cuộc chiến đấu chống chiến lược VNHCT và ĐDHCT. Biết được cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta và ý nghĩa.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
-------------------------------------	----------

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- **Phát vấn:** Trình bày hoàn cảnh, âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh"?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- GV yêu cầu HS quan sát hình 70. Những thừa ruộng vì miền Nam của nông dân xã Hoà Lạc (Kim Sơn, Ninh Bình) - SGK và nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.

+ Quy mô chiến tranh: chiến lược: “ Chiến tranh cục bộ” và chiến lược“ Việt Nam hóa chiến tranh” đều được tiến hành ở miền Nam và mở rộng ra miền Bắc. Riêng chiến lược“ Việt Nam hóa chiến tranh” mở rộng ra toàn Đông Dương.

KIẾN THỨC 2

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau:

Thời gian.	Sự kiện.
Tháng 6-1969.	
Tháng 4-1970	
Từ tháng 4 đến 6-1970	
Từ tháng 2 đến 3-1971.	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

III. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969 - 1973)

1. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ

- Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mĩ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Âm mưu: Lực lượng chính tiến hành cuộc chiến tranh là quân đội Sài Gòn kết hợp với hỏa lực Mĩ, vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự.

- Thủ đoạn: Quân đội Sài Gòn được sử dụng như là lực lượng xung kích trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Cam-pu-chia năm 1970, Lào năm 1971, thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

2. Chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh và Đông Dương hoá chiến tranh của Mĩ

Thời gian.	Sự kiện.
Tháng 6-1969.	- Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.
Tháng 4-1970	- Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp
Từ tháng 4	- Liên quân Cam-

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. KIẾN THỨC 3 Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: Trình bày diễn biến và kết quả, ý nghĩa cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta trên lược đồ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. - GV, giới thiệu cho HS biết thêm về Thành Cổ Quảng Trị.	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="901 180 1144 441">đến 6-1970</td><td data-bbox="1144 180 1502 441">pu- chia – Việt Nam, đánh tan cuộc xâm lược CPC của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.</td></tr> <tr> <td data-bbox="901 441 1144 661">Từ tháng 2 đến 3-1971.</td><td data-bbox="1144 441 1502 661">-Liên quân Lào-Việt, đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719”.</td></tr> </table> 3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 - Từ ngày 30 - 3 - 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng trị làm hướng tiến công chủ yếu. - Đến cuối tháng 6 - 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn tên địch. - Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mỹ phải "Mỹ hoá" trở lại, tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".	đến 6-1970	pu- chia – Việt Nam, đánh tan cuộc xâm lược CPC của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.	Từ tháng 2 đến 3-1971.	-Liên quân Lào-Việt, đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719”.
đến 6-1970	pu- chia – Việt Nam, đánh tan cuộc xâm lược CPC của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.				
Từ tháng 2 đến 3-1971.	-Liên quân Lào-Việt, đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719”.				



THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ.

- **Trận Thành cổ Quảng Trị** là một trận chiến giữa một bên là Quân đội Nhân dân Việt Nam với Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam và một bên là Quân lực Việt Nam Cộng hòa với Quân đội Hoa Kỳ tại thành cổ Quảng Trị vào năm 1972. Đây là một trong những trận chiến ác liệt bậc nhất trong Chiến dịch Xuân Hè 1972, một phần của Chiến tranh Việt Nam.

Trận chiến kéo dài trong suốt 81 ngày đêm, sau khi liên tiếp tung vào các đơn vị bộ binh cũng như sử dụng hỏa lực không giới hạn, Việt Nam Cộng hòa cùng Hoa Kỳ đã thành công trong việc tái chiếm lại Thành cổ. Tuy vậy về mặt chiến lược, sự kháng cự mạnh mẽ của Quân đội Nhân dân Việt Nam đã khiến kế hoạch tái chiếm thành cổ của đối phương bị kéo dài tới 3 tháng so với kế hoạch ban đầu là 2 tuần, qua đó giúp Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam duy trì được thế mạnh trên bàn đàm phán ở Paris.

GV kết luận cho HS thấy được: ***nhân dân ta vừa trực tiếp chống Mĩ ở miền Nam đánh bại các chiến lược chiến tranh cục bộ, Việt Nam hóa chiến tranh vừa sản xuất ở miền Bắc.--> Giáo dục tấm gương về tinh thần lao động, chiến đấu của Chủ tịch Hồ Chí Minh***

Hoạt động 4: IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần hai của Mĩ (1969 - 1973)

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương

- **Mục tiêu:** Trình bày được những thành tích tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972). Giải thích được vì sao chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không".

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: Trình bày những thành tích tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972)? - Thảo luận cặp đôi: Giải thích được vì sao chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không". Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. Hướng dẫn HS quan sát hình 66, 67 – SGK để biết được các phong trào đấu tranh chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ".	IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần hai của Mĩ (1969 - 1973) 2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương - Ngày 16 - 4 - 1972, Mĩ tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai. - Trong điều kiện chiến tranh, các hoạt động sản xuất, xây dựng miền Bắc không bị ngừng trệ, giao thông vẫn bảo đảm thông suốt. - Mĩ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng 12 ngày đêm cuối tháng 12 - 1972. - Quân và dân miền Bắc đã làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pa-ri (1 - 1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Hoạt động 5: V. Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam

- **Mục tiêu:** Trình bày được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Phát vấn: - Cuộc thương lượng chính thức được khai mạc ngày nào, thành phần tham dự ? Từ ngày 25- 1- 1969, thành phần tham dự gồm những ai ? - Lập trường của VN như thế nào?	V. Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam - Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí chính thức ngày 27 - 1 – 1973. - Nội dung: SGK - Ý nghĩa : Mĩ phải công nhận các

- Lập trường của phía Mỹ ra sao ? - Kết quả như thế nào? - Nội dung của Hiệp định Pa-ri ? - Ý nghĩa của Hiệp định ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo cơ sở thuận lợi để ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.
--	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới về cả nước trực tiếp đấu tranh chống Mỹ cứu nước.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Lực lượng nào giữ vai trò quan trọng nhất trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở Miền Nam Việt Nam?

A. Quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn.

B. Quân đội Mỹ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn.

C. Quân đội Mỹ, quân đồng minh.

D. Quân đội Sài Gòn, quân đồng minh.

Câu 2. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, được sử dụng theo công thức nào?

A. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng quân Ngụy là chủ yếu + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mỹ

B. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng quân Mỹ là chủ yếu + quân Ngụy + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mỹ.

C. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân đội Mỹ + quân đồng minh + quân Ngụy + trang thiết bị hiện đại của Mỹ.

D. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân đội Mỹ + quân đồng minh + trang thiết bị hiện đại của Mỹ.

Câu 3. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) chứng tỏ điều gì?

A. Lực lượng vũ trang miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân Viễn chinh Mỹ.

- B. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.
 C. Quân Viễn chinh Mỹ đã mất khả năng chiến đấu.
 D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Câu 4. Địa danh nào được coi như là “Áp Bắc” đối với quân Mỹ?

- A. Bình Giã.
B. Vạn Tường,
 C. Chu Lai.
 D. Ba Gia.

Câu 5. Mở đầu cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt” trên khắp chiến trường miền Nam là ý nghĩa của chiến thắng nào?

- A. Ấp Bắc.
 B. Mùa khô 1965 - 1966.

- C. Vạn Tường.**
 D. Mùa khô 1966-1967.

Câu 6. Tính chất ác liệt của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thể hiện ở chỗ nào?

- A. Quân Mỹ không ngừng tăng lên về số lượng.
 B. Quân Mỹ nhảy vào cuộc chiến nhằm cứu vãn quân đội Sài Gòn.
 C. Quân Mỹ cùng quân đồng minh và quân đội Sài Gòn cùng tham chiến.
D. Mục tiêu tiêu diệt quân chủ lực của ta, vừa bình định miền Nam, vừa phá hoại miền Bắc.

Câu 7. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?

- A. Chiến thắng Vạn Tường được coi như là “Áp Bắc” đối với quân Mỹ.
 B. Cổ vũ quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mỹ.
C. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mỹ đã trở thành hiện thực.
 D. Nâng cao uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

? Lập bảng niên đại và sự kiện về thắng lợi chung của nhân dân ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia trên các mặt trận quân sự và chính trị từ năm 1969 đến năm 1973 theo mẫu:

Mặt trận	Thời gian	Sự kiện
<i>Chính trị</i>	Ngày 24, 25 – 4 – 1970	
<i>Quân sự</i>	Ngày 30 – 4 đến ngày 30 – 6 – 1970	
	Ngày 12 – 2 đến ngày 23 – 3 – 1971	

- GV giao nhiệm vụ cho HS

- + Suu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.
- + Chuẩn bị bài mới
 - Xem trước mục I, II bài 30.
 - Trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.
 - Suu tầm tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học.

-----HẾT-----

Tiết 43,44

Bài 30

**HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(1973 – 1975)**

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Trình bày được chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Phân tích được những điểm thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt trong chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng ta.
- Trình bày được những nét chính (thời gian, địa điểm, kết quả, ý nghĩa) của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- Trình bày được ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng lược đồ đối với các trận đánh và sử dụng các tranh ảnh lịch sử.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, nhận định, đánh giá các sự kiện lịch sử.
- Rút ra nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Yêu cầu về phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và tương lai của dân tộc.
- Khâm phục tinh thần cách mạng kiên trung của các chiến sĩ cm, quyết tâm phấn đấu hy sinh cho độc lập dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức bằng cách lồng ghép âm nhạc, kích thích sự tò mò, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV cho HS nghe một đoạn nhạc: Giải phóng miền Nam.

<https://www.youtube.com/watch?v=ZVCvtWkIIXA>

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em cho biết đoạn nhạc trên đang nhắc tới sự kiện gì của lịch sử?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: HS nhận xét, GV chốt ý.

GV dẫn dắt bài mới: Sau Hiệp định Pa ri, MB tiếp tục khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, chi viện đầy đủ nhất, kịp thời nhất cho MN đánh Mĩ, Ở MN về danh nghĩa Mĩ đã chấm dứt mọi dính líu, nhưng với bản chất xảo quyệt, chúng đã để hàng vạn cố vấn quân sự đội lốt dân sự, tìm mọi cách hà hơi tiếp sức cho Nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu “lấn chiếm” và “Tràn ngập lãnh thổ” của ta. Cuối 1974 đầu 1975, tình hình chiến trường chuyển biến có lợi cho ta, Đảng đã quyết định Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn MN, thống nhất đất nước. Điều này diễn ra như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam

- **Mục tiêu:** Trình bày được chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Phân tích được những điểm thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt trong chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng ta.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: + Trình bày chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị Trung ương Đảng? * Thảo luận cặp đôi: - Phân tích được những điểm thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt trong chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng ta? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Các cặp đôi khác phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS.	III. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc 1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam - Cuối năm 1974, đầu năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975,

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV giảng thêm: - Sau Hiệp định Paris, quân đội Mỹ , chỗ dựa của chính quyền SG đã rút về nước viện trợ quân sự của Mỹ cho Thiệu giảm dần. - 1972 -1973: 1.614 triệu đô la. - 1973 -1974: 1.026 triệu đô la. - 1974 -1975: 701 triệu đô la. - Vì vậy có hơn quân, Thiệu vẫn không mạnh, Thiệu thiếu đạn nghiêm trọng, phải kêu gọi binh lính “chiến đấu theo kiểu con nhà nghèo”. Trong khi đó , lực lượng của ta không ngừng lớn mạnh, đặc biệt là sau chiến thắng Phước Long của ta, địch không có khả năng lấy lại 1 tỉnh. Cho nên thời cơ Tổng tiến công và nổi dậy để giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.	1976, nhưng cũng nhấn mạnh: nếu có thời cơ, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.
---	--

Hoạt động 2. 2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nét chính (thời gian, địa điểm, kết quả, ý nghĩa) của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	NỘI DUNG
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Thảo luận nhóm: + Nhóm 1,2: Em hãy trình bày về chiến dịch Tây Nguyên (bằng lược đồ). + Nhóm 3,4: Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 - 3 đến 29 - 3) bằng lược đồ. + Nhóm 5,6: Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 - 4 đến 30 - 4) bằng lược đồ. * Phát vấn: + Tại sao trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ta lại mở chiến dịch Tây Nguyên đầu tiên? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh	2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 - Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4 - 3 đến 24 - 3): + Ngày 10 - 3 - 1975, quân ta đánh trận mở màn then chốt ở Buôn Ma Thuột và nhanh chóng giành thắng lợi. Ngày 12 - 3 - 1975, địch phản công định chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng bị thất bại. + Ngày 14 - 3 - 1975, địch rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên về duyên hải miền Trung, bị quân ta truy kích tiêu diệt, đến

giá kết quả của nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV hướng dẫn HS quan sát các hình 71, 73, 76, 78 - SGK để biết thêm về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

GV giảng thêm:

- Từ 1 → 9/3/1975, ta đánh nghi binh ở Plâycu và KonTum, địch vội vàng kéo quân từ Buôn Mê Thuột lên ứng cứu cho Bắc Tây Nguyên.

- Bắt ngờ 2 giờ sáng 10/3/1975 ta dội bão lửa vào Buôn Mê Thuột.

GV gợi mở vấn đề vì sao ta mở chiến dịch Huế – Đà Nẵng.

- Vào những ngày cuối cùng của chiến dịch Tây Nguyên, ta phát hiện địch chuẩn bị rút khỏi phòng tuyến Quảng Trị, có khả năng bỏ cả Huế, co về giữ Đà Nẵng. Quân ủy TW chỉ thị cho quân dân Trị Thiên và quân đoàn 2 giải phóng Huế nhanh hơn dự kiến.

- Cuộc tấn công Đà Nẵng được Quân ủy TW quyết định ngay sau khi giải phóng Huế (26/3/1975) với tinh thần “kịp thời, nhanh chóng, táo bạo” với lực lượng có thể chuyển tới sớm nhất.

- Sáng 28/3/1975 chúng ta bắt đầu đánh Đà Nẵng, 15 giờ ngày 29/3/1975, thành phố Đà Nẵng được giải phóng.

- Sau chiến dịch này, hệ thống phòng ngự của Thiệu ở miền Trung bị sụp đổ hoàn toàn, quân khu I bị xóa sổ, không để cho nguy rút về tăng cường cho SG, đẩy chúng vào thế tuyệt vọng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quyết chiến chiến lược cuối cùng: chiến dịch HCM lịch sử.

GV cho HS xem H.71: Bộ chỉ huy chiến dịch HCM Xuân 1975 và giảng thêm:

- Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng kết thúc, Thiệu chủ quan cho rằng: Phải 2 tháng nữa quân ta mới có thể tiếp tục tiến công. Cho nên, chúng có thời gian, khả năng bảo vệ quân khu III và IV, chúng lập 1 phòng tuyến phòng thủ từ xa: Từ Phan Rang trở vào để che chở cho SG.

- Mĩ lập cầu hàng không khẩn cấp chuyên chở vũ khí trang bị cho nguy quân SG.

ngày 24 - 3 - 1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

- Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 - 3 đến 29 - 3):

+ Ngày 21 - 3, quân ta tiến công Huế và chặn đường rút chạy của địch. Ngày 26 - 3, quân ta giải phóng Huế. Cũng thời gian này, ta giải phóng thị xã Tam Kỳ và toàn tỉnh Quảng Ngãi,...

+ Sáng 29 - 3, quân ta tiến công thành phố Đà Nẵng. Đến 3 giờ chiều, Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng.

+ Từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam Bộ nổi dậy giải phóng quê hương mình.

- Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 - 4 đến 30 - 4):

+ Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

+ 5 giờ chiều 26 - 4, quân ta nổ súng mở đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh. 10 giờ 45 ngày 30 - 4, xe tăng ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập. Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

+ 11 giờ 30 phút, lá cờ

- Trên cơ sở đánh giá thời cơ chiến lược tổng công kích vào SG đã chín muồi, với tinh thần “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng” chúng ta đã tiến hành chiến dịch HCM lịch sử giải phóng SG.	cách mạng tung bay trên Dinh Độc lập, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
---	--

Hoạt động 3: IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975)

- **Mục tiêu:** Trình bày được ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Rút ra nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: + Trình bày ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. + Rút ra nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	IV. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975) 1. Ý nghĩa lịch sử: SGK 2. Nguyên nhân thắng lợi: SGK

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về về hoàn thành giải phóng miền nam, thống nhất đất nước.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Tháng 7/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21, nhận định kẻ thù của nhân dân ta là

A. nguy quyền Sài Gòn.

B. Mĩ và quân đồng Minh của Mĩ.

C. đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

D. Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

Câu 2. Cuối 1974 đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân, trọng tâm là đâu?

A. Đồng bằng Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

C. Trung Bộ và Khu V.

D. Mặt trận Trị - Thiên.

Câu 3. Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông - Xuân 1974 - 1975 là gì?

A. Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào.

B. Đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mĩ - Ngụy.

C. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long.

D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 4. Sau Hiệp định Pari, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Điều nào sau đây **không** đúng?

A. Quân Mĩ và quân Đồng minh rút về nước, ngụy quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.

B. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính tăng gấp đôi.

C. Miền Bắc hòa bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho miền Nam.

D. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

Câu 5. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối 1973 đến 1/1975 quân dân ta ở miền Nam đã giành được nhiều thắng lợi. Thắng lợi nào sau đây **chưa** chính xác?

A. Đánh trả địch trong các cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm”.

B. Bảo vệ, mở rộng vùng giải phóng.

C. Giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

D. Giải phóng Buôn Ma Thuột.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh Lập bảng các niên đại và sự kiện

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

+ Vẽ trục thời gian (theo mẫu) và điền những thắng lợi có tính chất bước ngoặt của nhân dân hai miền Nam - Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975)?

- **Giao nhiệm vụ**

+ Chuẩn bị bài mới: Bài 31: Việt Nam trong năm đầu sau đại thắng Xuân 1975.

+ Học bài cũ.

Tiết 45

Bài 31

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG XUÂN 1975

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975.

- Trình bày được nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

2. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng các tranh ảnh lịch sử.

3. Yêu cầu về phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết B-N, tinh thần độc lập, thống nhất Tổ quốc và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tương lai của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động khởi động**

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV trực quan hình 79, 80 SGK. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em cho biết đây là bức ảnh nói về điều gì?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức**Hoạt động 1: I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975**

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Thảo luận nhóm: + Nhóm lẻ: Trình bày được những nét chính về	I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975 - Ở miền Bắc:

thuận lợi và khó khăn của miền Bắc sau đại thắng Xuân 1975?

+ *Nhóm chẵn: Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của miền Nam sau đại thắng Xuân 1975?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Các nhóm trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

+ Sau hơn 20 năm (1954 - 1975), miền Bắc đã xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

+ Cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

- Ở miền Nam:

+ Miền Nam được giải phóng hoàn toàn, trong chừng mực nhất định có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

+ Cơ sở của chính quyền cũ cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu, sản xuất nhỏ phân tán là phổ biến,...

Hoạt động 2. III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976)

- **Mục tiêu:** Trình bày được nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: + <i>Trình bày nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá,	III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976) - Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước. - Từ ngày 24 - 6 đến ngày 3 - 7 - 1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên, thông qua chính sách đối nội và đối ngoại, quyết định tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyết định Quốc huy, Quốc kì, Quốc ca, thủ đô là Hà Nội, thành

kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV yêu cầu HS quan sát hình 79, 80 – SGK để hiểu biết thêm về công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. * Tích hợp HTVLTGĐĐHCM: GD tinh thần đoàn kết của HCM.	phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. - Ý nghĩa: + Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. + Tạo những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước khác.
---	---

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Việt Nam trong những năm đầu sau đại thắng Xuân 1975.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân*, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ quan trọng cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
- B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở 2 miền Nam - Bắc.

C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

- D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

- A. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.
- B. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Đất nước đã được độc lập, thống nhất

- D. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

Câu 3. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

- A. Số người mù chữ số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao
- B. Bọn phản động trong nước vẫn còn
- C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mỹ để lại rất nặng nề

Câu 4. Tháng 9/1975, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 đã đề ra nhiệm vụ gì?

- A. Cải tạo XHCN.
- B. Bầu cử Quốc hội thống nhất.

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- D. Bầu Ban Dự thảo Hiến pháp.

Câu 5. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11/1975).

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25/4/1976).

C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kỳ họp đầu tiên (24/6-2/7/1976).

D. Đại hội thống nhất Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nói lên suy nghĩ của mình khi đất nước được thống nhất.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Em hãy viết 1 đoạn văn ngắn nói lên suy nghĩ của mình sau khi học bài này.

- Giao nhiệm vụ

+ Chuẩn bị bài mới: Bài 33: Việt Nam trên đường đổi mới đi lên CNXH.

+ Học bài cũ.

+ Sưu tầm những tài liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

Ngày soạn: 05/5/2024

Tiết 47

Bài 31

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG XUÂN 1975

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975.
- Trình bày được nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

2. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng các tranh ảnh lịch sử.

3. Yêu cầu về phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết B-N, tinh thần độc lập, thống nhất Tổ quốc và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tương lai của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Suy tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV trực quan hình 79, 80 SGK. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em cho biết đây là bức ảnh nói về điều gì?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975

- **Mục tiêu:** Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Thảo luận nhóm: + <i>Nhóm lẻ: Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của miền Bắc sau đại thắng Xuân 1975?</i> + <i>Nhóm chẵn: Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của miền Nam sau đại thắng Xuân 1975?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975 - Ở miền Bắc: + Sau hơn 20 năm (1954 - 1975), miền Bắc đã xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. + Cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc. - Ở miền Nam: + Miền Nam được giải phóng hoàn toàn, trong chừng mực nhất định có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. + Cơ sở của chính quyền cũ cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu, sản xuất nhỏ phân tán là phổ biến,...

Hoạt động 2. III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976)

- **Mục tiêu:** Trình bày được nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập * Phát vấn: + <i>Trình bày nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976) - Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước. - Từ ngày 24 - 6 đến ngày 3 - 7 - 1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên, thông qua chính sách đối nội và đối ngoại, quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

học tập - GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV yêu cầu HS quan sát hình 79, 80 – SGK để hiểu biết thêm về công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. * Tích hợp HTVLT TGĐĐHCM: GD tinh thần đoàn kết của HCM.	quyết định Quốc huy, Quốc kì, Quốc ca, thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. - Ý nghĩa: + Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. + Tạo những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước khác.
---	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Việt Nam trong những năm đầu sau đại thắng Xuân 1975.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân*, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ quan trọng cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

- A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
- B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở 2 miền Nam - Bắc.
- C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.**
- D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

- A. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.
- B. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.
- C. Đất nước đã được độc lập, thống nhất**
- D. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

Câu 3. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

- A. Số người mù chữ số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao
- B. Bọn phản động trong nước vẫn còn
- C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu
- D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề**

Câu 4. Tháng 9/1975, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 đã đề ra nhiệm vụ gì?

- A. Cải tạo XHCN.
- B. Bầu cử Quốc hội thống nhất.**

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. Bầu Ban Dự thảo Hiến pháp.

Câu 5. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11/1975).

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25/4/1976).

C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kỳ họp đầu tiên (24/6-2/7/1976).

D. Đại hội thống nhất Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng, vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nói lên suy nghĩ của mình khi đất nước được thống nhất.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Em hãy viết 1 đoạn văn ngắn nói lên suy nghĩ của mình sau khi học bài này.

- **Giao nhiệm vụ**

+ Chuẩn bị bài mới: Bài 33: Việt Nam trên đường đổi mới đi lên CNXH.

+ Học bài cũ.

+ Sưu tầm những tài liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

-----HẾT-----

Tiết 48

Bài 32

XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1985)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Biết được cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979.

2. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng sử dụng các tranh ảnh lịch sử.

2. Yêu cầu về phẩm chất

- Bồi dưỡng cho hs lòng yêu nước gắn với CNXH, có tinh thần đổi mới trong lao động, công tác và học tập.

- Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV trực quan hình 82 SGK trang 171. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hãy cho biết công trình được nhắc đến trong hình ảnh là công trình gì? Và được xây dựng trong thời gian nào?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới.

Hoạt động 1. II. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1979)

- **Mục tiêu:** Trình bày công cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1979)

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK và yêu cầu HS trình bày cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	II. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1979) - Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây – Nam: + Ngày 22 - 12 - 1987, tập đoàn Pôn Pốt tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam nước ta. + Quân ta tổ chức cuộc phản công và tiến công đánh đuổi quân Pôn Pốt ra khỏi nước ta. - Bảo vệ biên giới phía Bắc: + Từ năm 1978, quân Trung Quốc có những hành động khiêu khích dọc biên giới. + Sáng 17 - 2 - 1979, quân đội Trung Quốc mở cuộc tiến công dọc biên giới phía Bắc nước ta, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). + Quân dân ta đã đứng lên chiến đấu ngoan cường. Đến ngày 18 - 3 - 1979, quân Trung Quốc rút khỏi nước ta.

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, nhân dân ta phải đấu đầu trực tiếp với những lực lượng nào để bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc?

- A. Quân xâm lược Mỹ và Ngụy quyền Sài Gòn
- B. Ngụy quyền Sài Gòn và cuộc tiến công biên giới phía Bắc của Trung Quốc.
- C. Tập đoàn Pôn Pốt (Cam-pu-chia) và cuộc tiến công biên giới phía Bắc của Trung Quốc.**
- D. Ngụy quyền Sài Gòn và tập đoàn Pôn Pốt (Cam-pu-chia).

Câu 2. Điều **không phải** là những hành động của Trung Quốc làm tổn hại đến tình cảm giữa nhân dân hai nước vào năm 1975?

- A. Cho quân kiêu khích quân sự dọc biên giới.
- B. Cắt viện trợ cho Việt Nam.
- C. Rút chuyên gia về nước.
- D. Giúp đỡ nhân dân Việt Nam phát triển đất nước.**

Câu 3. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) là gì?

- A. Khôi phục và phát triển kinh tế.
- B. Cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.
- C. Vừa xây dựng đất nước vừa cải tạo quan hệ sản xuất.**
- D. Xây dựng nền văn hóa mới.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nói lên suy nghĩ của mình khi đất nước tiến hành đổi mới.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Em hãy viết 1 đoạn văn ngắn nói lên suy nghĩ của mình về việc xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn hiện nay?

- **Dự kiến sản phẩm**

- **Giao nhiệm vụ**

+ Học bài cũ, hoàn thiện vở bài tập, xem trước bài 33.

+ Sưu tầm những tài liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

-----HẾT-----

Tiết 49

Bài 33

VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CNXH (từ năm 1986 đến năm 2000)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu về kiến thức

- Biết được hoàn cảnh thế giới và trong nước đòi hỏi ta phải tiến hành công cuộc đổi mới, trình bày được nội dung đường lối đổi mới của Đảng.
- Trình bày được những thành tựu cơ bản trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới.

1. Yêu cầu về năng lực

a. Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; phát hiện và giải quyết vấn đề giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo....

b. Năng lực chuyên biệt

- Rèn luyện cho hs kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá các sự kiện lịch sử.

3. Yêu cầu về phẩm chất

- Bồi dưỡng cho hs lòng yêu nước gắn với CNXH, có tinh thần đổi mới trong lao động, công tác và học tập.

- Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Hình ảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng tại Hội nghị Ba Đình, Hà Nội.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kết nối kiến thức thông qua hình ảnh kích thích sự tò mò, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV trực quan hình 84, 85, 86 SGK. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em cảm nhận gì khi xem các bức hình này?

Bước 2: HS thực hiện yêu cầu của giáo viên.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Gv đánh giá.

Trên cơ sở ý kiến GV dẫn dắt vào bài hoặc GV nhận xét và vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975

- **Mục tiêu:** Biết được hoàn cảnh thế giới và trong nước đòi hỏi ta phải tiến hành công cuộc đổi mới, trình bày được nội dung đường lối đổi mới của Đảng.

- Tổ chức hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK. - Chia lớp thành 6 nhóm: + Nhóm lẻ: Nêu hoàn cảnh thế giới và trong nước đòi hỏi ta phải tiến hành công cuộc đổi mới. + Nhóm chẵn: Trình bày nội dung đường lối đổi mới của Đảng. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích các nhóm hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS.	I. Đường lối đổi mới của Đảng - Hoàn cảnh: + Trải qua 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể, song cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, nhất là về kinh tế xã hội. Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước vượt qua khủng hoảng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới. + Tình hình thế giới có sự thay đổi: sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Các nhóm trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm trình bày. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV trực quan hình 83 và tư liệu.	- Đường lối đổi mới của Đảng: được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12 - 1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (6 - 1991), Đại hội VIII (6 - 1996), Đại hội IX (4 - 2001): + Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. + Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, đổi mới về kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.
---	--

Hoạt động 2. II. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000)

- **Mục tiêu:** Trình bày được những thành tựu cơ bản trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới.

- **Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Đọc SGK và yêu cầu HS trình bày những thành tựu cơ bản trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập, GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của HS. GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. GV yêu cầu HS quan sát hình 79, 80 – SGK để hiểu biết thêm về công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. * Tích hợp HTVLTGĐĐHCM: GD	II. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2000) - Kế hoạch 5 năm 1986 – 1990: + Về lương thực - thực phẩm, đến năm 1990 đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn, năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn. + Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể. + Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, hàng xuất khẩu tăng gấp ba lần. - Kế hoạch 5 năm 1991 – 1995: + Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hàng năm là 8,2%; lạm phát bị đẩy lùi, kinh tế đối ngoại phát triển. + Quan hệ đối ngoại được mở rộng: Tháng 7 - 1995, Việt Nam và Mĩ bình thường hoá quan hệ ngoại giao. Cũng trong tháng này, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). - Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000: + Tổng sản phẩm trong nước bình quân tăng hàng năm là 7%; công nghiệp tăng bình quân

tinh thần lao động sáng tạo.	hàng năm là 13,5% nông nghiệp là 5,7%. + Hoạt động xuất nhập khẩu không ngừng tăng lên. Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt khoảng 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước. + Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng...
-------------------------------------	--

3. Hoạt động luyện tập

- **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về Việt Nam trên đường đổi mới đi lên CNXH.

- **Phương thức tiến hành:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

Câu 1. Đâu không phải là hoàn cảnh đưa đến việc Đảng ta phải thực hiện đường lối đổi mới?

- A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế, xã hội.
- B. Do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.
- C. Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là sự khủng hoảng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Do sự cạnh tranh của các nước Đông Nam Á nên buộc ta phải đổi mới.

Câu 2. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên ở Đại hội nào?

- A. Đại hội IV (12 - 1976).
- B. Đại hội V (3 - 1981).
- C. Đại hội VI (12 - 1986).**
- D. Đại hội VII (6 - 1991).

Câu 3. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng VI?

- A. Đổi mới về kinh tế.
- B. Đổi mới về chính trị.
- C. Đổi mới về văn hóa.
- D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.**

Câu 4. Đại hội Đảng lần thứ VI đã xác định rõ quan điểm đổi mới của Đảng CSVN là đổi mới toàn diện và đồng bộ, nhưng trọng tâm là gì?

- A. Đổi mới về chính trị.
- B. Đổi mới về kinh tế và chính trị.
- C. Đổi mới về kinh tế.**
- D. Đổi mới về văn hóa.

Câu 5. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
- C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 6. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?

A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 7. Trong những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

A. Thực hiện được 3 chương trình kinh tế.

B. Phát triển kinh tế đối ngoại.

C. Kiểm chế được lạm phát.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 8. Thành tựu đầu tiên trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới là gì?

A. Giải quyết được việc làm cho người lao động.

B. Giải quyết nạn thiếu ăn triền miên.

C. Kim ngạch xuất khẩu tăng 10 lần.

D. Xuất khẩu gạo đứng thứ 3 thế giới.

4. Hoạt động vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp học sinh nói lên suy nghĩ của mình khi đất nước tiến hành đổi mới.

- **Phương thức tiến hành:** Các câu hỏi sau khi hình thành kiến thức mới.

Em hãy viết 1 đoạn văn ngắn nói lên suy nghĩ của mình về những thành tựu hiện nay mà nước ta đạt được.

- Giao nhiệm vụ

+ Chuẩn bị bài mới: Bài 34: Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau CTTG thứ 1 đến năm 2000.

+ Học bài cũ.

+ Sưu tầm những tài liệu, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.